

Phụ lục I
BIỂU MẪU VỀ QUẢN LÝ THUẾ
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
(Kèm theo Thông tư số 86/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên Biểu mẫu	Số hiệu
Công văn đề nghị gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt	Mẫu số 01
Thông báo về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ	Mẫu số 02
Quyết định gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt	Mẫu số 03
Công văn đề nghị hoàn tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Mẫu số 04
Thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ	Mẫu số 05
Thông báo bổ sung hồ sơ	Mẫu số 06
Quyết định về việc hoàn tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 07
Quyết định thu hồi hoàn thuế	Mẫu số 08
Thông báo về việc bù trừ tiền được hoàn	Mẫu số 09
Thông báo về việc nộp thuế và các khoản thu khác đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 10
Thông báo tiền thuế nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu	Mẫu số 11
Công văn đề nghị miễn tiền chậm nộp	Mẫu số 12
Quyết định miễn tiền chậm nộp	Mẫu số 13

Công văn đề nghị hoàn thuế	Mẫu số 14
Báo cáo tính thuế nguyên liệu, vật tư, linh kiện đề nghị hoàn thuế nhập khẩu.	Mẫu số 15
Quyết định hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 16
Thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 17
Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 18
Phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 19
Công văn đề nghị Bộ Tài chính xác nhận chủng loại và định lượng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài	Mẫu số 20
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài	Mẫu số 21
Công văn đề nghị cấp Sổ định mức miễn thuế hoặc bổ sung định lượng hàng hóa miễn thuế của cơ quan đại diện tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ	Mẫu số 22a
Công văn đề nghị cấp Sổ định mức miễn thuế hoặc bổ sung định lượng hàng hóa miễn thuế của thành viên cơ quan đại diện tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ	Mẫu số 22b
Sổ định mức miễn thuế của cơ quan đại diện tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ (do cơ quan hải quan cấp)	Mẫu số 23a

Sổ định mức miễn thuế của cá nhân thuộc cơ quan đại diện tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ (do cơ quan hải quan cá	Mẫu số 23b
Công văn đề nghị miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng	Mẫu số 24
Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị miễn thuế để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác	Mẫu số 25
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác	Mẫu số 26
Danh sách cá nhân/hộ gia đình/hộ kinh doanh đầu tư, trồng nông sản tại tỉnh của Campuchia tiếp giáp tỉnh.... biên giới của Việt Nam năm....	Mẫu số 27
Công văn đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế	Mẫu số 28
Văn bản xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế đối với trường hợp điều ước quốc tế không quy định cụ thể chủng loại, định lượng miễn thuế	Mẫu số 29
Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan hàng hóa nhập khẩu tại chỗ	Mẫu số 30
Bảng kê chi tiết hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền	Mẫu số 31
Thông báo chuyển nhượng dự án đầu tư	Mẫu số 32
Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế	Mẫu số 33
Thông báo về việc hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị	Mẫu số 34

Thông báo về việc hoàn thiện lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	Mẫu số 35
Công văn đề nghị giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 36
Quyết định về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu	Mẫu số 37
Công văn đề nghị không thu thuế	Mẫu số 38
Quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 39
Quyết định về việc huỷ quyết định ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 40
Quyết định khoan tiền thuế nợ	Mẫu số 41
Quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ	Mẫu số 42
Công văn đề nghị xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Mẫu số 43
Quyết định xoá nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt	Mẫu số 44
Công văn đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xoá	Mẫu số 45
Quyết định phục hồi tiền thuế nợ đã xoá	Mẫu số 46
Công văn đề nghị nộp dần tiền thuế nợ	Mẫu số 47
Thông báo về việc nộp dần tiền thuế nợ	Mẫu số 48
Quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế	Mẫu số 49
Thông báo về việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu	Mẫu số 50
Quyết định về việc gia hạn thời hạn kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế	Mẫu số 51
Thông báo tạm dừng kiểm tra	Mẫu số 52
Biên bản công bố Quyết định kiểm tra	Mẫu số 53
Biên bản kiểm tra	Mẫu số 54

Kết luận kiểm tra	Mẫu số 55
Công văn đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	Mẫu số 56
Thông báo sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh	Mẫu số 57
Thông báo tạm hoãn xuất cảnh	Mẫu số 58
Thông báo gia hạn tạm hoãn xuất cảnh	Mẫu số 59
Thông báo huỷ bỏ tạm hoãn xuất cảnh	Mẫu số 60
Quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế	Mẫu số 61
Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Mẫu số 62
Công văn yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản	Mẫu số 63
Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập	Mẫu số 64
Công văn yêu cầu cung cấp thông tin về khoản tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế	Mẫu số 65
Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Mẫu số 66
Văn bản đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước khác gửi cơ quan hải quan	Mẫu số 67
Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ	Mẫu số 68
Công văn yêu cầu cung cấp thông tin về tiền, tài sản đang nắm giữ hoặc công nợ phải trả đối với người nộp thuế bị cưỡng chế	Mẫu số 69

Công văn xác minh tài sản	Mẫu số 70
Biên bản xác minh tài sản	Mẫu số 71
Công văn gửi Ủy ban nhân dân các cấp đề nghị kê biên, bán đấu giá tài sản kê biên	Mẫu số 72
Công văn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Mẫu số 73
Công văn đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp do cơ quan quản lý thuế lập	Mẫu số 74

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị gia hạn nộp
thuế, khoản thu khác, tiền chậm
nộp, tiền phạtKính gửi: ⁽²⁾Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;⁽³⁾Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;⁽³⁾Căn cứ Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;⁽³⁾.....⁽⁴⁾, mã số thuế....., địa chỉ đang nợ tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt của tờ khai số... ngày... tháng... năm... đăng ký tại... (hoặc Quyết định ấn định thuế số... ngày... tháng... năm...);⁽⁵⁾Đề nghị⁽²⁾ cho⁽⁴⁾ được gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt, cụ thể:

1. Số tiền đề nghị gia hạn: (Bằng chữ: ...)
2. Thời gian đề nghị gia hạn:
3. Lý do đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền chậm nộp, khoản thu khác, tiền phạt:

Hồ sơ, tài liệu kèm theo: ...⁽⁶⁾.....⁽⁴⁾ cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên./**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(hoặc **NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.
- (2) Tên cơ quan hải quan có thẩm quyền giải quyết gia hạn.
- (3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- (4) Tên người nộp thuế.
- (5) Trường hợp số tiền nợ thuộc nhiều tờ khai, Quyết định ấn định thuế thì lập bảng kê đính kèm.
- (6) Liệt kê tài liệu kèm theo.

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN BAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH VĂN BẢN
Số: .../TB-... ..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**Về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý
tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp
thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá
nợ/phục hồi xoá nợ⁽¹⁾**

Kính gửi:⁽²⁾
(Địa chỉ:)

(Tên cơ quan hải quan)...nhận được công văn số... ngày... của
(2), mã số thuế về việc và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;⁽³⁾

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Quản lý thuế;⁽³⁾

Căn cứ Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập
khẩu;⁽³⁾

Căn cứ...;⁽³⁾

(Tên cơ quan hải quan) thông báo:

Hồ sơ⁽⁴⁾ của⁽²⁾ không thuộc trường hợp/đối tượng
được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu
khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền
chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ/...

Lý do:

Nếu⁽²⁾ có vướng mắc, đề nghị liên hệ với (tên cơ quan hải
quan) để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ:

(Tên cơ quan hải quan)..... thông báo để⁽²⁾ được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng, gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ.

(2) Tên người nộp thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Ghi rõ loại hồ sơ đề nghị

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
- TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày.....thángnăm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ;

Trên cơ sở xem xét đề nghị gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt của (tên người nộp thuế, mã số thuế) ... tại văn bản số.... ngày... tháng ... năm.... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ...(Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ).... được gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt của tờ khai số... ngày... tháng... năm... đăng ký tại... (hoặc Quyết định ấn định thuế số... ngày... tháng... năm...) (*) , cụ thể như sau:

1. Số tiền gia hạn: (Bằng chữ: ...)
2. Thời hạn nộp theo quy định:
3. Thời gian được gia hạn: Từ ngày....đến ngày.....

Điều 2. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền phạt người nộp thuế không phải nộp tiền chậm nộp. Khi hết thời gian gia hạn.....(tên người nộp thuế)... phải nộp đầy đủ số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt vào ngân sách nhà nước. Trường hợp (tên người nộp thuế).... không nộp hoặc nộp không đầy đủ số tiền thuế, khoản thu khác, tiền phạt được gia hạn vào ngân sách nhà nước sau khi hết thời gian gia hạn thì ...(tên người nộp thuế)... sẽ bị tính tiền chậm nộp và cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. ...(Tên người nộp thuế)...; (Thủ trưởng các đơn vị có liên quan)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu VT:....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- * Trường hợp số tiền nợ thuộc nhiều tờ khai, Quyết định ấn định thuế thì lập bảng kê đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày.....tháng.....năm

**CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ HOÀN
TIỀN THUẾ, KHOẢN THU KHÁC
TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA**

Kính gửi:(tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế).....

I- THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ:

Tên tổ chức, cá nhân.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Cơ quan thuế quản lý người nộp thuế: Tên ... Địa chỉ ...

II- NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN):

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả:

Đơn vị: Đồng

Số TT	Tên khoản tiền nộp thừa	Số, ngày tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung, Quyết định ấn định thuế	Số, ngày giấy nộp tiền vào NSNN	Số tiền phải nộp		Số tiền đã nộp vào tài khoản		Số tiền được hoàn	Số tiền đề nghị hoàn	Ghi chú
				Thu NSNN	Tiền gửi	Thu NSNN	Tiền gửi			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng cộng: (bằng số)										

2. Lý do đề nghị hoàn:

3. Nội dung cam kết của người nộp thuế về việc kê khai khấu trừ/ điều chỉnh thuế Giá trị gia tăng (GTGT) hàng nhập khẩu (nếu thừa)

☐ Người nộp thuế cam kết số tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế, người nộp thuế sẽ thực hiện kê khai điều chỉnh với cơ quan thuế số tiền thuế GTGT được cơ quan hải quan hoàn.

☐ Người nộp thuế cam kết số tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được kê khai, khấu trừ, chưa được hoàn tại cơ quan thuế.

4. Hình thức hoàn trả:

 - Bù trừ cho số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ thuộc tờ khai hải quan số..... ngày.....☐

- Bù trừ vào số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp cho các tờ khai hải quan làm thủ tục tiếp theo. ☐

- Hoàn trả trực tiếp ☐

Số tiền hoàn trả: Bằng số:Bằng chữ:

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tài khoản số:Tại Ngân hàng (KBNN)

☐ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

Tôi cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- “Lý do đề nghị hoàn trả”: Ghi rõ đề nghị hoàn theo quy định tại Điểm, Khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- KBNN: Kho bạc Nhà nước.

- NSNN: Ngân sách Nhà nước.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN
Số: .../TB-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

V/v tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ

Kính gửi:⁽¹⁾

(Địa chỉ:.....)

Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; ⁽²⁾

Căn cứ Điều... Luật; ⁽²⁾

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;⁽²⁾

Căn cứ Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;⁽²⁾

Căn cứ...;⁽²⁾

(Tên cơ quan hải quan) thông báo:

1. Tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ⁽³⁾ số... ngày... của⁽¹⁾, mã số thuế

Lý do không tiếp nhận hồ sơ:⁽⁴⁾

Thành phần hồ sơ đã nộp:

Thời gian nhận hồ sơ:

2. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế: ⁽⁵⁾

a) Kết quả phân loại hồ sơ:

☐ Hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

☐ Kiểm tra trước, hoàn thuế sau.

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

3. Trường hợp thông báo số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án:⁽⁶⁾

Nếu⁽¹⁾ có vướng mắc, đề nghị liên hệ với (tên cơ quan hải quan) để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ:

(Tên cơ quan hải quan)... thông báo để⁽¹⁾ được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên người nộp thuế.

(2) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(3) Ghi rõ loại hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng...

(4) Ghi rõ lý do không tiếp nhận.

(5) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế:

- Đánh dấu (x) vào ô kết quả phân loại hồ sơ
- Ghi rõ thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định pháp luật.

(6) Trường hợp thông báo số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án, ghi chi tiết số tiền thuế theo từng tờ khai, từng loại thuế.

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-tên viết tắt của cơ
quan ban hành VB

..... ngày.... tháng.....năm....

Mã số quản lý hải quan

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hoàn tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật thuế giá trị gia tăng số; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.....; Luật thuế bảo vệ môi trường.....và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ Luật...;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền ra Quyết định hoàn tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa quy định tại Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Trên cơ sở công văn đề nghị xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa số....ngày.... của người nộp thuế.....Mã số thuế:Địa chỉ:.....và hồ sơ kèm theo;

Theo đề xuất tại tờ trình số....ngày.... của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp theo tờ khai/quyết định số ... ngày ...tháng...năm... cho...(tên người nộp thuế) ..., Mã số thuế

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc bổ sung hồ sơ... ⁽¹⁾

Kính gửi:⁽²⁾

(Địa chỉ:)

(Tên cơ quan hải quan)..... nhận được công văn số... ngày... của⁽²⁾, mã số thuế về việc và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Điều.... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;⁽³⁾

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;⁽³⁾

Căn cứ Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;⁽³⁾

Căn cứ...⁽³⁾

(Tên cơ quan hải quan) đề nghị⁽²⁾ bổ sung hồ sơ (hoặc giải trình) tài liệu như sau:⁽⁴⁾

Thời hạn bổ sung hồ sơ (hoặc giải trình) là: ... ngày kể từ ngày cơ quan hải quan phát hành thông báo này.

Nếu⁽²⁾ có vướng mắc, đề nghị liên hệ với (tên cơ quan hải quan) để được giải đáp. Số điện thoại liên hệ:

(Tên cơ quan hải quan) thông báo đề⁽²⁾ được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thông báo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng

(2) Tên người nộp thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Ghi chi tiết tài liệu cần bổ sung/các nội dung cần giải trình.

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền được hoàn
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế GTGT	
7	Tiền chậm nộp thuế	
8	Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ: ...)

Điều 2. Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN) theo tờ khai/quyết định số ... ngày ...tháng...năm... cho...(tên người nộp thuế) ..., Mã số thuếtại Kho bạc Nhà nước....

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền bù trừ
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế GTGT	
7	Tiền chậm nộp thuế	
8	Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ: ...)

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:.....đồng.

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền được hoàn
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế GTGT	
7	Tiền chậm nộp thuế	
8	Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	Khác	
10	Tổng cộng	

(Bằng chữ: ...)

Hình thức hoàn trả:

☐huyền khoản

Số tài khoản..... Tại ngân hàng (KBNN).....

☐iền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. (Tên người nộp thuế) ..., Mã số thuếvà trường các bộ phận nghiệp vụ liên quan thuộc cơ quan ra Quyết định..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật thuế./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (*);
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Điều 2 dùng để bù trừ khoản được hoàn với khoản phải nộp.

Điều 3 dùng đối với trường hợp hoàn kiêm bù trừ nhưng vẫn còn số tiền được hoàn người nộp thuế đề nghị hoàn trả.

(*): Các đơn vị có liên quan (Cơ quan thuế quản lý người nộp thuế, Kho bạc Nhà nước ...).

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ -...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi hoàn thuế

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật thuế giá trị gia tăng số; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.....; Luật thuế bảo vệ môi trường.....và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành các Luật này;

Căn cứ Luật...;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số ngày ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Cục Hải quan/Chi cục Hải quan/...);

Trên cơ sở Quyết định hoàn tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt số.....ngày.....và các tài liệu kèm theo của.....đối với (tên người nộp thuế)....., mã số thuế.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi tiền thuế đã hoàn đối với: (Tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là: đồng

(bằng chữ:).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Quyết định hoàn thuế		Tờ khai hải quan		Số tiền thuế đã được hoàn	Ngày ngân sách hoàn trả	Số tiền thu hồi hoàn thuế			Ghi chú
	Số	Ngày	Số	Ngày đăng ký			Thuế xuất/nhập khẩu (Tiểu mục...)	Thuế... (Tiểu mục...)	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng cộng									

Lý do thu hồi:

Điều 2. Đề nghị (tên người nộp thuế).... nộp số tiền thu hồi hoàn và tiền chậm nộp phát sinh vào số tài khoản:..... tại Kho bạc nhà nước.....; mã Kho bạc Nhà nước.....; mã Ngân hàng của Kho bạc Nhà nước.....; mã địa bàn hành chính:.....

Tên đơn vị hưởng:.....Mã QHNS:.....

Tiền chậm nộp phát sinh sau khi nộp tiền thu hồi hoàn thuế được tính theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Tên người nộp thuế)..., (Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan hải quan), (Tên Kho bạc nhà nước) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

Số:...../TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc bù trừ tiền được hoàn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

(Tên cơ quan hải quan)..... thông báo:

Theo đề nghị của(tên người nộp thuế, mã số thuế) tại công văn sốtháng.....năm.....

Số tiền được hoàn theo Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm..... (tên cơ quan hải quan ra thông báo) đã bù trừ vào số tiền(tên, số tiền của khoản nợ) còn nợ của tờ khai/Quyết định số, ngày.....tháng.....năm..... của(tên người nộp thuế)

Lý do: (tên người nộp thuế) đề nghị hoàn nhưng vẫn còn nợ số tiền..... (tên, số tiền của khoản nợ) của tờ khai/Quyết định trên.

(Tên cơ quan hải quan) thông báo để.....(tên người nộp thuế) được biết./.

Nơi nhận:

- Người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Nội dung phần căn cứ có thể thay đổi khi văn bản quy phạm pháp luật thay đổi.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Về nộp thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Điều ... Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều ... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

(Tên cơ quan hải quan)...thông báo (Tên người nộp thuế/ngân hàng, tổ chức tín dụng/cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá)

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

1. Tên người nộp thuế /ngân hàng, tổ chức tín dụng/cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá:
2. Mã số thuế (nếu có):
3. Địa chỉ:

II. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN:

1. Lý do nộp:
2. Số tiền phải nộp:
 - 2.1. Thuế xuất khẩu:
 - 2.2. Thuế nhập khẩu:
 - 2.3. Thuế tự vệ/chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp:
 - 2.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt:
 - 2.5. Thuế bảo vệ môi trường:
 - 2.6. Thuế giá trị gia tăng:
 - 2.7. Tiền chậm nộp:
 - 2.8. Tiền phí, lệ phí:
 - 2.9. Khoản thu khác (nếu có):

Tổng số tiền:

(Bằng chữ:.....)

3. Thời hạn nộp tiền thuế/tiền chậm nộp/tiền phí, lệ phí, khoản thu khác (nếu có):

4. Mức tính tiền chậm nộp:

5. Nơi nộp/hình thức nộp/Tài khoản nộp/Tên đơn vị thụ hưởng:

Trường hợp (người nộp thuế/ngân hàng, tổ chức tín dụng/cơ quan, tổ chức thu tiền bán đấu giá) có ý kiến về việc..., đề nghị liên hệ với...(tên cơ quan hải quan)... để được hướng dẫn thực hiện. Số điện thoại liên hệ:...

(Tên cơ quan hải quan)... xin thông báo đề ...(tên người nộp thuế) được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận có liên quan;
- Lưu VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Về tiền thuế nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ khoản... Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,⁽¹⁾

(Tên cơ quan hải quan).....⁽²⁾ thông báo:⁽³⁾
còn nộp thiếu tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt của tờ khai số...
ngày... tháng... năm... đăng ký tại.../Quyết định số... ngày... tháng... năm...
là: đồng.

1. Nội dung thông báo về số tiền thuế còn thiếu:

Số tiền thuế phải nộp/bảo lãnh: đồng;

Số tiền thuế đã nộp: đồng;

Số tiền thuế còn thiếu: đồng, chi tiết bao gồm các khoản thuế phải nộp như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Sắc thuế	Số tiền
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
4	Thuế giá trị gia tăng	
...	...	
	Tổng cộng	

2. Nội dung thông báo về tiền chậm nộp, tiền phạt, khoản thu khác còn thiếu:

Tổng số tiền thuế chậm nộp/bị phạt/khoản thu khác: đồng;

Số ngày chậm nộp: ngày;

Mức tính tiền chậm nộp:

Tổng số tiền chậm nộp/tiền phạt/khoản thu khác phải nộp: đồng; ⁽⁴⁾

Số tiền chậm nộp/tiền phạt/khoản thu khác đã nộp: đồng;

Số tiền chậm nộp/tiền phạt còn thiếu: đồng.

Đề nghị⁽³⁾ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt trên vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

(Tên cơ quan hải quan).....⁽²⁾ thông báo để.....⁽³⁾ biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng (nếu thuộc trường hợp ủy nhiệm thu bảo lãnh);
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(2) Tên cơ quan hải quan ra thông báo.

(3) Tên người nộp thuế hoặc cơ quan được ủy nhiệm thu, tổ chức tín dụng (nếu thuộc trường hợp ủy nhiệm thu bảo lãnh).

TÊN NGƯỜI NỘ THUẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....thángnăm

V/v đề nghị miễn tiền chậm
nộp

Kính gửi:(Tên cơ quan hải quan)...

Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ khoản... Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ;

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:.....

3. Địa chỉ nhận thông báo:

4. Điện thoại: E-mail:.....

5. Đề nghị(tên cơ quan hải quan) miễn tiền chậm nộp theo quy định tại Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

5.1. Lý do miễn tiền chậm nộp:;

5.2. Giá trị vật chất bị thiệt hại: ... đồng;

5.3. Số tiền chậm nộp đề nghị miễn: đồng;

5.4. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu)

(1)

(2)

... (Tên người nộp thuế)... chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(hoặc NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)***Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN
HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn tiền chậm nộp đối với... (tên người nộp thuế).....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp của (tên người nộp thuế)....., mã số thuế...;

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn tiền chậm nộp từ khai số... ngày... cho ...(tên người nộp thuế), mã số thuế, địa chỉvới số tiền chậm nộp: đồng (Bằng chữ: ...);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. ... (Tên người nộp thuế)..., trường các bộ phận nghiệp vụ liên quan thuộc cơ quan hải quan...chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

-;

- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

* Trường hợp có nhiều tờ khai, có thể lập phụ lục đính kèm Quyết định.

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số .../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị hoàn thuế ...

Kính gửi:⁽²⁾**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn thuế**

1. Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: ...

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax (nếu có): ... Email (nếu có): ...

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: ...

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax (nếu có): ... Email (nếu có): ...

Hợp đồng đại lý hải quan số: ngày

II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước

1. Thông tin về tiền thuế đề nghị hoàn trả:

Đơn vị: VNĐ

STT	Loại thuế	Thông tin tờ khai hải quan/tờ khai hải quan bổ sung		Thông tin Quyết định ấn định thuế		Số tiền thuế đã nộp vào tài khoản		Số tiền thuế đề nghị		
		Số tờ khai	Ngày tờ khai	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Thu Ngân sách Nhà nước	Tài khoản tiền gửi	Bù trừ số tiền thuế, thu khác còn nợ	Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	Hoàn trả trực tiếp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng cộng										

(Bằng chữ: ...)

2. Lý do đề nghị hoàn thuế:⁽³⁾

3. Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế:

3.1. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

☐ Có, số chứng từ thanh toán:☐ Không.

3.2. Việc sử dụng, gia công, chế biến:

☐ Chưa qua sử dụng, gia công, chế biến.

☐ Đã qua sử dụng, gia công, chế biến.

3.3. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất:

a) Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuê:

☐ Có.

☐ Không.

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn: ⁽⁴⁾

☐ Có.

☐ Không.

4. Hình thức hoàn trả:

4.1. Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ (cột 9) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.2. Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp (cột 10) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.3. Hoàn trả trực tiếp (cột 11):

Số tiền hoàn trả: Bằng số:

Bằng chữ:

Trong đó:

☐ Chuyển khoản: Tài khoản số: Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước)

☐ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

Hồ sơ, tài liệu kèm theo:⁽⁵⁾

Tổ chức/cá nhân cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN

Họ và tên:...

Chứng chỉ hành nghề số:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(hoặc NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế.

(3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuê, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế.

(5) Liệt kê tài liệu kèm theo.

BÁO CÁO TÍNH THUẾ NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, LINH KIỆN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ NHẬP KHẨU

(Kèm theo công văn đề nghị hoàn thuế số ngày)

Tên người nộp thuế: ...

Mã số thuế: ... Địa chỉ: ...

Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu: ...

Số, ngày Hợp đồng xuất khẩu: ...

STT	Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)							Tờ khai xuất khẩu sản phẩm				Mã nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu	Mã sản phẩm xuất khẩu	Lượng NL, VT, LK sử dụng cho sản phẩm xuất khẩu	Định mức sử dụng thực tế	Số tiền thuế nhập khẩu đã nộp	Số tiền thuế đề nghị hoàn/ không thu	Ghi chú
	Số- Ngày tờ khai hải quan- Số thứ tự đồng hàng	Tên nguyên liệu, vật tư, linh kiện theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá tính thuế	Thuế suất thuế nhập khẩu	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên sản phẩm theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI NỘP THUẾ (hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm...

Mã số quản lý hải quan⁽¹⁾

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH ⁽²⁾

Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;⁽³⁾

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;⁽³⁾

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;⁽³⁾

Căn cứ ...,⁽³⁾

Theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế của⁽⁴⁾, mã số thuế , địa chỉ và tờ trình số... ngày... của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả số tiền thuế/không thu thuế theo tờ khai số... ngày...⁽⁵⁾ cho⁽⁴⁾, mã số thuế, địa chỉ với số tiền như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế giá trị gia tăng	
	Tổng cộng	

(Bằng chữ: ...)

Điều 2. Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước theo tờ khai/Quyết định số... ngày... cho⁽⁴⁾, mã số thuế tại Kho bạc Nhà nước:⁽⁶⁾

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền bù trừ
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/ thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế giá trị gia tăng	
7	Tiền chậm nộp thuế	
8	Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	Khác	
	Tổng cộng	

(Bảng chữ:...)

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:⁽⁷⁾

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền được hoàn
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Thuế giá trị gia tăng	
7	Tiền chậm nộp thuế	
8	Tiền phạt vi phạm hành chính	
9	Khác	
	Tổng cộng	

(Bảng chữ:...)

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Số tài khoản: ... Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước) ...

☐ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước ...

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁴⁾, mã số thuế và các bộ phận nghiệp vụ⁽⁸⁾ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cơ quan thuế;
- Kho bạc Nhà nước;
- ...
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Công chức xử lý hồ sơ thực hiện cấp mã số quản lý hải quan theo cấu trúc: Mã Đơn vị Hải quan/Số thứ tự/Năm/Mã hoàn thuế/Mã loại hình tờ khai. Mã hoàn thuế trước, kiểm tra sau ghi HT01; mã kiểm tra trước, hoàn thuế sau ghi HT02.
- (2) Ghi chức danh của người có thẩm quyền quyết định hoàn thuế/không thu thuế.
- (3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- (4) Tên người nộp thuế.
- (5) Trường hợp có nhiều tờ khai, liệt kê chi tiết số tiền thuế theo từng tờ khai tại Phụ lục đính kèm.
- (6) Điều 2 dùng để bù trừ khoản tiền được hoàn với khoản tiền phải nộp.
- (7) Điều 3 áp dụng đối với trường hợp hoàn kiêm bù trừ nhưng chưa hết, người nộp thuế đề nghị hoàn trả.
- (8) Các bộ phận nghiệp vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

PHỤ LỤC
DANH MỤC TỜ KHAI HOÀN THUẾ/KHÔNG THU THUẾ
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-.... ngày... tháng... năm... của....)

Đơn vị: VNĐ

STT	Thông tin tờ khai hoàn thuế/không thu thuế		Loại thuế	Số tiền được hoàn/không thu
	Số tờ khai	Ngày tờ khai		
			Thuế xuất khẩu	
			Thuế nhập khẩu	
			Thuế tự vệ/thuế chống bán phá giá/thuế chống trợ cấp	
			Thuế tiêu thụ đặc biệt	
			Thuế bảo vệ môi trường	
			Thuế giá trị gia tăng	
Tổng cộng				

(Bằng chữ: ...)

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v thông báo Danh mục
hàng hóa miễn thuế dự kiến
xuất khẩu, nhập khẩuKính gửi: Cơ quan hải quan ...⁽²⁾Tên tổ chức/cá nhân: ...⁽³⁾

Mã số thuế:...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax: ...

Lĩnh vực hoạt động:

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế)...

Nay, ...⁽³⁾ thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu của:

Dự án đầu tư ...

Ngành nghề đầu tư:...

Địa bàn đầu tư: ...

Hạng mục công trình: ...

...

(Nếu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cho toàn bộ dự án thì không cần ghi chi tiết hạng mục công trình)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ ... đến ...

Các giấy tờ kèm theo gồm:

02 Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, 01 phiếu theo dõi, trừ lùi (trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế bằng giấy); trường hợp

thông báo Danh mục miễn thuế trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan (tổ chức/cá nhân nêu rõ số ... ngày ... Danh mục miễn thuế đã được thông báo trên Hệ thống).

Các chứng từ làm cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tổ chức/cá nhân...⁽³⁾ cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị Cơ quan hải quan...⁽²⁾ tiếp nhận thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo Danh mục miễn thuế.

⁽³⁾ Ghi tên tổ chức/cá nhân thông báo Danh mục miễn thuế.

* Đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu theo Điều ước quốc tế, tổ chức/cá nhân sử dụng mẫu này trong đó: dùng cụm từ “danh sách hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế” thay cho cụm từ “danh mục hàng hoá miễn thuế”

**DANH MỤC
HÀNG HÓA MIỄN THUẾ DỰ KIẾN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Số: ... ngày ...

1. Tên tổ chức/cá nhân: ...

Mã số thuế:...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:... Quốc tịch:...

Số điện thoại: ... Số Fax: ...

2. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

6. Ngày bắt đầu nhập khẩu:... Ngày bắt đầu sản xuất/nghiên cứu:...

Số, ngày công văn thông báo ngày bắt đầu sản xuất/nghiên cứu ⁽¹⁾:...

7. Thông báo tại cơ quan hải quan:...

8. Thời gian dự kiến kết thúc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/Trị giá dự kiến	Ghi chú

Ngày ... tháng ... năm...

CƠ QUAN HẢI QUAN TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Trường hợp thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế bằng giấy, cơ quan hải quan làm thủ tục tiếp nhận ghi số, ngày Danh mục hàng hóa miễn thuế theo số, ngày ghi trong Sổ theo dõi tiếp nhận.

⁽¹⁾ Đối với trường hợp miễn thuế 05 năm.

* Đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu theo Điều ước quốc tế, tổ chức/cá nhân sử dụng mẫu này trong đó: dùng cụm từ “danh sách hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế” thay cho cụm từ “danh mục hàng hoá miễn thuế”

Mẫu số 19

Tờ số.../Tổng số tờ

**PHIẾU THEO DÕI,
TRỪ LUI HÀNG HÓA MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU**

1. Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu số... ngày... tháng ... năm...

2. Tên tổ chức/cá nhân...

Mã số thuế: ...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax: ...

3. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân: ...

4. Tên dự án đầu tư: ...

STT	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo tờ khai hải quan	Số lượng hàng hóa còn lại chưa xuất khẩu, nhập khẩu	Công chức hải quan trừ lùi, ký tên, đóng dấu công chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

**CƠ QUAN HẢI QUAN
TIẾP NHẬN PHIẾU THEO DÕI TRỪ LUI**
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đối với trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế bằng giấy.

Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận phiếu theo dõi trừ lùi ghi các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4, tờ số/tổng số tờ; (Trường hợp Phiếu theo dõi trừ lùi gồm nhiều tờ, cơ quan hải quan đóng dấu treo lên tất cả các tờ).

Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ghi số liệu các cột từ 1 đến 7 của Phiếu theo dõi trừ lùi.

Khi tổ chức/cá nhân đã xuất khẩu, nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã thông báo, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận “đã xuất khẩu/nhập khẩu hết hàng hóa miễn thuế” lên bản chính, lưu 01 bản chụp, cấp cho người nộp thuế 01 bản chụp và gửi bản chính cho cơ quan hải quan nơi cấp phiếu theo dõi trừ lùi.

Đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu theo Điều ước quốc tế, tổ chức/cá nhân sử dụng mẫu này trong đó: dùng cụm từ “danh sách hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế” thay cho cụm từ “danh mục hàng hoá miễn thuế”

TÊN CƠ QUAN⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm...

V/v đề nghị xác nhận chủng
loại, định lượng hàng hóa miễn
thuế theo Điều ước quốc
tế/Thỏa thuận

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 14 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Tên tổ chức/cá nhân: ...

Chứng minh thư ngoại giao/công vụ/Hộ chiếu⁽²⁾: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp: ... Quốc tịch: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...; Số Fax: ...

Do Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài... ngày ... về... không quy định cụ thể chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận.

(Tên tổ chức/cá nhân)... đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại và định lượng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài dự kiến nhập khẩu dưới đây:

STT	Chủng loại (Tên hàng)	Đơn vị tính	Định lượng (Số lượng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Cột (4): Ghi số lượng hàng hóa dự kiến nhập khẩu.

Thời gian dự kiến nhập khẩu từ ... đến ...

Nơi dự kiến đăng ký tờ khai hải quan:...

(Tên tổ chức/cá nhân)... cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích đã được miễn thuế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
NƠI CÁ NHÂN LÀM VIỆC ⁽³⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

^{(2), (3)} Đối với tổ chức: Bỏ trống.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ../QĐ-TTg

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận ngày... giữa tổ chức ... và Chính phủ Việt Nam;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số ... ngày...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận ...

1. Tên tổ chức, cá nhân:...

2. Chủng loại, định lượng:

STT	Chủng loại (Tên hàng)	Đơn vị tính	Định lượng (Số lượng)	Ghi chú

Điều 2. Tổ chức/cá nhân nêu tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích được miễn thuế.

Trường hợp sử dụng không đúng mục đích, tổ chức, cá nhân phải đăng ký tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi thay đổi mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Cục trưởng Cục Hải quan, ... và tổ chức/cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Cục Hải quan;
-;
- Tổ chức/cá nhân...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TƯỚNG

Mẫu số 22a

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm...

V/v cấp Sổ định mức miễn thuế
 hoặc bổ sung định lượng hàng
 hóa miễn thuế

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực ...

Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1, Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 14 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Đề nghị Chi cục Hải quan khu vực ... cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho... (tên cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ).

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ... Số Fax:...

Được hưởng ưu đãi theo Điều ước... /Thỏa thuận... từ ngày ... đến ngày...

(Tên cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ) ... kính đề nghị Chi cục Hải quan khu vực thực hiện cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ... (tên cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ) theo quy định hiện hành./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC**
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Mẫu số 22b

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v cấp Sổ định mức miễn
thuế hoặc bổ sung định lượng
hàng hóa miễn thuế

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực...

Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 14 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Đề nghị Chi cục Hải quan khu vực ... cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ông/bà: ...

Giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương số: ..., ngày cấp .../.../...

Nơi cấp: ...

Có giá trị đến ngày: .../.../...

Cơ quan công tác: ...

Số điện thoại: ...; Số Fax:....

(Tên cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/Cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ)... kính đề nghị Chi cục Hải quan khu vực... thực hiện cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ông/bà ... theo quy định hiện hành./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Mẫu này áp dụng đối với cá nhân quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE FREEDOM HAPPINESS

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số sổ:TC/.....

Số quản lý:.....

Sổ tổ chức
(Office book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp Sổ tự nhập khẩu hay ủy thác nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam.
2. Khi mất Sổ, cơ quan được cấp sổ cần thông báo ngay cho Chi cục Hải quan khu vực nơi cấp Sổ.
3. Khi thay Sổ mới, cơ quan được cấp Sổ phải gửi trả Sổ định mức miễn thuế này về Chi cục Hải quan khu vực nơi cấp Sổ.
4. Sổ này gồm 8 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 8 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu vàng.
5. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
6. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other import commodities into Vietnam.
2. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Provincial or Municipal Customs Department.
3. If change the book, the user should return the quota book to the Provincial or Municipal Customs Department.
4. This book includes 8 pages, is numbered from 1 to 8 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is yellow.
5. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.
6. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

Xác nhận của cơ quan sở hữu Sổ định mức miễn thuế:

Cơ quan/Mission:

.....

Địa chỉ/Address:

.....

Điện thoại/Telephone:

.....

Số lượng biên chế của cơ quan/Number of staff members:

.....

...., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

The Head of Mission

(Signed and Sealed)

XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC... VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ

Certification of the Provincial or Municipal Customs Department.

Cơ quan:

Mission

Số lượng người:

Number of Staff Members

Được hưởng ưu đãi theo Điều ước hoặc thỏa thuận..... từ ngày

Enjoys the privileges and immunities under date

Chủng loại và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo Điều ước/thỏa thuận/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased as stipulated in Treaties/Agreements/Prime Minister's Decisions approving the list and quota of duty-free imported goods according to International Treaties/Agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations consist of:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol |Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer |Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette |Tút/Quý/carton(s)/quarter |
| 6. Hàng hóa khác/Others | |

..., ngày ... tháng ... năm ...

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC

Director of the Regional Customs Sub-Department

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ, XE HAI
BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the Customs seal at the temporary import customs office

2. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the Customs seal at the temporary import customs office

3. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the Customs seal at the temporary import customs office

Ghi chú: Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập khẩu cập nhật thông tin về tờ khai và thực hiện đóng dấu treo của đơn vị tại trang này.

4. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the
Customs seal at the temporary import customs office

5. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the
Customs seal at the temporary import customs office

6. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the
Customs seal at the temporary import customs office

Ghi chú: Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập khẩu cập nhật thông tin về tờ khai và thực hiện đóng dấu treo của đơn vị tại trang này.

7. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the
Customs seal at the temporary import customs office

8. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the
Customs seal at the temporary import customs office

9. Số tờ khai/Declarationngày/dated ... đăng ký tại...../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the
Customs seal at the temporary import customs office

Ghi chú: Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập khẩu cập nhật thông tin về tờ khai và thực hiện đóng dấu treo của đơn vị tại trang này.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

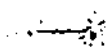
1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.
2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.
3. Số lượng tem mặt hàng rượu, bia, thuốc lá tại Phụ lục phù hợp với định lượng miễn thuế quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoặc định lượng tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài)/The quantity of stamps for the management of alcohol, beer and cigarettes in the Appendix is consistent with the duty-free quota stipulated in international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations or consistent with the quota stipulated in the Prime Minister's Decision approving the list and quota of duty-free imported goods according to international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations.
4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:
 - a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.
 - b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.
 - c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.
5. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE FREEDOM HAPPINESS

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số sổ:CN/.....
Sổ quản lý:.....


Sổ cá nhân
(Personal book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu, tạm nhập khẩu hay ủy quyền nhập khẩu, tạm nhập khẩu các hàng hóa vào Việt Nam.
2. Khi mất Sổ, người được cấp Sổ cần thông báo ngay cho Chi cục Hải quan khu vực nơi cấp Sổ.
3. Khi kết thúc nhiệm kỳ công tác, Sổ định mức miễn thuế này phải được gửi trả về Chi cục Hải quan khu vực nơi cấp Sổ.
4. Sổ này gồm 6 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 6 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu da cam.
5. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
6. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other to import commodities into Viet Nam.
2. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Provincial or Municipal Customs Department issues the book.
3. When completing the mission term, the user should return the quota book to the Provincial or Municipal Customs Department issues the book.
4. This book includes 6 pages, is numbered from 1 to 6 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is orange.
5. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.
6. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

**XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC ... VỀ THÂN PHẬN
VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Provincial or Municipal Customs Department

Ông/bà:

Mr/Mrs

Chức vụ:

Position:

Cơ quan:

Mission:

Được hưởng ưu đãi theo Điều ước hoặc thỏa thuận từ ngày

Enjoys the privileges and immunities under date

Chủng loại và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo Điều ước/thỏa thuận/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased as stipulated in Treaties/Agreements/Prime Minister's Decisions approving the list and quota of duty-free imported goods according to International Treaties/Agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-Government organizations consist of:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol |Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer |Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette |Tút/Quý/carton(s)/quarter |
| 6. Hàng hóa khác/Others | |

..., ngày ... tháng ... năm ...

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC

....

Director of the Regional Customs Sub-Department

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ, XE HAI
BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Số tờ khai/Declarationngày/dated đăng ký tại.../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the Customs
seal at the temporary import customs office

2. Số tờ khai/Declarationngày/dated đăng ký tại.../registered at.....

Số lượng/Quantity:xe ô tô/Automobile(s);

.....xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập /Affix the Customs
seal at the temporary import customs office

Ghi chú: Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập khẩu cập nhật thông tin về tờ khai và thực hiện đóng dấu treo của đơn vị tại trang này.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.
2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.
3. Số lượng tem mặt hàng rượu, bia, thuốc lá tại Phụ lục phù hợp với định lượng miễn thuế quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoặc định lượng tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi chính phủ nước ngoài)/The quantity of stamps for the management of alcohol, beer and cigarettes in the Appendix is consistent with the duty-free quota stipulated in international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations or consistent with the quota stipulated in the Prime Minister's Decision approving the list and quota of duty-free imported goods according to international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations.
4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:
 - a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.
 - b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.
 - c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.
5. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v miễn thuế hàng hóa
 nhập khẩu phục vụ trực tiếp
 cho an ninh/quốc phòng

Kính gửi: Cục Hải quan.

Căn cứ khoản 22 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016,

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi bổ sung bởi điểm d khoản 20 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 20 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số ... ngày .../.../... của ... về việc phê duyệt kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm ...

Căn cứ Giấy phép nhập khẩu số ... ngày .../.../... của ...

Cơ quan...⁽¹⁾ đề nghị Cục Hải quan miễn thuế hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp nhập khẩu: ...
2. Mã số thuế: ... Địa chỉ: ...
3. Tên hàng: ...
4. Số lượng: ...
5. Trị giá (tính bằng USD hoặc nguyên tệ): ...
6. Hàng hóa nhập khẩu thuộc mục: ..., phụ lục: ... Quyết định số ... ngày .../.../... của ...
7. Giấy phép nhập khẩu số ... ngày .../.../...
8. Hợp đồng nhập khẩu số ... ngày .../.../...
9. Hợp đồng ủy thác nhập khẩu/hợp đồng mua bán/hợp đồng cung cấp hàng hóa số ... ngày .../.../...

10. Nơi dự kiến đăng ký tờ khai hải quan (ghi rõ tại (tên cơ quan hải quan).... thuộc Chi Cục Hải quan khu vực): ...

Cơ quan... ⁽¹⁾ đề nghị Cục Hải quan miễn thuế nhập khẩu đối với lô hàng nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Doanh nghiệp nhập khẩu;
- ...
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên cơ quan đề nghị (Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được ủy quyền/phân cấp)

Hồ sơ gửi kèm công văn này gồm:

Giấy phép nhập khẩu: 01 bản chính;

Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa: 01 bản chụp;

Hợp đồng ủy thác nhập khẩu/hợp đồng mua bán/hợp đồng cung cấp hàng hóa: 01 bản chụp;

Các tài liệu, chứng từ khác có liên quan (nếu có); 01 bản chụp.

DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ĐỀ NGHỊ MIỄN THUẾ ĐỂ PHỤC VỤ ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI, THẢM HỌA, DỊCH BỆNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT KHÁC

(Kèm theo công văn số ... ngày ... của)

1. Tên tổ chức/cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu: ...
2. Mã số thuế: ...
3. Căn cước công dân/ Hộ chiếu số: ...
- Ngày cấp: .../.../...
4. Nơi cấp: ... Quốc tịch: ...
5. Địa chỉ: ...
6. Số điện thoại: ... Số Fax:...
7. Văn bản công bố dịch bệnh của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa để khắc phục dịch bệnh (số văn bản, ngày văn bản, cơ quan ban hành).
8. Tên chương trình, dự án (nếu có); ...
9. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án (nếu có): ...
10. Dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan hải quan: ...
11. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế: ...
12. Thời gian dự kiến kết thúc việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế ...
13. Nội dung về hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu:

STT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Số, ngày chứng từ liên quan ⁽¹⁾	Ghi chú

Ghi chú:

- (1) Số ngày Hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu, vận đơn hoặc các chứng từ khác có liên quan.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-TTg

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/các trường hợp đặc biệt khác

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số... ngày...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/trường hợp đặc biệt khác...:

1. Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân được miễn thuế: ...

2. Thông tin về hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu được miễn thuế

Chủng loại và số lượng hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu được miễn thuế (nếu có):

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Lượng dự kiến	Trị giá/Trị giá dự kiến	Số ngày chứng từ liên quan (Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; vận đơn...)	Ghi chú

Điều 2. Cơ quan/tổ chức/cá nhân nêu tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích được miễn thuế.

Trường hợp sử dụng không đúng mục đích, cơ quan/tổ chức/cá nhân phải đăng ký tờ khai tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi thay đổi mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Hải quan, ... và cơ quan/tổ chức/cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG

**DANH SÁCH CÁ NHÂN/HỘ GIA ĐÌNH, HỘ KINH DOANH ĐẦU TƯ,
TRỒNG SẢN PHẨM NÔNG SẢN TẠI TỈNH CỦA CAMPUCHIA
TIẾP GIÁP TỈNH ... BIÊN GIỚI CỦA VIỆT NAM NĂM.....**

(Kèm theo văn bản số ... ngày... tháng... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...)

STT	Tên cá nhân/đại diện hộ gia đình, hộ kinh doanh	Địa chỉ cư trú ⁽¹⁾	Tên sản phẩm nông sản đầu tư, trồng tại Campuchia	Diện tích đầu tư hiện tại	Diện tích đầu tư dự kiến mở rộng trong năm ...	Dự kiến sản lượng sản phẩm nhập khẩu về Việt Nam năm ...	Ghi chú

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú theo quy định tại Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm...

V/v đề nghị xác nhận chủng
loại, định lượng hàng hóa miễn
thuế theo điều ước quốc tế

Kính gửi: ...⁽²⁾

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Điều 27 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu,

Tên tổ chức/cá nhân: ...

Mã số thuế: ...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch: ...

Địa chỉ:...

Số điện thoại: ...

Số Fax:...

Lĩnh vực hoạt động: ...

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế)...

Do điều ước quốc tế... không quy định cụ thể chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế theo điều ước quốc tế, tổ chức, cá nhân... đề nghị...⁽²⁾ xác nhận hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu dưới đây của:

Dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...

Ngành nghề, địa bàn đầu tư ...

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính) ...

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ... số... ngày... được cấp bởi...

STT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Ghi chú

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ ... đến ...

Tổ chức/cá nhân... cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị ... ⁽²⁾ xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân ... theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành.

TÊN CƠ QUAN⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm...

V/v xác nhận chủng loại,
định lượng hàng hóa miễn
thuế theo điều ước quốc tế
(trường hợp điều ước quốc tế
không quy định cụ thể chủng
loại, định lượng miễn thuế)

Kính gửi: Tổ chức/Cá nhân...⁽²⁾

Căn cứ khoản 4 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày
06/4/2016;

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày
01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Điều 27 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập
khẩu;

Căn cứ Điều ước quốc tế ... ngày ... ký giữa...

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế
dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế của tổ chức/cá nhân⁽²⁾...

Nay, ...⁽¹⁾ xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất
khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức/cá nhân: ...

Mã số thuế: ...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:....

Số điện thoại: ...;

Số Fax:...

2. Địa chỉ:...

3. Tên dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn
thuế ...

4. Địa điểm thực hiện dự án/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính)...

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Ghi chú

7. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ ... đến ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo điều ước quốc tế.

**TÊN TỔ CHỨC XUẤT
KHẨU TẠI CHỖ⁽¹⁾**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../....

...ngày ... tháng ... năm...

**THÔNG BÁO
HOÀN THÀNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI CHỖ⁽²⁾**

Kính gửi: Tên cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ.

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân xuất khẩu tại chỗ

Tên người xuất khẩu tại chỗ: ...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ: ...

Điện thoại:..... Fax:..... Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số: ... ngày ...

2. Thông tin về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ⁽³⁾

Số, ngày tờ khai: ... tại (tên cơ quan hải quan)..... thuộc Chi cục Hải quan khu vực...

Mã loại hình tờ khai: ...

Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ): ...

Số ngày Hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài:...

3. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhập khẩu tại chỗ

Tên người nhập khẩu tại chỗ: ...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ: ...

Điện thoại: Fax:..... Email:...

Tên đại lý hải quan (nộp thuế theo ủy quyền):...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ... Fax:..... Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số: ... ngày...

4. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đã hoàn thành thủ tục hải quan⁽⁴⁾

Số, ngày tờ khai:... tại (tên cơ quan hải quan) ... thuộc Chi cục Hải quan...

Mã loại hình tờ khai:...

Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu: ...

5. Thông tin khác có liên quan (nếu có): ...

Người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hải quan số 54/2014/QH13.

(3), (4) Trường hợp có nhiều tờ khai phải ghi chi tiết theo từng tờ khai vào phụ lục đính kèm Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ như sau:

Tờ khai xuất khẩu					Tờ khai nhập khẩu			
Số, ngày tờ khai	Mã loại hình	Tên cơ quan Hải quan	Số, ngày hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài	Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ)	Số, ngày tờ khai	Mã loại hình	Tên cơ quan Hải quan	Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ THEO TỜ
HỢP, DÂY CHUYỀN***(Theo tờ khai số... ngày..... tại (tên cơ quan Hải quan)....)*

1. Tên tổ chức/cá nhân: ...

Mã số thuế: ...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: ...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:....

2. Địa chỉ:...

Số điện thoại: ...

Số Fax:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

6. Tên tờ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số ... ngày ... đăng ký tại cơ quan hải quan ...

8. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế: ...

9. Thời gian dự kiến hoàn thiện lắp đặt tổ hợp, dây chuyền: ...

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(hoặc người được ủy quyền)**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Cột 2: Ghi rõ tên, quy cách, phẩm chất của từng máy móc, thiết bị thuộc tổ hợp dây chuyền.

Trường hợp tách được trị giá/trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu thì khai vào cột (5); Trường hợp không tách được thì khai tổng trị giá của lô hàng theo tờ khai vào dòng tổng số.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế.

1. Tên tổ chức/cá nhân chuyển nhượng dự án (Chủ dự án): ...

Mã số thuế:...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...

Quốc tịch:...

Số điện thoại: ...

Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở của tổ chức/cá nhân:...

3. Tên dự án đầu tư: ...

- #### 4. Địa điểm thực hiện dự án: ...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

- 6. Lý do miễn thuế:**

7. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng... đã thực hiện thông báo Danh mục miễn thuế số ... ngày ... với cơ quan hải quan để thực hiện dự án ... và đã nhập khẩu hàng hóa miễn thuế; nay, tổ chức/cá nhân... thông báo về việc chuyển nhượng toàn bộ/một phần dự án nêu trên cho ... tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng... mã số thuế..., tại địa chỉ..., tiếp tục thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi..., hàng hóa chuyển nhượng như sau:

[illegible]

8. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được chủ dự án chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu để thực hiện dự án:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

9. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số...⁽²⁾ đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

10. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng ... xin nộp lại bản chính Danh mục miễn thuế, Phiếu theo dõi trừ lùi và bản chụp Hợp đồng chuyển nhượng dự án (kèm theo) cho cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế (đối với trường hợp thông báo Danh mục bản giấy) để cơ quan hải quan được biết và theo dõi.

Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng... xin cam kết những thông tin kê khai là hoàn toàn trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Ghi số, ngày Danh mục miễn thuế đã được tổ chức/cá nhân chuyển nhượng hàng hóa (chủ dự án) đã thông báo/đăng ký với cơ quan hải quan.

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ

Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án): ... Mã số thuế: ...

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... ngày cấp ... nơi cấp ... tại ...

Tên dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư): ...

Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư)... Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hóa ...

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

Tên Hợp đồng: ...

Số: ... Ngày: ...

STT	Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế			Đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế		Đã thay đổi mục đích miễn thuế		Đã tiêu hủy		Tồn kho chưa sử dụng		Hạch toán vào sổ tài sản cố định theo quy định		Ghi chú
	Tên hàng	Số lượng	Tờ khai số, ngày	Số lượng	Số lượng	Tờ khai thay đổi mục đích sử dụng số, ngày	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Được hạch toán tài sản cố định	Không được hạch toán tài sản cố định		

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN TÓ CHỨC⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm...

V/v thông báo hoàn thành
chế tạo máy móc, thiết bị

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế.

1. Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án): ...

Mã số thuế: ...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax:...

- 2. Tên dự án đầu tư:..**

- ### 3. Địa điểm thực hiện dự án:...

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân ... thông báo với cơ quan hải quan từ ngày... đã hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị từ hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Danh mục miễn thuế số ... ngày ... tại... số lượng hàng hóa nhập khẩu đã được sử dụng để chế tạo máy móc, thiết bị như sau:

[illegible]

Tổ chức/cá nhân... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm...

V/v thông báo hoàn thiện lắp
đặt tổ hợp, dây chuyền

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế.

1. Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án):...

Mã số thuế:...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax:...

2. Tên dự án đầu tư:...

3. Địa điểm thực hiện dự án:...

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư số ... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân ... thông báo với cơ quan hải quan về việc đã hoàn thiện lắp đặt hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền đã đăng ký theo Danh mục miễn thuế số ... ngày ... tại ... từ ngày... số lượng hàng hóa nhập khẩu được sử dụng để lắp đặt như sau:

STT	Thông tin hàng hóa nhập khẩu				Số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt	Số lượng hàng hóa dự thừa sau lắp đặt	Thông tin hàng hóa được lắp đặt			Ghi chú
	Tên hàng, quy cách, phẩm chất (chi tiết theo từng dòng hàng)	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Đơn vị tính	Số lượng			Tên tổ hợp, dây chuyền	Đơn vị tính	Số lượng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Tổ chức/cá nhân... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện kiểm tra/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị giảm thuế xuất
khẩu/nhập khẩu

Kính gửi:...(2)

1. Tên tổ chức/cá nhân: ...

2. Mã số thuế: ...

Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp: ...

Quốc tịch: ...

Số điện thoại: ...

Số Fax:...

3. Địa chỉ trụ sở: ...

4. Nội dung đề nghị: ...

5. Lý do đề nghị giảm thuế:...(3)

6. Thông tin về tiền thuế đề nghị giảm:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Số, ngày tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa theo tờ khai hải quan	Trị giá tính thuế	Tỷ lệ tồn thất	Loại thuế	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)	Số tiền thuế đề nghị giảm (VNĐ)
Tổng cộng									

Tổng số tiền thuế đề nghị giảm bằng chữ:...

Hồ sơ, tài liệu kèm theo ...(4)

Tổ chức/cá nhân... cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm
trước pháp luật về những nội dung đã khai./.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(hoặc người được ủy quyền)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ giảm thuế.

(3) Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Liệt kê tên loại tài liệu kèm theo.

CƠ QUAN HẢI QUAN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ...;

Xét hồ sơ đề nghị giảm thuế của (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)...;

Theo đề nghị của....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm số tiền thuế phải nộp đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu của (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)..... thuộc tờ khai/quyết định ấn định thuế số... ngày... như sau:

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ	
4	Thuế chống bán phá giá	
5	Thuế chống trợ cấp	

6	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
7	Thuế bảo vệ môi trường	
8	Thuế giá trị gia tăng	
	Tổng cộng	

Bằng chữ:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. (Tên người nộp thuế)....., (các đơn vị có liên quan của cơ quan hải quan)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị không thu thuế...

Kính gửi:..... ⁽²⁾**I. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị không thu thuế**

1. Tên người nộp thuế: ...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Căn cước công dân/Hộ chiếu số... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp: ...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác: ...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:...../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ: ...

Điện thoại:...

Fax:...

Email: ...

Hợp đồng đại lý hải quan số: ... ngày ...

II. Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế

1. Số tờ khai:... ngày... Nơi đăng ký tờ khai: ...

Tên hàng, mô tả hàng hóa: ...

Số lượng: ...

Trị giá: ...

2. Thực hiện thanh toán qua ngân hàng:

☐ Có, số chứng từ thanh toán:

☐ Không.

3. Việc sử dụng, gia công, chế biến

☐ Chưa qua sử dụng, gia công, chế biến

☐ Đã qua sử dụng, gia công, chế biến

4. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất thuộc trường hợp hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế

a) Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuê:

☐ Có.

☐ Không.

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn: ⁽³⁾

☐ Có.

☐ Không.

III. Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu

1. Thông tin về tiền thuế

Đơn vị: VND

STT	LOẠI THUẾ	Số tiền đề nghị không thu
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ	
4	Thuế chống bán phá giá	
5	Thuế chống trợ cấp	
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
7	Thuế bảo vệ môi trường	
8	Thuế giá trị gia tăng	
Tổng cộng (bằng số)		

(Bằng chữ:...)

2. Lý do đề nghị không thu thuế: ...⁽⁴⁾

3. Hồ sơ, tài liệu kèm theo: ...⁽⁵⁾

Tổ chức/cá nhân cam đoan thông tin khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN

Họ và tên:....

Chứng chỉ hành nghề số:...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu

(nếu có))

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Tên cơ quan có thẩm quyền xử lý không thu thuế.

⁽³⁾ Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuê, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế, không thu thuế.

⁽⁴⁾ Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng. Trường hợp đề nghị không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải ghi rõ vào mục này.

⁽⁵⁾ Liệt kê tài liệu kèm theo.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu⁽¹⁾

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều ... Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ấn định thuế/sửa đổi, bổ sung Quyết định ấn định thuế số...ngày... đối với... (tên hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu thuộc tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu số... ngày...) của... (Tên người nộp thuế/Mã số thuế/Địa chỉ).

Điều 2. Lý do ấn định thuế/sửa đổi, bổ sung Quyết định ấn định thuế... (Ghi rõ lý do, Điều/khoản của văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng).

Điều 3. Số tiền thuế ấn định:⁽²⁾

Đơn vị: VND

STT	Loại thuế	Tiêu mục	Số tiền thuế phải nộp			Số tiền thuế đã nộp	Số tiền thuế còn phải nộp
			Số tiền thuế đã kê khai	Số tiền thuế ấn định	Chênh lệch sau ấn định		
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tự vệ/thuế chống bán phá						

	giá/thuế chống trợ cấp						
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Thuế giá trị gia tăng						
7	Tổng cộng						

(Bảng chữ: ...)

Điều 4. (Người nộp thuế...) có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 3 Quyết định này, tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, khoản 1 Điều 26 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ vào tài khoản.... tại Kho bạc Nhà nước... (Trường hợp sau khi sửa đổi, bổ sung phát sinh số tiền thuế nộp thừa thì ghi rõ số tiền thuế nộp thừa chi tiết theo từng loại thuế).

Thời hạn nộp số tiền thuế ấn định thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu./.

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
-
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Mẫu này áp dụng chung cho trường hợp cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế; sửa đổi, bổ sung quyết định ấn định thuế.
- (2) Trường hợp ấn định thuế thuộc nhiều tờ khai phải ghi chi tiết số tiền thuế theo từng loại thuế chi tiết theo từng tờ khai vào phụ lục đính kèm quyết định ấn định thuế.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa
xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều ... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ... ;

Theo đề nghị của...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định ấn định thuế số... ngày... của... (tên cơ quan hải quan) thuộc tờ khai hải quan xuất khẩu/nhập khẩu số... ngày... với tổng số tiền là ⁽¹⁾ ... đồng của... (Tên người nộp thuế)... Mã số thuế... Địa chỉ....

Điều 2. Lý do hủy quyết định ấn định thuế:... (Ghi rõ lý do).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, tên người nộp thuế... các ông/bà... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

Tên người nộp thuế;

...

Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:⁽¹⁾ Trường hợp Quyết định ấn định thuế thuộc nhiều tờ khai hải quan, tại Điều 1 phải ghi tổng số tiền hủy theo Quyết định, chi tiết số tiền thuế theo từng loại thuế của từng tờ khai hải quan vào phụ lục đính kèm Quyết định hủy Quyết định ấn định thuế.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN
Số: /QĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khoanh tiền thuế nợ đối với (người nộp thuế)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Theo đề nghị của... và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khoanh tiền thuế nợ đối với (tên người nộp thuế)..., mã số thuế (nếu có), địa chỉ kinh doanh ... kể từ ngày tháng... năm...(1) với tổng số tiền thuế nợ là đồng (ghi rõ số tiền bằng chữ). Cụ thể như sau:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tờ khai	Ngày tháng năm tờ khai	Tiền thuế nợ
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
	Tổng cộng		

(Trưởng cơ quan ban hành Quyết định)... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trên hồ sơ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền thuế nợ được khoanh nêu tại Điều 1, (Trưởng cơ quan ban hành Quyết định)... thực hiện điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chánh văn phòng Cục Hải quan, Trưởng Ban Nghiệp vụ thuế hải quan, Chỉ cục trưởng Chi cục hải quan khu vực/Chi Cục Kiểm tra sau thông quan, (*bộ phận có liên quan*)...,...(*tên người nộp thuế*)... ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan...;
- Trang thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ngày bắt đầu của thời gian khoanh nợ quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ

Mẫu số 42

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
Số: /QĐ-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt hiệu lực của Quyết định khoan tiền thuế nợ đối với
.....(tên người nộp thuế)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật quản lý thuế số 108/2005/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số.... ngày ... của về việc khoan tiền thuế nợ đối với.....;

Theo đề nghị của... (bộ phận đề nghị chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ)... và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hiệu lực của Quyết định khoan tiền thuế nợ số ngày ... của ... đối với(tên người nộp thuế), mã số thuế (nếu có), địa chỉ kinh doanh.....

Lý do:..... (ghi rõ trường hợp chấm dứt hiệu lực của Quyết định khoan tiền thuế nợ.... theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số .../2026/NĐ-CP).

Điều 2. Căn cứ quy định tại Điều 1, (trường bộ phận) ... thực hiện tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế nợ đã được khoan và điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chánh văn phòng Cục Hải quan, Trưởng Ban Nghiệp vụ thuế hải quan, Chi cục trưởng Chi cục hải quan khu vực/Chi Cục Kiểm tra sau thông quan, (bộ phận có liên quan)....,(tên người nộp thuế)... ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan....;
- Trang thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị xóa nợ tiền thuế,
tiền chậm nộp, tiền phạt

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền xóa nợ)..... (*)

Căn cứ Điều Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;⁽¹⁾

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;⁽¹⁾

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;⁽¹⁾

Căn cứ...;⁽¹⁾

(Cơ quan có thẩm quyền xóa nợ) đã kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của (Cơ quan đề nghị xóa nợ) đối với.....⁽²⁾, mã số thuế

Lý do đề nghị xóa nợ:

Thuộc trường hợp xóa nợ:⁽³⁾

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đủ điều kiện xóa nợ:⁽⁴⁾

Đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền xóa nợ) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- (2) Tên đối tượng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đề nghị xóa nợ.
- (3) Nêu rõ xóa nợ thuộc trường hợp nào quy định tại Luật Quản lý thuế.
- (4) Liệt kê tài liệu kèm theo
- (*) Theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-TCT/TCHQ

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt đối với
...(tên người nộp thuế)...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Theo đề nghị của..... và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt đối với(tên người nộp thuế)...., mã số thuế ..., địa chỉ kinh doanh....., ⁽¹⁾ với tổng số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: ... đồng (viết bằng chữ: ...), trong đó:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tờ khai/Quyết định ấn định thuế	Ngày tháng năm tờ khai/Quyết định ấn định thuế	Tiền thuế	Tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) + (5)
1					
2					
...					
	Tổng cộng:				

Lý do xóa nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt: ⁽²⁾

(Cơ quan ban hành quyết định).....chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, (Cơ quan ban hành quyết định)... điều chỉnh tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt của ... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Cục Hải quan, Trưởng Ban Nghiệp vụ thuế hải quan, Chi cục trưởng Chi cục hải quan khu vực/Chi Cục Kiểm tra sau thông quan, (bộ phận có liên quan)....(tên người nộp thuế)... ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử của cơ quan hải quan ban hành Quyết định và cơ quan cấp trên;
- Cơ quan đăng ký kinh doanh trên địa bàn (*);
- Cơ quan quản lý thuế ...(**);

...;

Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với người nộp thuế là cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu thì phải có thêm thông tin: tên, số, ngày cấp, cơ quan cấp thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, người đại diện hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu (trừ trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 21 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15).

(2) Ghi người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp được xóa nợ tại khoản 1 Điều 21 Luật số 108/2025/QH15.

(*) Cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề trên địa bàn.

(**) Cơ quan quản lý thuế quản lý chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đề nghị phục hồi tiền thuế
nợ đã được xóa

....., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: ...(Tên cơ quan cấp trên) ...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;
Căn cứ Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
Căn cứ Quyết định số ...ngày ... của ... về việc xóa tiền thuế nợ...
... (Tên cơ quan hải quan ban hành văn bản)... đề nghị phục hồi tiền thuế
nợ đã được xóa cho ... (tên người nộp thuế)..., mã số thuế:..., địa chỉ:...,⁽¹⁾
Lý do đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa:
Số tiền thuế nợ đã được xóa đề nghị phục hồi:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Tờ khai/Quyết định ấn định thuế	Ngày tháng năm tờ khai/Quyết định ấn định thuế	Tiền thuế	Tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) + (5)
1					
2					
...					
	Tổng cộng:				

... (Tên cơ quan hải quan ban hành văn bản)... gửi kèm văn bản này hồ sơ
đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa cho người nộp thuế, bao gồm các tài
liệu sau (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao):

1. ...

... (Tên cơ quan hải quan ban hành văn bản)... đề nghị ... (Tên cơ quan cấp
trên) ... giải quyết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

BAN HÀNH VĂN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15 thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa
đối với ...(tên người nộp thuế)...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn... của ...(cơ quan ban hành quyết định);

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của ... về việc xóa tiền thuế nợ...

Theo đề nghị của (thủ trưởng cơ quan) ⁽¹⁾....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa tính đến thời điểm ngày ... tháng ... năm ... đối với(Tên người nộp thuế)...., mã số thuế ..., địa chỉ:...(1) theo Quyết định xóa tiền thuế nợ số ... ngày ... của...(tên cơ quan hải quan ban hành quyết định xóa tiền thuế nợ) với số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đã được xóa là: ... đồng (viết bằng chữ: ...), tờ khai hải quan số..., ngày...tháng...năm..

Lý do phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa: ... (ghi trường hợp phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa theo quy định tại khoản ... Điều ... Nghị định).... (2)

Số tiền thuế nợ đã xóa được phục hồi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Tờ khai	Ngày tháng năm tờ khai	Tiền thuế	Tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) + (5)
1					
2					
...					
	Tổng cộng				

(Thủ trưởng cơ quan) ⁽¹⁾.....chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền thuế nợ đã xóa được phục hồi nêu tại Điều 1, ...(tên cơ quan hải quan ban hành quyết định xóa tiền thuế nợ)... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của ... (tên người nộp thuế)... và thu vào ngân sách nhà nước khoản nợ đã được xóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Cục Hải quan, Trưởng Ban Nghiệp vụ thuế hải quan, Chi cục trưởng Chi cục hải quan khu vực/Chi Cục Kiểm tra sau thông quan, (bộ phận có liên quan)...., ... (tên người nộp thuế)... ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang thông tin điện tử của cơ quan hải quan;
- Cơ quan đăng ký kinh doanh trên địa bàn (*);
- Cơ quan hải quan quản lý ...(**);
-;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

(1) Theo thẩm quyền xóa nợ tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP

(2) Người nộp thuế xóa nợ không đúng quy định/Người nộp thuế quay lại sản xuất, kinh doanh/Người nộp thuế thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh mới.

(*) Cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề trên địa bàn.

(**) Cơ quan hải quan quản lý chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Mẫu số 47

TÊN NGƯỜI NỘ THUẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày tháng ... năm ...

V/v đề nghị nộp dần tiền thuế nợ

Kính gửi: (Tên cơ quan hải quan có thẩm quyền giải quyết
nộp dần tiền thuế nợ).

Tên người nộp thuế.....

Mã số thuế.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Số Fax.....

Số tiền thuế đang nợ quá hạn quá 90 ngày bị cưỡng chế
.....thuộc tờ khai số..... ngàytháng...năm ..., nơi đăng ký.... hoặc
quyết định ấn định thuế số... ngàytháng...năm...(trường hợp nợ nhiều tờ khai
thì lập bảng kê đính kèm).

Đề nghị(tên cơ quan hải quan có thẩm quyền giải quyết nộp dần tiền
thuế nợ) xem xét cho ... (tên người nộp thuế) được nộp dần tiền thuế nợ kèm
theo Thư bảo lãnh....(ghi rõ số, ngày, tên tổ chức bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, thời
hạn bảo lãnh)

Lý do không có khả năng nộp một lần tiền thuế:.....

Kế hoạch đăng ký nộp dần tiền thuế nợ, tiền chậm nộp của tiền thuế
nợ..... (ghi cụ thể kế hoạch nộp dần theo từng tháng).

..... (tên người nộp thuế) cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật
về tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-tên viết tắt của cơ
quan ban hành VB

....., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO **Về việc nộp dần tiền thuế nợ**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét đề nghị và cam kết của.....(tên người nộp thuế) tại công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....kèm theo Thư bảo lãnh.....(ghi rõ số, ngày, tên tổ chức bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh)(tên cơ quan hải quan ra thông báo) thông báo:.....(tên người nộp thuế), mã số thuế Địa chỉ:

1. Phần thông báo được nộp dần tiền thuế

Được nộp dần tiền thuế nợ.....(nêu rõ tên khoản nợ thuế quá hạn quá 90 ngày, số tiền) thuộc tờ khai số..... ngàytháng...năm..., nơi đăng ký.... hoặc quyết định ấn định thuế số... ngàytháng...năm... (trường hợp nợ nhiều tờ khai thì lập bảng kê đính kèm).

Thời hạn nộp dần tiền thuế nợ, tiền chậm nộp của tiền thuế nợ:.....tháng, kể từ ngày...tháng...năm...

Kế hoạch nộp dần tiền thuế nợ, tiền chậm nộp của tiền thuế nợ:.....

(ghi cụ thể kế hoạch nộp dần theo từng tháng đã duyệt)

Quá thời hạn nêu trên người nộp thuế chưa nộp đủ tiền thuế nợ, tiền chậm nộp hoặc vi phạm cam kết tiến độ nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp,(tên người nộp thuế) sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật Quản lý thuế, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp thay...(tên người nộp thuế) tiền thuế nợ, tiền chậm nộp theo quy định.

2. Phần thông báo không chấp thuận/đề nghị bổ sung hồ sơ nộp dần tiền thuế nợ

Không thuộc đối tượng được nộp dần tiền thuế nợ hoặc hồ sơ chưa đầy đủ (nêu rõ lý do không thuộc đối tượng được nộp dần tiền thuế nợ hoặc hồ sơ chưa đầy đủ)

..... (tên cơ quan hải quan ra thông báo) thông báo để...(tên người nộp thuế và tổ chức tín dụng nhận phát hành thư bảo lãnh) biết, thực hiện và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Người nộp thuế;
- Tổ chức tín dụng phát hành thư bảo lãnh;
- Lưu: VT, đơn vị soạn thảo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ

....., ngày....tháng....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm tra thuế tại trụ sở.....⁽¹⁾

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ⁽²⁾;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế ⁽²⁾;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ⁽²⁾;

Căn cứ..... ⁽³⁾;

Căn cứ..... ⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với:⁽¹⁾.

Mã số thuế:

Địa chỉ:.....

Thời hạn kiểm tra: ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà): Chức vụ ... , Trưởng đoàn;
2. Ông (bà): Chức vụ ... , Phó Trưởng đoàn (nếu có);
3. Ông (bà): Chức vụ ... , Thành viên;
4. Ông (bà): Chức vụ ... , Thành viên;

.....

Điều 3. Phạm vi, nội dung kiểm tra gồm:

Phạm vi kiểm tra:

Nội dung kiểm tra:

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn kiểm tra và quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế:

Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại ...⁽⁵⁾, các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người nộp thuế có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại ...⁽⁵⁾, các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được uỷ quyền làm việc với cơ quan hải quan; có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 2; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ...⁽¹⁾ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên người nộp thuế.
- (2) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật quản lý thuế áp dụng.
- (3) Ghi rõ Điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật khác áp dụng.
- (4) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.
- (5) Ghi rõ Điều khoản tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

Mẫu số 50

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số/ TB-.....⁽¹⁾

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO **Về việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu**

Thực hiện Quyết định sốngày.... của về việc kiểm tra thuế tại trụ sở
...⁽³⁾.... từ ngày

...⁽²⁾.... đề nghị ...⁽³⁾.... như sau:

1. Cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu,... để⁽²⁾... thực hiện kiểm tra thuế,
bao gồm: (Ghi rõ hồ sơ hải quan, tài liệu...):

.....
.....

2. Cử đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền của ...⁽³⁾.... trực
tiếp làm việc với Đoàn kiểm tra ...⁽²⁾... trong suốt quá trình kiểm tra.

Đề nghị⁽³⁾.... phối hợp để việc kiểm tra theo đúng quy định.

Trường hợp vướng mắc liên quan đến vụ việc kiểm tra, đề nghị ...⁽³⁾...
liên hệ với... .. điện thoại:.....

Nơi nhận:

-⁽³⁾;
- Lưu: VT, Tên đơn vị.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN ⁽⁴⁾

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ký hiệu viết tắt.

⁽²⁾ Tên đơn vị thực hiện kiểm tra.

⁽³⁾ Tên người nộp thuế.

⁽⁴⁾ Người ban hành quyết định kiểm tra trực tiếp ký thông báo.

Mẫu số 51

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNHVề việc gia hạn thời hạn kiểm tra thuế tại trụ sở⁽¹⁾**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH⁽²⁾***Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;**Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;**Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;**Căn cứ Quyết định số... ngày... của... về việc kiểm tra thuế tại trụ sở ...;**Căn cứ....**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Gia hạn thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo Quyết định số... ngày.... của... về việc kiểm tra tại trụ sở⁽¹⁾, mã số thuế, địa chỉ

Thời gian gia hạn là ... ngày làm việc, kể từ ngày.../.../....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký⁽¹⁾ và Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên người nộp thuế.

Mẫu số 52

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc tạm dừng kiểm tra tại

Căn cứ Điều... Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ ...;

Căn cứ Quyết định số/QĐ -.... ngày của.... về việc kiểm tra thuế tại.....

(1)..... thông báo:

Tạm dừng kiểm tra thuế đối với⁽⁴⁾....., mã số thuế....., địa chỉ.....;

Lý do: ⁽²⁾.....

Thời gian tạm dừng: ⁽³⁾.....

(1)..... thông báo để ⁽⁴⁾..... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tên người khai hải quan;
- Lưu: VT, Tên đơn vị.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên cơ quan hải quan ra thông báo

⁽²⁾ Ghi rõ lý do tạm dừng, cơ quan hải quan tạm dừng hay người nộp thuế đề nghị tạm dừng

⁽³⁾ Trường hợp xác định được thời gian tạm dừng thì ghi rõ từ ngày nào đến ngày nào; trường hợp dừng theo nội dung vụ việc (xác minh, thanh tra, kiểm tra...), sự kiện bất khả kháng hoặc yếu tố khách quan (dịch bệnh...) thì ghi rõ bao nhiêu ngày kể từ ngày kết thúc vụ việc/sự kiện đó

⁽⁴⁾ Tên người nộp thuế

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CẤP TRÊN
ĐOÀN KIỂM TRA
theo Quyết định số....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Hôm nay vào hồigiờphút ngày....., tại.....:

I. Đại diện cơ quan hải quan có các ông (bà):

1. Ông (bà).....Chức vụ:....., Trưởng đoàn kiểm tra
2. Ông (bà).....Chức vụ:....., Phó trưởng Đoàn (nếu có)
3. Ông (bà) , thành viên.

II. Đại diện (người nộp thuế).....

1. Ông(bà): Năm sinh.....Quốc tịch.....
Chức danh:..... Công ty
Địa chỉ:
CCCD/Hộ chiếu số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....
2.

Nội dung như sau:

1. Trưởng Đoàn kiểm tra công bố Quyết định kiểm tra:
- Công bố toàn văn Quyết định số...ngày...của...về việc kiểm tra thuế tại trụ sở....; giới thiệu thành viên trong Đoàn; Quán triệt mục đích, yêu cầu cuộc kiểm tra; Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên đoàn; Quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra;

- (Các yêu cầu của Đoàn kiểm tra)....

2. Hai bên thống nhất nội dung, phương pháp, cách thức làm việc.

3. Danh sách cá nhân được người nộp thuế cử tham gia cung cấp hồ sơ, tài liệu, làm việc và ký biên bản với Đoàn kiểm tra (ghi rõ họ và tên, chức danh, số CCCD).

Người nộp thuế đã kiểm tra kỹ toàn bộ nội dung của quyết định kiểm tra thuế và công nhận là đúng và đồng ý tiếp nhận quyết định kiểm tra thuế.

Biên bản kết thúc vào hồi giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành.....bản, mỗi bản gồm.....trang, có nội dung và giá trị như nhau, đã giao cho01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ ⁽¹⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền của người nộp thuế.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CẤP TRÊN
ĐOÀN KIỂM TRA
theo Quyết định số....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Thực hiện Quyết định số....ngày....của....về việc kiểm tra thuế tại trụ sở (người nộp thuế).....

Hôm nay vào hồi giờ....phút ngày..... tháng năm, tại.....:

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà):Chức vụ:.....Đơn vị.....

2. Ông (bà):Chức vụ:.....Đơn vị.....

Đã làm việc với:

1. Ông (bà): Năm sinh.....Quốc tịch.....

Chức danh:..... Công ty

Địa chỉ:

CCCD/Hộ chiếu số:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

.....

2.

Nội dung kiểm tra:

.....

.....

Biên bản kết thúc vào hồi

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm.....trang, có nội dung và giá trị như nhau, đã giao cho01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽¹⁾:

.....

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KIỂM TRA⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải nêu ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

⁽²⁾ Thành phần tham gia là danh sách cá nhân đã được cử làm việc với đoàn kiểm tra tại biên bản công bố quyết định kiểm tra thuế. Trường hợp đại diện có thẩm quyền ký biên bản phải ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu của người nộp thuế.

⁽³⁾ Thành phần tham gia là thành viên đoàn kiểm tra tại quyết định kiểm tra. Trường hợp trưởng đoàn kiểm tra ký trên biên bản ghi rõ chức danh trưởng đoàn.

Mẫu số 55

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN
HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /KL-...

..., ngày... tháng... năm...

KẾT LUẬN KIỂM TRA**Tại trụ sở⁽¹⁾**

Căn cứ pháp lý:.....

Thực hiện Quyết định số.....ngày.....của....., từ ngày ... đến ngày ... Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra thuế tại trụ sở.....⁽¹⁾..... mã số thuế: địa chỉ:.....

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra, Biên bản làm việc (nếu có)....., ⁽²⁾..... lập kết luận kiểm tra như sau:

I. Phạm vi kiểm tra

.....

II. Nội dung kiểm tra

.....

III. Kết quả kiểm tra

- Về hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế/...:
- Về ghi chép hóa đơn, chứng từ, hạch toán kế toán:
- Về điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/...:
- Về

IV. Kết luận kiểm tra

- Trường hợp đủ điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/... thì phải ghi rõ số tiền.
- Trường hợp không đủ điều kiện hoàn thuế/không thu thuế/... phải ghi rõ số tiền và lý do không được hoàn thuế/không thu thuế/...
- Trường hợp ấn định thuế phải nêu rõ căn cứ pháp lý, số tiền thuế ấn định (nếu có hoặc đã xác định được), yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào Ngân sách Nhà nước khi có quyết định xử lý của cơ quan hải quan.
- Trường hợp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá hạn yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm phải kết luận rõ về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó.

- Trường hợp người nộp thuế có sai sót về thủ tục hải quan, hạch toán kế toán, hoá đơn chứng từ yêu cầu người nộp thuế khắc phục kịp thời.
- Kết luận rõ các nội dung khác (nếu có).
- Kiến nghị về biện pháp xử lý (nếu có).

.....

V. Ý kiến của người nộp thuế

Hồ sơ, tài liệu kèm kết luận này gồm:

- 1).....
- 2).....

Nơi nhận:

- Người nộp thuế;
- Lưu; VT, Tên đơn vị.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Tên người nộp thuế.
- ⁽²⁾ Người ban hành quyết định kiểm tra thuế.

Mẫu số 56

**TÊN CÔNG TY/CƠ QUAN
NHÀ NƯỚC CÓ THẨM
QUYỀN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng... năm...

Số:...../.....

V/v đề nghị xác nhận hoàn thành
nghĩa vụ nộp thuế

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực/đơn vị Hải quan.

Căn cứ Khoản.... Điều... Thông tư số 86/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tên Công ty/tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền.....

Địa chỉ (đối với Công ty là địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại liên hệ:

Đề nghị Chi cục Hải quan khu vực/đơn vị Hải quan xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Công ty...../Chi nhánh Công ty....., mã số thuế (hồ sơ kèm theo).

Lý do xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

(Ghi rõ để giải thể, đóng mã số thuế, mục đích khác.....)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(hoặc NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hồ sơ Công ty gửi kèm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế: bản chụp (có ký tên, đóng dấu của Công ty) hoặc bản sao nếu có;
- Trường hợp xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Chi nhánh Công ty thì hồ sơ như nêu trên phải bao gồm của Công ty và Chi nhánh Công ty).

TÊN CQT CẤP TRÊN
TÊN CQT BAN HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh

Kính gửi:

- (Tên NNT)....., MST, Địa chỉ:.....
- ... (Tên người đại diện theo pháp luật/tên chủ HKD)....., MST, Địa chỉ:.....
- ...(Tên chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)....., MST..., Địa chỉ:....

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ dữ liệu của người nộp thuế theo dõi trên hệ thống quản lý thuế tại ... (tên cơ quan hải quan) ..., tính đến hết ngày, ... (Tên người nộp thuế) ...đang có số tiền thuế nợ là: đồng, cụ thể như sau:

STT	Số Tờ khai	Ngày...tháng... năm tờ khai	Số tiền thuế nợ	Số ngày chậm nộp tính đến ngày ...	Đơn vị tiền	Cơ quan hải quan phát sinh nợ thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

* Mức tính tiền chậm nộp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

(Tên cơ quan hải quan) ... thông báo:

1. Sau 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo này mà (...*tên người nộp thuế*...) chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì cơ quan hải quan sẽ thực hiện áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh theo quy định đối với cá nhân kinh doanh/chủ hộ kinh doanh/cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp/cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể:

Ông/Bà (chữ in hoa).....;

Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....;

Giới tính:.....;

Các tên khác (nếu có)

Quốc tịch hiện nay:.....;

Giấy tờ tùy thân:....., (ngày cấp:....., nơi cấp:)

Nơi cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp.....; Nơi làm việc:.....

2. Nếu có vướng mắc, đề nghị (...*tên người nộp thuế*...) liên hệ với cơ quan hải quan theo địa chỉ:

Cơ quan/Cán bộ được giao xử lý:.....; Địa chỉ:;
Điện thoại:.....

(*Tên cơ quan hải quan*) ... thông báo để (...*tên người nộp thuế*...) được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các bộ phận/đơn vị có liên quan (nếu có);
- Trang thông tin điện tử ngành Hải quan;
- Lưu: VT.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp người không có quốc tịch thì ghi rõ "không"; nếu chưa xác định được quốc tịch thì ghi "không rõ".

⁽²⁾ Đối với người nước ngoài thì ghi rõ loại giấy tờ: hộ chiếu, giấy thông hành/giấy tờ đi lại quốc tế.....số.....; đối với công dân Việt Nam ghi rõ CCCD/Hộ chiếu số.....

⁽³⁾ Đối với công dân Việt Nam: ghi địa chỉ thường trú/tạm trú/nơi ở hiện nay; đối với người nước ngoài đang ở Việt Nam: ghi địa chỉ đang tạm trú.

⁽⁴⁾ Đối với công dân Việt Nam ghi: từ ngày...tháng...năm ...đến khi người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước; đối với người nước ngoài ghi: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm....

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc tạm hoãn xuất cảnh

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

... (Tên cơ quan hải quan) ... thông báo:

1. Tạm hoãn xuất cảnh đối với:

Ông/Bà/(chữ in hoa).....;

Ngày sinh:.....;

Giới tính:

Các tên khác (nếu có):.....

Quốc tịch hiện nay:.....⁽¹⁾.....;

Giấy tờ tùy thân:.....⁽²⁾....., ngày cấp:....., nơi cấp:

Nơi cư trú hiện nay:⁽³⁾.....

Nghề nghiệp.....;

Nơi làm việc:.....

2. Lý do tạm hoãn xuất cảnh:

Ông/Bà.....đang nợ thuế/ Ông/Bà..... là chủ hộ kinh doanh/người đại diện pháp luật/ chủ sở hữu hưởng lợi của ... (ghi tên người nộp thuế)...., (MST:....) đang nợ thuế/đang ở trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có nợ thuế.

Tổng số tiền thuế nợ đến ngày... tại ... (tên cơ quan hải quan)... là: đồng.

Tổng số tiền thuế nợ đến ngày... tại ... (tên cơ quan hải quan)... là: USD.

3. Thời gian tạm hoãn xuất cảnh:.....⁽⁴⁾.....

4. Cơ quan/Cán bộ được giao xử lý:.....; Địa chỉ:;
Điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông/Bà (tại điểm 1 Thông báo);
- DN/HTX/HKD tại điểm 2 Thông báo;
- Các bộ phận/đơn vị có liên quan (nếu có);
- Trang thông tin điện tử ngành Hải quan;
- Lưu: VT.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp người không có quốc tịch thì ghi rõ "không"; nếu chưa xác định được quốc tịch thì ghi "không rõ".

⁽²⁾ Đối với người nước ngoài thì ghi rõ loại giấy tờ: hộ chiếu, giấy thông hành/giấy tờ đi lại quốc tế.....số.....; đối với công dân Việt Nam ghi rõ CCCD/Hộ chiếu số.....

⁽³⁾ Đối với công dân Việt Nam: ghi địa chỉ thường trú/tạm trú/nơi ở hiện nay; đối với người nước ngoài đang ở Việt Nam: ghi địa chỉ đang tạm trú.

⁽⁴⁾ Đối với công dân Việt Nam ghi: từ ngày...tháng...năm ...đến khi người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước; đối với người nước ngoài ghi: từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm....

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc gia hạn tạm hoãn xuất cảnh

(Ban hành đối với Thông báo tạm hoãn xuất cảnh người nước ngoài đã hết thời hạn tạm hoãn xuất cảnh 3 năm của Thông báo tạm hoãn xuất cảnh liền kề trước)

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

... (Tên cơ quan quản lý thuế) ... thông báo:

1. Gia hạn tạm hoãn xuất cảnh đối với:

Ông/Bà/(chữ in hoa).....; Ngày sinh: Giới tính:.....

Các tên khác (nếu có):.....

Quốc tịch hiện nay:.....⁽¹⁾.....;

Giấy tờ tùy thân:.....⁽²⁾....., ngày cấp:....., nơi cấp:.....;

Nơi cư trú hiện nay:⁽³⁾.....

Nghề nghiệp.....;

Nơi làm việc:.....

2. Lý do gia hạn tạm hoãn xuất cảnh:

Ông/Bà.....đang nợ thuế/ Ông/Bà..... là người đại diện pháp luật/ chủ sở hữu hưởng lợi của ... (tên người nộp thuế)...., (mã số thuế:....) đang nợ thuế/đang ở trạng thái không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có nợ thuế.

Tổng số tiền thuế nợ đến ngày... tại ... (tên Cơ quan hải quan)... là:
đồng.

Tổng số tiền thuế nợ đến ngày... tại ... (tên Cơ quan hải quan)... là:
USD.

3. Thời gian gia hạn tạm hoãn xuất cảnh:.....

4. Cơ quan/Cán bộ được giao xử lý:.....; Địa chỉ:.....;
Điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông/Bà (tại điểm 1 Thông báo);
- Tên người nộp thuế tại điểm 2 Thông báo;
- Các bộ phận/đơn vị có liên quan (nếu có);
- Trang thông tin điện tử ngành hải quan;
- Lưu: VT.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp người không có quốc tịch thì ghi rõ “không”; nếu chưa xác định được quốc tịch thì ghi “không rõ”.

⁽²⁾ Đối với người nước ngoài thì ghi rõ loại giấy tờ: hộ chiếu, giấy thông hành/giấy tờ đi lại quốc tế.....số.....; đối với người Việt Nam ghi rõ CCCD/Hộ chiếu số.....

⁽³⁾ Đối với công dân Việt Nam: ghi địa chỉ thường trú/tạm trú/nơi ở hiện nay; đối với người nước ngoài đang ở Việt Nam: ghi địa chỉ đang tạm trú.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông báo tạm hoãn xuất cảnh số ... ngày.../.../... của ... (Tên cơ quan hải quan ban hành)

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

... (Tên cơ quan hải quan) ... thông báo:

1. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với:

Ông/Bà/(chữ in hoa).....;

Ngày sinh:;

Giới tính:.....;

Các tên khác (nếu có):.....;

Quốc tịch hiện nay:.....⁽¹⁾.....;

Giấy tờ tùy thân:.....⁽²⁾....., ngày cấp:....., nơi cấp:

Nơi cư trú hiện nay:⁽³⁾.....;

Nghề nghiệp.....;

Nơi làm việc:.....

2. Lý do hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh: ... (Tên người nộp thuế)...., MST:.... đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

3. Thời gian hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh:.....

4. Cơ quan/Cán bộ được giao xử lý:.....; Địa chỉ:;
Điện thoại:.....

Nơi nhận:

Như trên;

- Ông/Bà (tại điểm 1 Thông báo);
- Tên người nộp thuế tại điểm 2 Thông báo;
- Các bộ phận/đơn vị có liên quan (nếu có);
- Trang thông tin điện tử ngành hải quan;
- Lưu: VT.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp người không có quốc tịch thì ghi rõ “không”; nếu chưa xác định được quốc tịch thì ghi “không rõ”.

⁽²⁾ Đối với người nước ngoài thì ghi rõ loại giấy tờ: hộ chiếu, giấy thông hành/giấy tờ đi lại quốc tế.....số.....; đối với người Việt Nam ghi rõ CCCD/Hộ chiếu số.....

⁽³⁾ Đối với công dân Việt Nam: ghi địa chỉ thường trú/tạm trú/nơi ở hiện nay; đối với người nước ngoài đang ở Việt Nam: ghi địa chỉ đang tạm trú.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt hiệu lực quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số ngày... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ Quyết định số ngày của về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ của người nộp thuế hoặc Quyết định nộp dần/gia hạn/miễn tiền chậm nộp/thông báo không tính tiền chậm nộp sốngày....của....;

Căn cứ văn bản giao quyền sốngày... của ... (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hiệu lực của quyết định sốngày của về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp đối với ...(tên người nộp thuế bị cưỡng chế)..., mã số thuế:, địa chỉ.....;

Lý do chấm dứt:.....

Điều 2. ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)..., ... (tên cá nhân, tổ chức có liên quan – nếu có)... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày⁽¹⁾.

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được gửi cho ông (bà)/tổ chứcđể thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1.để
2.để

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- (để phối hợp);
- Trang thông tin điện tử Hải quan;
- ...
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ngày đối tượng bị cưỡng chế nộp đủ số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước; hoặc ngày cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần hoặc quyết định gia hạn nộp thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng ... năm ... của... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng... năm... của ...;

Căn cứ văn bản giao quyền số ngày... tháng ... năm ... của... (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản đối với: ... (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)...., mã số thuế:, địa chỉ..., mở tài khoản tại ... (Tên Tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài)... để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế.....;

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:))

...(Tên cơ quan ban hành quyết định).... yêu cầu ... (Tên Tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài) ... phong tỏa tài khoản, trích tiền từ tài khoản số ... của ... (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)....;

Điều 2. ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 3. ...*(Tên Tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*... có trách nhiệm phong toả tài khoản, trích tiền từ tài khoản đối với số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này để nộp vào tài khoản số mở tại Kho bạc

Trường hợp số tiền trên tài khoản của ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*... nhỏ hơn số tiền trên Quyết định cưỡng chế thì ...*(Tên Tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*... thực hiện trích số tiền còn lại sau khi trừ đi số dư tối thiểu để duy trì tài khoản và tiếp tục theo dõi, trích tiếp số tiền phát sinh có trên tài khoản của người nộp thuế trong thời gian quyết định có hiệu lực. Ngay khi thực hiện trích tiền theo quyết định cưỡng chế, ...*(Tên Tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*... phải thông báo cho *(Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế)*... theo địa chỉ email ..., số điện thoại..., tên cán bộ quản lý:.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký cho đến khi *(Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế)*... ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định này.

Quyết định có trang không tách rời./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Trang thông tin điện tử Hải quan;
- ;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số:

V/v cung cấp thông tin

Kính gửi:...(Tên người nộp thuế/Tên tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài)...

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của ... (Tên người nộp thuế)....., mã số thuế:; địa chỉ kinh doanh

...(Tên cơ quan hải quan).... đề nghị (Tên tổ chức tín dụng/ chi nhánh ngân hàng nước ngoài) cung cấp các thông tin về tài khoản của.... (Tên người nộp thuế) ... để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản theo quy định, bao gồm:

1. Số và ký hiệu các tài khoản mở tại...(Tên tổ chức tín dụng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài)....; số tiền hiện có (số dư) của các tài khoản tại thời điểm cung cấp thông tin.

2. Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Đề nghị...(Tên người nộp thuế)/(Tên tổ chức tín dụng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài) ... gửi văn bản cung cấp thông tin tại điểm 1 và 2 nêu trên trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản này. Văn bản cung cấp thông tin gửi về...(Tên cơ quan hải quan)....; địa chỉ:....; điện thoại:; email:

... (Tên cơ quan hải quan).... sẽ có trách nhiệm bảo mật các thông tin của đơn vị đã cung cấp theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ

Căn cứ Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều ... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số.... ngày... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập đối với: ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*..., địa chỉ..., mã số thuế: để thi hành *(Tên quyết định hành chính về quản lý thuế)*.... số... ngày... tháng... năm... của...;

1. Lý do bị cưỡng chế: ;

2. Số tiền bị cưỡng chế: ;

(Bằng chữ:)

Điều 2. ...*(Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập)* ..., địa chỉ: có trách nhiệm khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập của ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*... để nộp vào ngân sách nhà nước theo tài khoản số..... mở tại kho bạc

Điều 3. ...*(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)*... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi (*Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế*)... ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định này.

Quyết định có ... trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- Trang thông tin điện tử ngành Hải quan;
- ;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số:

V/v cung cấp thông tin

Kính gửi:...(Tên người nộp thuế/Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập)...

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(Tên người nộp thuế)....., mã số thuế:; địa chỉ kinh doanh

...(Tên cơ quan hải quan) đề nghị cung cấp các thông tin về tiền lương và thu nhập của...(Tên người nộp thuế) ... để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập theo quy định, bao gồm:

1. Số tiền lương hoặc thu nhập của ...(Tên người nộp thuế)....:
2. Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Đề nghị ...(tên người nộp thuế/tên tổ chức chi trả) gửi văn bản cung cấp thông tin nêu tại điểm 1 và 2 ở trên cho ...(tên cơ quan hải quan) ... trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản này. Văn bản cung cấp thông tin gửi về...(tên cơ quan hải quan) theo địa chỉ: ...

Nếu quá thời hạn nêu trên...(tên người nộp thuế/tên tổ chức chi trả) không cung cấp hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về tiền lương và thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế thì ...(tên cơ quan hải quan) ... căn cứ vào tình hình thực tế để áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp theo quy định.

...(Tên cơ quan hải quan) sẽ có trách nhiệm bảo mật các thông tin của đơn vị đã cung cấp theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp dùng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều ... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định sốngàytháng....năm... củaquy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của;

Căn cứ đề nghị thi hành Quyết định hành chính quản lý thuếngày tháng năm của tại văn bản số (nếu có);

Căn cứ văn bản giao quyền số(nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp dùng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế), địa chỉ....., mã số thuế: để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:)

Điều 2. ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế) ... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi ... (*Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế*)...ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định này.

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cơ quan thuế (nếu có);
- Trang thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Trang thông tin điện tử Chi Cục Hải quan;
- ;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số:

V/v đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp
 dừng làm thủ tục hải quan

Kính gửi:...(Tên cơ quan hải quan)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số ...ngày...tháng...năm... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ Thông báo/Quyết định/Văn bản về tiền thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác...

Để đảm bảo thi hành Thông báo/Quyết định/Văn bản về tiền thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác...của...(tên người nộp thuế)...tại văn bản số....nêu trên;

...(Tên cơ quan đề nghị)....đề nghị quý cơ quan thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với ...(tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Số thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác bị cưỡng chế:.....(viết bằng chữ).....

Lý do đề nghị cưỡng chế:.....

Hồ sơ, tài liệu kèm theo:

Thông báo/Quyết định/Văn bản về tiền thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác...của...(tên người nộp thuế)....

Tài liệu liên quan khác.

Nếu có vướng mắc, vui lòng liên hệ với bộ phận....thuộc...(Tên cơ quan đề nghị)....theo số điện thoại: ...địa chỉ.....

...(Tên cơ quan đề nghị)....có ý kiến đề(tên cơ quan hải quan)...được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tên người nộp thuế (để thông báo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế
bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế
do tổ chức, cá nhân khác đang giữ

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều ... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Căn cứ văn bản giao quyền số (nếu có);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ đối với: ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)..., địa chỉ..., mã số thuế: để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:

Số tiền bị cưỡng chế:

(Bằng chữ:)

...(Tên, mã số thuế, địa chỉ trụ sở/nơi cư trú của tổ chức/cá nhân đang nắm giữ tiền, tài sản)... của ... (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)....

Điều 2. ... (Tên người nộp thuế bị cưỡng chế).... và ...(Tên bên thứ ba là tổ chức/cá nhân đang nắm giữ tiền, tài sản của người nộp thuế bị cưỡng chế), (tên

cơ quan hải quan quản lý bên thứ ba) ... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi ... *(Tên cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế) ... ban hành quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định này.*

Quyết định có trang không tách rời, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- (để phối hợp);
- Trang thông tin điện tử Cục Hải quan;
- ...
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số:

V/v cung cấp thông tin

Kính gửi:...(Tên người nộp thuế/Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập)...

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(Tên người nộp thuế)....., mã số thuế:; địa chỉ kinh doanh

...(Tên cơ quan hải quan).... đề nghị cung cấp các thông tin về tiền lương và thu nhập của...(Tên người nộp thuế) ... để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập theo quy định, bao gồm:

1. Số tiền lương hoặc thu nhập của...(Tên người nộp thuế)....:
2. Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Đề nghị...(Tên người nộp thuế)/(Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập)..... gửi văn bản cung cấp thông tin tại điểm 1 và 2 nêu trên trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản này. Văn bản cung cấp thông tin gửi về...(Tên cơ quan hải quan) theo địa chỉ: ...

3. Tài sản: Yêu cầu cung cấp các thông tin về danh mục các tài sản bên thứ ba đang nắm giữ.

+ Loại tài sản, địa chỉ sử dụng/cất trữ hiện nay, tình trạng tài sản, quyền sở hữu của tài sản.

+ Giá trị tài sản được phản ánh trên sổ sách kế toán của người nộp thuế bị cưỡng chế, kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế, hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho, giấy chứng nhận về quyền sở hữu tài sản.

4. Tên tổ chức, cá nhân có khoản nợ đối với người nộp thuế sắp đến hạn phải trả: giá trị, thời hạn.

Đề nghị ... (tên người nộp thuế)/(tổ chức, cá nhân)/(bên thứ 3)... gửi văn bản cung cấp thông tin nêu tại điểm 1, 2, 3 và 4 ở trên cho ... (tên cơ quan *hải quan*)... trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản này. Văn bản cung cấp thông tin gửi về... (tên cơ quan *hải quan*) theo địa chỉ: ...

Kể từ khi nhận được văn bản này, đề nghị (bên thứ 3) không được chuyển trả tiền, tài sản (bao gồm cả khoản nợ phải thanh toán cho người nộp thuế) cho người nộp thuế bị cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc chuyển giao tài sản theo đề nghị cơ quan quản lý thuế. *(nếu gửi bên thứ 3)*

Trường hợp bên thứ 3 đang nắm giữ tiền, tài sản của người nộp thuế bị cưỡng chế không thực hiện được yêu cầu của cơ quan thuế thì phải có văn bản giải trình gửi cơ quan thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan thuế. *(nếu gửi bên thứ 3)*

...(Tên cơ quan *hải quan*).... sẽ có trách nhiệm bảo mật các thông tin của đơn vị đã cung cấp theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 70

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BAN
HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v xác minh tài sản

Kính gửi:...(tên người nộp thuế)/(tổ chức, cá nhân)...

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(tên người nộp thuế)...., MST...; địa chỉ kinh doanh

... (Tên cơ quan hải quan)...yêu cầu... (tên người nộp thuế)/(tổ chức, cá nhân)... cung cấp các thông tin về danh mục các tài sản để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản theo quy định, bao gồm:

1. Loại tài sản, địa chỉ sử dụng/cất trữ hiện nay, tình trạng tài sản (được cầm cố, thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm,...), quyền sở hữu của tài sản.

2. Giá trị tài sản được phản ánh trên sổ sách kế toán của người nộp thuế bị cưỡng chế, kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế, hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho, giấy chứng nhận về quyền sở hữu tài sản.

Đề nghị ... (tên người nộp thuế)/(tổ chức, cá nhân) ... gửi văn bản cung cấp thông tin nêu tại điểm 1 và 2 ở trên cho ... (tên cơ quan hải quan... theo địa chỉ:

Trường hợp người nộp thuế là cá nhân đang trong thời gian chữa bệnh: đề nghị gửi các tài liệu chứng minh đang chữa bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh được thành lập theo qui định của pháp luật.

Nếu quá thời hạn nêu trên...(tên người nộp thuế)/(tổ chức, cá nhân).... không cung cấp hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ thì...(tên cơ quan hải quan)... sẽ tiến hành biện pháp cưỡng chế khác theo qui định của pháp luật.

Cơ quan hải quan có trách nhiệm bảo mật các thông tin của đơn vị đã cung cấp theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Cơ quan hải quan có thể đề nghị người nộp thuế đồng thời cung cấp thông tin về tài sản và bên thứ 3.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
XÁC NHẬN KẾT QUẢ XÁC MINH TÀI SẢN

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm.....
Tại

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN:

1. Ông (Bà):

Chức vụ:

Đơn vị:

2.....

II. CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CƯỠNG CHẾ:

Ông (Bà):.....Quốc tịch:.....

Chức vụ:..... (nếu có)

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Căn cước công dân/hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

III. CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐANG NẪM GIỮ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BỊ CƯỠNG CHẾ (nếu có):

1. Ông (Bà):

Chức vụ:

Đơn vị:

2.....

IV. NGƯỜI CHỨNG KIẾN (Nếu có):

1. Ông (Bà):.....Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Căn cước công dân/hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

2.....

Qua tiến hành xác minh thông tin về tài sản của... (*Tên người nộp thuế bị cưỡng chế*), các bên xác nhận thông tin về tài sản của... (*Tên người nộp thuế bị cưỡng chế*)...như sau:

Tài sản kê biên thứ nhất: Ghi rõ tên tài sản, loại tài sản, tình trạng, đặc điểm tài sản bị kê biên, thông tin đăng ký sở hữu tài sản (nếu có).....

Tài sản kê biên thứ hai: Ghi rõ tên tài sản, loại tài sản, tình trạng, đặc điểm tài sản bị kê biên, thông tin đăng ký sở hữu tài sản (nếu có).....

Biên bản được lập thành 02 bản; mỗi bản gồm.....trang; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản ⁽¹⁾.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....⁽²⁾

**CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ
CHỨC/CÁ NHÂN BỊ CƯỖNG
CHẾ/ BÊN THỨ BA NẮM GIỮ
TÀI SẢN CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ BỊ CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Trường hợp cá nhân hoặc đại diện tổ chức/cá nhân bị cưỡng chế/ bên thứ ba nắm giữ tài sản của người nộp thuế bị cưỡng chế vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì người lập biên bản giao cho người chứng kiến, đại diện chính quyền địa phương, đại diện tổ dân phố, đại diện người được giao bảo quản tài sản...

⁽²⁾ Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị cưỡng chế bằng
biện pháp kê biên tài sản

Kính gửi:...(UBND cấp xã/ tỉnh nơi có tài sản kê biên)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều... Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số.... ngày...tháng....năm... của quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành quyết định cưỡng chế;

Căn cứ (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản kê biên số...ngày... giữa...(Tên cơ quan hải quan)...và ...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế).

...(Tên cơ quan hải quan)... đề nghị...(UBND cấp xã/ tỉnh nơi có tài sản kê biên) thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản đối với...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)...., địa chỉ...., mã số thuế: để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Lý do bị cưỡng chế:.....;

Số tiền bị cưỡng chế:.....;

(Bằng chữ:)

Thông tin về tài sản bị cưỡng chế:

.....

Đề nghị ...(UBND cấp xã/ tỉnh nơi có tài sản kê biên)...gửi kết quả thực hiện kê biên bán đấu giá tài sản kê biên cho cơ quan hải quan, trường hợp không thực hiện kê biên tài sản thì thông báo cho cơ quan hải quan về lý do không thực hiện.

Hồ sơ, tài liệu kèm theo:

- (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của ...;

- Biên bản xác minh tài sản kê biên số...ngày...giữa...(Tên cơ quan hải quan)...và...(Tên người nộp thuế bị cưỡng chế)...

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản của người nộp thuế;
- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

Nếu có vướng mắc, vui lòng liên hệ với bộ phận ...thuộc...(Tên cơ quan hải quan)... theo số điện thoại:....., địa chỉ.....

...(Tên cơ quan đề nghị)... thông báo đề...(UBND cấp xã/ tỉnh nơi có tài sản kê biên)...được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...(Tên người nộp thuế)... (để thông báo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu:VT, bộ phận phát hành thông báo.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 73

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thu hồi giấy ...⁽¹⁾

Kính gửi:...(Tên cơ quan cấp giấy ...)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Điều Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...*(Tên người nộp thuế)*....., mã số thuế:; địa chỉ:....;

(Tên cơ quan hải quan)... đề nghị quý cơ quan thực hiện biện pháp thu hồi giấy ... của ...*(Tên đối tượng bị cưỡng chế)*... , mã số thuế:, địa chỉ:...

Lý do đề nghị thu hồi:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi của ...*(Tên cơ quan hải quan)*...., ... *(Tên cơ quan cấp giấy)*... phải ban hành quyết định thu hồi giấy... hoặc thông báo cho ...*(Tên cơ quan hải quan)*... về lý do không thu hồi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...*(Tên người nộp thuế)*.....;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽¹⁾ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH
VĂN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị khôi phục tình trạng
pháp lý của doanh nghiệp

Kính gửi:...(Tên cơ quan cấp giấy ...)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số....;

Căn cứ Điều Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ văn bản đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp số... ngày ... tháng ... năm ... của...(Tên người nộp thuế).....;

Căn cứ tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của...(Tên người nộp thuế)....., mã số thuế:, địa chỉ...;

...(Tên cơ quan hải quan)... đề nghị quý cơ quan thực hiện khôi phục tình trạng pháp lý cho ...(Tên người nộp thuế)..., mã số thuế:, địa chỉ...;

Lý do khôi phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...(Tên người nộp thuế)...;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
BAN HÀNH VĂN BẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II
CHỈ TIÊU THÔNG TIN VỀ QUẢN LÝ THUẾ
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
(Kèm theo Thông tư số 86/2026/TT-BTC
Ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Danh sách các mẫu biểu khai báo

Mẫu số	Tên biểu mẫu
1	Công văn đề nghị gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt
2	Công văn đề nghị hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
3	Thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ
4	Thông báo về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ
5	Công văn đề nghị miễn tiền chậm nộp
6	Công văn đề nghị hoàn thuế
7	Thông báo bổ sung hồ sơ
7a	Thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu
8	Bảng kê chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, dây chuyền
9	Thông báo chuyển nhượng dự án
10	Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế
11	Thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị
12	Thông báo hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền
13	Công văn đề nghị giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu
14	Công văn đề nghị không thu thuế
15	Công văn đề nghị xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

16	Công văn đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa
17	Công văn đề nghị nộp dần tiền thuế nợ
17a	Công văn đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế
18	Công văn yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản
19	Công văn yêu cầu cung cấp thông tin về khoản tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế
20	Công văn đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp dùng làm thủ tục hải quan
21	Công văn yêu cầu cung cấp thông tin về tiền, tài sản đang nắm giữ hoặc công nợ phải trả đối với người nộp thuế bị cưỡng chế
22	Công văn xác minh tài sản
23	Công văn đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản
24	Công văn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
25	Công văn đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp

II. Danh sách các chứng từ khai báo

STT	Tên biểu mẫu
1	Hợp đồng cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí trong đó ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu trong trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa cho hoạt động dầu khí
2	Hợp đồng cho thuê tài chính trong trường hợp cho thuê tài chính nhập khẩu hàng hóa cung cấp cho đối tượng được hưởng ưu đãi miễn thuế, trong đó ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu
3	Chứng từ chuyển nhượng hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế chuyển nhượng cho đối tượng miễn thuế khác, trong đó ghi rõ giá chuyển nhượng hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu
4	Văn bản xác nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với phương tiện vận tải
5	Giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến công tác, làm việc tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên
6	Văn bản chứng minh việc chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt thời hạn lao động ở nước ngoài đối với tổ chức, công dân Việt Nam có hoạt động ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên sau khi kết thúc hoạt động trở về nước
7	Hộ chiếu (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên thị thực rời đối với trường hợp hộ chiếu được cấp thị thực rời) hoặc giấy tờ thay hộ chiếu còn giá trị (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu) đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký thường trú tại Việt Nam
8	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc miễn thuế đối với tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế
9	Văn bản thỏa thuận biểu tặng trong trường hợp người nhận quà tặng là tổ chức

10	Văn bản của cơ quan chủ quản cấp trên về việc cho phép tiếp nhận để sử dụng hàng hóa miễn thuế
11	Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc bộ, ngành chủ quản đối với quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện
12	Thông tin về số định danh cá nhân hoặc xuất trình Giấy thông hành biên giới. Trường hợp cơ quan hải quan không khai thác được thông tin của người nộp thuế theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, người nộp thuế xuất trình một trong các giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
13	Văn bản chỉ định giao hàng hóa tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài (Khi làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ đối với hàng hóa quy định, người xuất khẩu tại chỗ phải nộp thêm văn bản này)
14	Văn bản của Ngân hàng Nhà nước cho phép tổ chức được phép nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng phục vụ hoạt động in, đúc tiền
15	Công văn đề nghị miễn thuế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc bộ hoặc cấp tương đương trong đó nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại và trị giá hàng hóa, số tiền đề nghị được miễn thuế
16	Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác
17	Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc bộ hoặc cấp tương đương về việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ yêu cầu cứu trợ khẩn cấp, trong đó nêu rõ tình hình thiệt hại do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh gây ra trên địa bàn;
18	Danh mục hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ cứu trợ khẩn cấp
19	Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản động vật hoang dã do cơ quan Kiểm lâm địa phương hoặc cơ quan do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định cấp

20	Giấy xác nhận số lượng trứng được giết mổ có nguồn gốc từ gây nuôi sinh sản do cơ quan Kiểm lâm địa phương xác nhận mỗi lần làm thủ tục xuất khẩu
21	Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng
22	Văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa
23	Quyết định miễn thuế của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP
24	Bảng kê khai thông tin, nội dung miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải
25	Giấy phép môi trường (GPMT) hoặc GPMT thành phần
26	Hợp đồng chứng minh điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa
27	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
28	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư
29	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
30	Bảng kê khai thông tin, nội dung miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường
31	Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật
32	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
33	Hợp đồng mua bán hàng hóa (trong đó có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường) phục vụ triển khai dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung và dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
34	Giấy chứng nhận hoặc công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ chiến lược,

	doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển
35	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
36	Hợp đồng dầu khí
37	Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động dầu khí
38	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình công tác năm và ngân sách hàng năm về hoạt động dầu khí
39	Hợp đồng đóng tàu
40	Hợp đồng xuất khẩu tàu biển
41	Hợp đồng thuê chế tạo máy móc, thiết bị hoặc chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị
42	Hợp đồng bảo hiểm
43	Thông báo trả tiền bồi thường của tổ chức nhận bảo hiểm
44	Xác nhận của tổ chức bảo hiểm về việc hợp đồng không bao gồm nội dung bồi thường về thuế
45	Hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận đền bù của hãng vận tải
46	Văn bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại
47	Biên bản xác nhận vụ cháy của cơ quan công an có thẩm quyền
48	Giấy chứng nhận giám định của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát hoặc tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa
49	Hóa đơn thương mại
50	Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
51	Hợp đồng xuất khẩu
52	Hợp đồng nhập khẩu
53	Văn bản thỏa thuận với khách hàng nước ngoài về việc nhận lại hàng hóa

54	Thông báo của khách hàng nước ngoài về việc từ chối nhận hàng
55	Văn bản thông báo của hãng vận tải về việc không có người nhận hàng có nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại hàng hóa trả lại đối với trường hợp hàng hóa do khách hàng trả lại
56	Văn bản thỏa thuận trả lại hàng hóa
57	Chứng từ thanh toán của các hãng tàu biển nước ngoài
58	Báo cáo tính thuế nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu
59	Tài liệu chứng minh có quyền sở hữu cơ sở sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam
60	Tài liệu chứng minh có quyền sử dụng cơ sở sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam
61	Tài liệu chứng minh có quyền sở hữu đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa
62	Tài liệu chứng minh có quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa
63	Văn bản thông báo của doanh nghiệp bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế về việc không giao được cho người nhận
64	Văn bản xác nhận của doanh nghiệp cung ứng tàu biển về số lượng, trị giá hàng hóa mua của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài
65	Quyết định của đơn vị chủ quản về việc giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện dự án hoặc quyết định phê duyệt dự án ODA của cơ quan chủ quản dự án trong đó ghi rõ hình thức cung cấp là ODA không hoàn lại
66	Danh mục chi tiết hàng hóa viện trợ cho nước ngoài do đơn vị thực hiện dự án lập
67	Giấy xác nhận nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xuất bản đối với hàng hóa là báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên

	truyền cô động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT
68	Quyết định phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án và văn kiện chương trình, dự án, phi dự án
69	Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án
70	Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận cụ thể về vốn ODA không hoàn lại
71	Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án hoặc Quyết định đầu tư chương trình và Văn kiện dự án
72	Văn kiện hoặc điều chỉnh văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan có thẩm quyền
73	Hợp đồng cung cấp hàng hóa cho dự án ODA viện trợ không hoàn lại cho nước ngoài

III. Chỉ tiêu thông tin khai báo của mẫu biểu

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1	Mẫu số 1	Công văn đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt	
	Thông tin chung		
1.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số thông báo	
1.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành thông báo	
1.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt		
	Thông tin của người nộp thuế		
1.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
1.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
1.6	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
1.7	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
1.8	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin của người được ủy quyền		
1.10	Tên người được ủy quyền	Nhập tên người được ủy quyền	
1.11	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền	
1.12	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
1.13	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
1.14	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1.15	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người được ủy quyền	
1.16	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền	
1.17	Điện thoại	Nhập điện thoại của người được ủy quyền	
1.18	Fax	Nhập số fax của người được ủy quyền (nếu có)	
1.19	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền (nếu có)	
	Thông tin số tiền thuế đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt		
1.20	Số tiền đề nghị gia hạn	Nhập số tiền đề nghị gia hạn (bằng số và bằng chữ)	
1.21	Thời gian đề nghị gia hạn	Nhập thời gian đề nghị gia hạn	
1.22	Lý do đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Nhập lý do đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	
1.23	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	Liệt kê hồ sơ, tài liệu kèm theo	
2	Mẫu số 2	Công văn đề nghị hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	
	Thông tin chung		
2.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số thông báo	
2.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành thông báo	
2.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền hoàn thuế	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa		
	Thông tin của người nộp thuế		
2.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
2.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
2.6	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
2.7	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
2.8	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế (nếu có)	
2.9	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
2.10	Cơ quan hải quan quản lý người nộp thuế	Nhập tên, địa chỉ cơ quan hải quan quản lý người nộp thuế	
	Thông tin của người được ủy quyền		
2.11	Tên người được ủy quyền	Nhập tên người được ủy quyền	
2.12	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền	
2.13	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
2.14	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
2.15	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
2.16	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người được ủy quyền	
2.17	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền	
2.18	Điện thoại	Nhập điện thoại của người được ủy quyền	
2.19	Fax	Nhập số fax của người được ủy quyền (nếu có)	
2.20	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền (nếu có)	
	Thông tin số tiền thuế đề nghị hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa		
2.21	Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả	Nhập tên khoản tiền nộp thừa, số ngày tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung, Quyết định ấn định thuế, số ngày giấy nộp tiền vào	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		NSNN, số tiền phá nộp thu NSNN và tiền gửi, số tiền đã nộp vào tài khoản thu NSNN và tiền gửi, số tiền đề nghị hoàn trả.	
2.22	Lý do đề nghị hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Nhập lý do đề nghị hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	
2.23	Cách thức hoàn trả	Tích chọn hình thức hoàn trả bao gồm: Bù trừ với số tiền thuế, khoản thu khác còn nợ thuộc tờ khai hải quan số... ngày...; Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp cho các tờ khai hải quan làm thủ tục tiếp theo; Hoàn trả trực tiếp (nhập số tiền hoàn trả bằng số, bằng chữ);	
2.24	Hình thức hoàn trả	Tích chọn hình thức hoàn trả: nhập số tài khoản, tên ngân hàng (KBNN) đối với hình thức chuyển khoản; nhập nơi nhận tiền hoàn thuế là KBNN... đối với hình thức hoàn trả tiền mặt.	
2.25	Cam kết của người nộp thuế	Người nộp thuế tích chọn 1 trong 2 nội dung: ☐ Người nộp thuế cam kết số tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế, người nộp thuế sẽ thực hiện kê khai điều chỉnh với cơ quan thuế số tiền thuế GTGT được cơ quan hải quan hoàn. ☐ Người nộp thuế cam kết số tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được kê khai, khấu trừ, chưa được hoàn tại cơ quan thuế.	
3	Mẫu số 3	Thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ	
	Thông tin chung		
3.1	Số thông báo	Hệ thống tự động cấp số thông báo	
3.2	Ngày thông báo	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành thông báo	
3.3	Cơ quan hải quan	Nhập tên, mã cơ quan hải quan thông báo	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về tổ chức/cá nhân nhận thông báo		
	Thông tin của người nộp thuế		
3.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế nhận thông báo	
3.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
3.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu	
3.7	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nộp thuế	
3.8	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nộp thuế	
3.9	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người nộp thuế	
3.10	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
3.11	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
3.12	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế (nếu có)	
3.13	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin của người được ủy quyền		
3.14	Tên người được ủy quyền	Nhập tên người được ủy quyền	
3.15	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền	
3.16	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
3.17	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
3.18	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
3.19	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người được ủy quyền	
3.20	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền	
3.21	Điện thoại	Nhập điện thoại của người được ủy quyền	
3.22	Fax	Nhập số fax của người được ủy quyền (nếu có)	
3.23	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền (nếu có)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin của tổ chức nhận ủy thác		
3.24	Tên tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên tổ chức nhận ủy thác	
3.25	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức nhận ủy thác	
3.26	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức nhận ủy thác	
3.27	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức nhận ủy thác	
3.28	Fax	Nhập số fax của tổ chức nhận ủy thác (nếu có)	
3.29	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức nhận ủy thác (nếu có)	
3.30	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan	
3.31	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày hợp đồng đại lý hải quan	
	Nội dung thông báo		
	Thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận hồ sơ		
3.32	Số của hồ sơ được tiếp nhận	Nhập số của hồ sơ được tiếp nhận	
3.33	Ngày của hồ sơ được tiếp nhận	Nhập ngày của hồ sơ	
3.34	Trích yếu của hồ sơ được tiếp nhận	Nhập trích yếu của hồ sơ	
3.35	Thành phần của hồ sơ được tiếp nhận	Liệt kê thành phần của hồ sơ được tiếp nhận	
3.36	Thời gian nhận hồ sơ	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm tiếp nhận hồ sơ	
3.37	Kết quả phân loại hồ sơ	Nhập kết quả phân loại hồ sơ đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế	
3.38	Thời hạn giải quyết hồ sơ	Nhập thời hạn giải quyết hồ sơ đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế	
3.39	Lý do không tiếp nhận hồ sơ	Nhập lý do không tiếp nhận trong trường hợp không tiếp nhận hồ sơ	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông báo số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án		
3.40	Số quyết định/bản án	Nhập số quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án	
3.41	Ngày quyết định/bản án	Nhập ngày ký ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án	
3.42	Lý do nộp thừa	Nhập lý do số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được xác định theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, bản án, quyết định của Tòa án	
3.43	Số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa	Nhập số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt được xác định là nộp thừa	
3.44	Số tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan có số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt được xác định là nộp thừa	
3.45	Ngày tờ khai hải quan	Nhập ngày tờ khai hải quan có số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt được xác định là nộp thừa	
3.46	Loại thuế	Nhập loại thuế được xác định là nộp thừa	
4	Mẫu số 4	Thông báo về việc không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ	
	Thông tin chung		
4.1	Số thông báo	Hệ thống tự động cấp số thông báo	
4.2	Ngày thông báo	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành thông báo	
4.3	Cơ quan hải quan	Nhập tên, mã cơ quan hải quan thông báo	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân nhận thông báo		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin của người nộp thuế		
4.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế nhận thông báo	
4.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
4.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu	
4.7	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nộp thuế	
4.8	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nộp thuế	
4.9	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người nộp thuế	
4.10	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
4.11	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
4.12	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế (nếu có)	
4.13	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin của người được ủy quyền		
4.14	Tên người được ủy quyền	Nhập tên người được ủy quyền	
4.15	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền	
4.16	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
4.17	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
4.18	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
4.19	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người được ủy quyền	
4.20	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền	
4.21	Điện thoại	Nhập điện thoại của người được ủy quyền	
4.22	Fax	Nhập số fax của người được ủy quyền (nếu có)	
4.23	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền (nếu có)	
	Thông tin của tổ chức nhận ủy thác		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
4.24	Tên tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên tổ chức nhận ủy thác	
4.25	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức nhận ủy thác	
4.26	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức nhận ủy thác	
4.27	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức nhận ủy thác	
4.28	Fax	Nhập số fax của tổ chức nhận ủy thác (nếu có)	
4.29	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức nhận ủy thác (nếu có)	
4.30	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan	
4.31	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày hợp đồng đại lý hải quan	
	Nội dung thông báo		
4.32	Số của hồ sơ	Nhập số của hồ sơ không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ...	
4.33	Ngày của hồ sơ	Nhập ngày của hồ sơ không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ...	
4.34	Trích yếu của hồ sơ	Nhập trích yếu của hồ sơ không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ...	
4.35	Lý do	Nhập rõ lý do hồ sơ không được miễn thuế/giảm thuế/hoàn thuế/không thu thuế/xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		chậm nộp, tiền phạt nộp thừa/gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt/miễn tiền chậm nộp/xoá nợ/phục hồi xoá nợ...	
5	Mẫu số 5	Công văn đề nghị miễn tiền chậm nộp	
	Thông tin chung		
5.1	Tên tổ chức	Nhập tên tổ chức (đối với cá nhân thì bỏ trống)	
5.2	Số công văn	Nhập số công văn	
5.3	Ngày	Cập nhật ngày phát hành công văn	
5.4	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền miễn tiền chậm nộp	
5.5	Cơ quan thuế quản lý người nộp thuế	Tên, địa chỉ Cơ quan thuế	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị miễn tiền chậm nộp		
	Thông tin của người nộp thuế		
5.6	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
5.7	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
5.8	Địa chỉ nhận thông báo	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
5.9	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
5.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin của người được ủy quyền		
5.11	Tên người được ủy quyền	Nhập tên người được ủy quyền	
5.12	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền	
5.13	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
5.14	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
5.15	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
5.16	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người được ủy quyền	
5.17	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền	
5.18	Điện thoại	Nhập điện thoại của người được ủy quyền	
5.19	Fax	Nhập số fax của người được ủy quyền (nếu có)	
5.20	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền (nếu có)	
	Thông tin số tiền thuế đề nghị miễn tiền chậm nộp		
5.21	Lý do miễn tiền chậm nộp	Nhập lý do miễn tiền chậm nộp	
5.22	Giá trị vật chất bị thiệt hại	Nhập Giá trị vật chất bị thiệt hại đơn vị tính là đồng	
5.23	Số tiền đề nghị miễn tiền chậm nộp	Nhập số tiền đề nghị miễn tiền chậm nộp (bằng số và bằng chữ)	
5.24	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	Liệt kê hồ sơ, tài liệu kèm theo	
6	Mẫu số 6	Công văn đề nghị hoàn thuế	
6.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
6.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
6.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền hoàn thuế	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị hoàn thuế		
6.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
6.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
6.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của người nộp thuế	
6.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
6.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6.9	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế	
6.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế	
6.11	Tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác trong trường hợp nộp thuế theo ủy quyền/ủy thác	
6.12	Mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
6.13	Địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
6.14	Điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
6.15	Fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
6.16	Email của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
6.17	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
6.18	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày của hợp đồng đại lý hải quan	
Nội dung đề nghị hoàn trả số tiền đã nộp (có thể nhập nhiều lần)			
6.19	Loại thuế		
6.20	Thuế xuất khẩu	Nhập số tiền thuế xuất khẩu	
6.21	Thuế nhập khẩu	Nhập số tiền thuế nhập khẩu	
6.22	Thuế tự vệ	Nhập số tiền thuế tự vệ	
6.23	Thuế chống bán phá giá	Nhập số tiền thuế chống bán phá giá	
6.24	Thuế chống trợ cấp	Nhập số tiền thuế chống trợ cấp	
6.25	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt	
6.26	Thuế bảo vệ môi trường	Nhập số tiền thuế bảo vệ môi trường	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6.27	Thuế giá trị gia tăng	Nhập số tiền thuế giá trị gia tăng	
6.28	Tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	Nhập số tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	
6.29	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	
6.30	Số Quyết định ấn định thuế	Nhập số Quyết định ấn định thuế	
6.31	Ngày Quyết định	Nhập ngày ban hành Quyết định ấn định thuế	
6.32	Số tiền đã nộp vào tài khoản	Chọn một trong hai ô sau đây:	
		“Thu Ngân sách Nhà nước”: Nhập số tiền thuế đã nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước theo từng sắc thuế	
		“Tài khoản tiền gửi”: Nhập số tiền thuế đã nộp vào tài khoản tiền gửi theo từng sắc thuế	
6.33	Số tiền thuế đề nghị bù trừ số tiền thuế, thu khác còn nợ	Nhập số tiền thuế đề nghị bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ	
6.34	Số tiền thuế đề nghị bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	Nhập số tiền thuế đề nghị bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	
6.35	Số tiền thuế đề nghị hoàn trả trực tiếp	Nhập số tiền thuế đề nghị hoàn trả trực tiếp	
6.36	Lý do đề nghị hoàn	Nhập nội dung đề nghị hoàn theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế			
6.37	Thực hiện thanh toán qua ngân hàng	Chọn một trong hai ô sau:	
		Chọn có và nhập số chứng từ thanh toán	
		Chọn không	
6.38	Việc sử dụng, gia công, chế biến	Chọn một trong hai ô sau:	
		Chưa qua sử dụng, gia công, chế biến	
		Đã qua sử dụng, gia công, chế biến	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6.39	Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập tái xuất	“Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam”: Nhập thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam	
		“Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa”: Nhập tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa	
		“Thực hiện theo hình thức thuê”: Chọn nhập thực hiện theo hình thức thuê:	
		Có	
		Không	
		“Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, di mướn”: Chọn nhập một trong hai ô sau:	
		Có	
		Không	
6.40	Hình thức hoàn trả	Chọn một trong cách hình thức hoàn trả tại các ô sau:	
		Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ thuộc tờ khai hải quan, nhập: - Số tờ khai hải quan - Ngày tờ khai hải quan	
		Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp thuộc tờ khai hải quan, nhập: - Số tờ khai hải quan - Ngày tờ khai hải quan	
		Hoàn trả trực tiếp bằng tiền mặt nhập các chỉ tiêu: - Số tiền bằng số - Số tiền bằng chữ - Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế nhận tiền hoàn thuế	
		Hoàn trả trực tiếp bằng chuyển khoản nhập các chỉ tiêu: - Số tiền bằng số - Số tiền bằng chữ - Tên chủ tài khoản	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		- Số tài khoản - Nhập tên ngân hàng (Kho bạc Nhà nước)	
6.41	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	Nhập danh sách hồ sơ tài liệu đính kèm	
6.42	Xác nhận của nhân viên đại lý hải quan	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Số Chứng chỉ hành nghề	
6.43	Xác nhận của người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Chức vụ	
7	Mẫu số 7	Thông báo bổ sung hồ sơ	
	Thông tin chung		
7.1	Số thông báo	Hệ thống tự động cấp số thông báo	
7.2	Ngày thông báo	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành thông báo	
7.3	Cơ quan hải quan	Nhập tên, mã cơ quan hải quan thông báo	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân nhận thông báo		
	Thông tin của người nộp thuế		
7.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế nhận thông báo	
7.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
7.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu	
7.7	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nộp thuế	
7.8	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nộp thuế	
7.9	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người nộp thuế	
7.10	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
7.11	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
7.12	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế (nếu có)	
7.13	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin của người được ủy quyền		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.14	Tên người được ủy quyền	Nhập tên người được ủy quyền	
7.15	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền	
7.16	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
7.17	Ngày cấp	Nhập ngày cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
7.18	Nơi cấp	Nhập nơi cấp Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được ủy quyền	
7.19	Quốc tịch	Nhập quốc tịch của người được ủy quyền	
7.20	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền	
7.21	Điện thoại	Nhập điện thoại của người được ủy quyền	
7.22	Fax	Nhập số fax của người được ủy quyền (nếu có)	
7.23	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền (nếu có)	
	Thông tin của tổ chức nhận ủy thác		
7.24	Tên tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên tổ chức nhận ủy thác	
7.25	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức nhận ủy thác	
7.26	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức nhận ủy thác	
7.27	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức nhận ủy thác	
7.28	Fax	Nhập số fax của tổ chức nhận ủy thác (nếu có)	
7.29	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức nhận ủy thác (nếu có)	
7.30	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan	
7.31	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày hợp đồng đại lý hải quan	
	Nội dung thông báo		
	Thông báo về việc bổ sung, giải trình		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.32	Hồ sơ, tài liệu cần bổ sung	Nhập chi tiết hồ sơ, tài liệu cần bổ sung	
7.33	Thời hạn bổ sung	Nhập thời hạn bổ sung hồ sơ, tài liệu	
7.34	Nội dung cần giải trình	Nhập nội dung cần giải trình	
7.35	Hình thức giải trình	- Trường hợp giải trình bằng văn bản, đánh dấu "X" tại ô tương ứng - Trường hợp giải trình trực tiếp tại cơ quan hải quan, đánh dấu "X" tại ô tương ứng	
7.36	Thời hạn giải trình	Nhập thời hạn giải trình	
7a	Mẫu số 7a	Thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu	
	Thông tin chung		
7.1	Số thông báo danh mục miễn thuế	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số danh mục miễn thuế đăng ký lần đầu. Hệ thống sẽ tự động hiển thị trên màn hình số danh mục miễn thuế trong trường hợp đăng ký sửa đổi danh mục.	
7.2	Phân loại xuất nhập khẩu	Nhập mã phân loại nhập khẩu/xuất khẩu: "I": nhập khẩu "E": xuất khẩu	
7.3	Cơ quan Hải quan	Nhập mã cơ quan Hải quan nơi thông báo danh mục miễn thuế	
7.4	Tên người nộp thuế	Tên người nộp thuế	
7.5	Địa chỉ của người nộp thuế	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
7.6	Mã số thuế	Mã số thuế nộp thuế	
7.7	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu	
7.8	Số điện thoại của người nộp thuế	Nhập số điện thoại của người nộp thuế	
7.9	Thời hạn miễn thuế	Nhập thời hạn miễn thuế được quy định (nếu có). Lưu ý:	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		- Thời hạn không được trước ngày khai danh mục. - Trong trường hợp không có thông tin về thời hạn miễn thuế, hệ thống mặc định xuất ra thời hạn miễn thuế là “99/99/9999”.	
7.10	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư.	
7.11	Địa điểm xây dựng dự án	Nhập địa điểm xây dựng dự án đầu tư.	
7.12	Mục tiêu dự án	Nhập mục tiêu của dự án.	
7.13	Mã miễn/Giảm/Không chịu thuế xuất nhập khẩu	Nhập Mã miễn/giảm/không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. (tham khảo bảng mã miễn/giảm/không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)	
7.14	Phạm vi đăng ký DMMT	Nhập phạm vi thông báo DMMT.	
7.15	Ngày dự kiến xuất/nhập khẩu	Nhập ngày dự kiến xuất/nhập khẩu.	
7.16	Giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư số	Nhập số Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.	
7.17	Ngày chứng nhận	Nhập Ngày cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.	
7.18	Cấp bởi	Nhập cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.	
7.19	Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần	Nhập lần cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.	
7.20	Chứng nhận điều chỉnh số	Nhập số Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.	
7.21	Ngày chứng nhận điều chỉnh	Nhập ngày cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh	
7.22	Điều chỉnh bởi	Nhập cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh	
B	Danh sách người xuất khẩu nhập khẩu		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.23	Mã người xuất nhập khẩu	Nhập mã người xuất khẩu/nhập khẩu. (tham khảo bảng mã người xuất khẩu/nhập khẩu trên website Hải quan: www.customs.gov.vn).	
7.24	Tên người xuất nhập khẩu	Nhập tên người xuất nhập khẩu	
7.25	Ghi chú (dành cho người khai)	Nhập nội dung liên quan trong trường hợp nội dung này không phù hợp để nhập vào các ô khác.	
7.26	Cam kết sử dụng đúng mục đích	Nhập nội dung cam kết sử dụng đúng mục đích.	
7.27	Mô tả hàng hóa	Mô tả hàng hóa.	
7.28	Số lượng đăng ký miễn thuế	Nhập số lượng đăng ký miễn thuế. Lưu ý: Có thể nhập đến 02 số thập phân.	
7.29	Đơn vị (của số lượng đăng ký miễn thuế)	Nhập mã đơn vị tính của số lượng. Lưu ý: Phải nhập cùng mã đơn vị tính như chỉ tiêu thông tin “Số lượng đã sử dụng”.	
7.30	Số lượng đã sử dụng	Nhập số lượng đã sử dụng. Lưu ý: Có thể nhập đến 02 số thập phân.	
7.31	Đơn vị (của số lượng đã sử dụng)	Nhập mã đơn vị tính của số lượng đã sử dụng. Lưu ý: Phải nhập cùng mã đơn vị tính như chỉ tiêu thông tin “Số lượng đăng ký miễn thuế”.	
7.32	Trị giá	Nhập trị giá.	
7.33	Trị giá dự kiến	Nhập trị giá dự kiến (nếu có).	
8	Mẫu số 8	Bảng kê chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, dây chuyền	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
8.1	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
8.2	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
8.3	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
8.4	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
8.5	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
8.6	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
8.7	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền		
8.8	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
8.9	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
8.10	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
8.11	Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu theo tờ khai hải quan	
8.12	Danh mục miễn thuế nhập khẩu của tổ hợp, dây chuyền	Nhập số, ngày, cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục miễn thuế	
8.13	Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	Nhập ngày tháng năm dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	
8.14	Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	Nhập ngày tháng năm dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
8.15	Tên hàng hóa nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
8.16	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu	
8.17	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa đề nghị miễn thuế	
8.18	Trị giá/trị giá dự kiến	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá hoặc trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu	
8.19	Tổng	Nhập tổng trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu đối với trường hợp không xác định được trị giá của từng dòng hàng tại điểm 8.18	
9	Mẫu số 9	Thông báo chuyển nhượng dự án	
9.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
9.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
9.3	Cơ quan hải quan nhận công văn	Nhập tên, mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
9.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
9.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
9.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
9.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
9.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
9.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
9.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		
9.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
9.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
9.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
9.14	Lý do miễn thuế	Nhập văn bản quy định việc miễn thuế (ghi rõ điều khoản áp dụng)	
9.15	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận	
9.16	Tên hàng hóa nhập khẩu	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế theo tờ khai hải quan	
9.17	Tờ khai nhập khẩu	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa đã được miễn thuế	
9.18	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã được miễn thuế	
9.19	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế	
	Thông tin về hàng hóa đã được miễn thuế chuyển nhượng		
9.20	Hình thức chuyển nhượng	Chọn một trong hai hình thức:	
		Chuyển nhượng một phần dự án	
		Chuyển nhượng toàn bộ dự án	
9.21	Tên hàng hóa nhập khẩu chuyển nhượng	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế chuyển nhượng	
9.22	Số thứ tự trên danh mục miễn thuế	Số thứ tự trên danh mục miễn thuế	
9.23	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa miễn thuế chuyển nhượng	
9.24	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế chuyển nhượng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về hàng hóa còn lại chưa chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)		
9.25	Tên hàng hóa nhập khẩu còn lại chưa chuyển nhượng	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế còn lại chưa chuyển nhượng	
9.26	Số thứ tự trên danh mục miễn thuế	Số thứ tự trên danh mục miễn thuế	
9.27	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa miễn thuế còn lại sau chuyển nhượng	
9.28	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế còn lại sau chuyển nhượng	
9.29	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa		
9.30	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
9.31	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
9.32	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
9.33	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
9.34	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
9.35	Fax	Nhập số fax của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
9.36	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
	Thông tin về hàng hóa nhận chuyển nhượng		
9.37	Tên hàng hóa nhận chuyển nhượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
9.38	Số thứ tự trên danh mục miễn thuế	Số thứ tự trên danh mục miễn thuế	
9.39	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
9.40	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
9.41	Trị giá/trị giá dự kiến	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá/trị giá dự kiến của từng đồng hàng nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
9.42	Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục miễn thuế có hàng hóa nhận chuyển nhượng	
9.43	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
10	Mẫu số 10	Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế	
10.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
10.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
10.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		
10.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
10.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
10.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
10.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
10.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
10.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
10.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		
10.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
10.12	Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư	Nhập ngày tháng năm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư	
10.13	Thời điểm dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa	Nhập ngày tháng năm dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
10.14	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
10.15	Tên hợp đồng	Nhập tên hợp đồng; số ngày tháng của hợp đồng	
10.16	Tên hàng hóa nhập khẩu miễn thuế	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế nhập khẩu	
10.17	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã được miễn thuế nhập khẩu	
10.18	Tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan nhập khẩu	
	Thông tin về hàng hóa đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế		
10.19	Số lượng	Nhập số lượng hàng hóa	
	Thông tin về hàng hóa đã thay đổi mục đích sử dụng		
10.20	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã thay đổi mục đích miễn thuế	
10.21	Tờ khai hải quan	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa đã thay đổi mục đích miễn thuế	
	Thông tin về hàng hóa đã tiêu hủy		
10.22	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã tiêu hủy	
	Thông tin về hàng hóa tồn kho chưa sử dụng		
10.23	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa còn tồn kho, chưa sử dụng	
	Thông tin về việc hàng hóa nhập khẩu được hạch toán vào tài sản cố định		
10.24	Hạch toán vào tài sản cố định	Chọn một trong hai hình thức sau:	
		Hàng hóa nhập khẩu được hạch toán vào tài sản cố định	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		Hàng hóa nhập khẩu không được hạch toán vào tài sản cố định	
10.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
11	Mẫu số 11	Thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị	
11.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
11.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
11.3	Cơ quan hải quan nhận công văn	Nhập tên, mã cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
11.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
11.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
11.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
11.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
11.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
11.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
11.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế để chế tạo máy móc, thiết bị		
11.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
11.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
11.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
11.14	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục hàng hóa miễn thuế	
11.15	Tên hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập tên hàng hóa theo tờ khai hải quan	
11.16	Tờ khai nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa dùng để chế tạo	
11.17	Đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập đơn vị tính hàng hóa dùng để chế tạo theo tờ khai hải quan	
11.18	Số lượng hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa dùng để chế tạo theo tờ khai hải quan	
11.19	Số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	
11.20	Số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	
11.21	Tên hàng hóa sau chế tạo	Nhập tên hàng hóa sau khi chế tạo	
11.22	Đơn vị tính hàng hóa sau chế tạo	Nhập đơn vị tính của hàng hóa sau khi chế tạo	
11.23	Số lượng hàng hóa sau chế tạo	Nhập số lượng của hàng hóa sau khi chế tạo	
11.24	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
12	Mẫu số 12	Thông báo hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
12.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
12.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
12.3	Cơ quan hải quan nhận công văn	Nhập tên, mã cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
12.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	

STT	Chi tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
12.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
12.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
12.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
12.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
12.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
12.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế để lắp đặt tổ hợp, dây chuyền		
12.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
12.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
12.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
12.14	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục hàng hóa miễn thuế	
12.15	Tên hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập tên hàng hóa theo tờ khai hải quan	
12.16	Tờ khai nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
12.17	Đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập đơn vị tính hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền theo tờ khai hải quan	
12.18	Số lượng hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập số lượng hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền theo tờ khai hải quan	
12.19	Số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	
12.20	Số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt tổ hợp dây chuyền	
12.21	Tên hàng hóa sau lắp đặt	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền sau lắp đặt	
12.22	Đơn vị tính hàng hóa sau lắp đặt	Nhập đơn vị tính của hàng hóa sau lắp đặt	
12.23	Số lượng hàng hóa sau lắp đặt	Nhập số lượng của hàng hóa sau lắp đặt	
12.24	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
13	Mẫu số 13	Công văn đề nghị giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu	
13.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
13.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
13.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền giải quyết giảm thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị giảm thuế		
13.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
13.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
13.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
13.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
13.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
13.9	Fax	Nhập số fax của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
13.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
	Nội dung đề nghị giảm thuế		
13.11	Nội dung đề nghị giảm	Nhập nội dung đề nghị giảm thuế	
13.12	Lý do đề nghị giảm thuế	Nhập lý do đề nghị giảm thuế và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng	
	Thông tin về hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế (có thể nhập nhiều lần)		
13.13	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Nhập tên hàng hóa, quy cách, phẩm chất của hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế theo tên đã khai báo trên tờ khai hải quan	
13.14	Số tờ khai	Nhập số tờ khai hải quan có hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
13.15	Ngày tờ khai	Nhập ngày của tờ khai hải quan có hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
13.16	Lượng hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan	Nhập số lượng hàng hóa nhập khẩu theo số lượng đã khai báo trên tờ khai hải quan đối với hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
13.17	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính của hàng hóa đề nghị giảm thuế theo đơn vị tính đã khai trên tờ khai nhập khẩu	
13.18	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế của hàng hóa đề nghị giảm thuế theo trị giá tính thuế đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu	
13.19	Tỷ lệ tổn thất	Nhập tỷ lệ tổn thất của hàng hóa đề nghị giảm thuế	
13.20	Loại thuế	Nhập loại thuế đề nghị giảm: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
13.21	Số tiền thuế phải nộp	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế tự tính và nhập số tiền thuế phải nộp tương ứng với số hàng hóa đề nghị giảm thuế	
13.22	Số tiền thuế đề nghị giảm	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế tự tính và nhập số tiền thuế đề nghị giảm đối với số hàng hóa bị thiệt hại	
13.23	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế đính kèm hồ sơ giảm thuế theo quy định	
14	Mẫu số 14	Công văn đề nghị không thu thuế	
14.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
14.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
14.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền không thu thuế	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị không thu thuế		
14.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
14.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
14.6	Số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của người nộp thuế	
14.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
14.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
14.9	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế	
14.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế	
14.11	Tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
14.12	Mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
14.13	Địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
14.14	Điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
14.15	Fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
14.16	Email của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ thư điện tử người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
14.17	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
14.18	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày của hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
	Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế		
14.19	Số tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan	
14.20	Ngày tháng năm của tờ khai	Nhập ngày tháng năm đăng ký tờ khai hải quan	
14.21	Nơi đăng ký tờ khai có hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập tên, mã số cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan có hàng hóa đề nghị không thu thuế	
14.22	Tên hàng đề nghị không thu thuế	Nhập mã hàng, tên hàng, mô tả hàng hóa đề nghị không thu thuế	
14.23	Số lượng hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập số lượng hàng hóa đề nghị không thu thuế	
14.24	Trị giá hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập trị giá hàng hóa đề nghị không thu thuế	
14.25	Thực hiện thanh toán qua ngân hàng	Chọn một trong hai chỉ tiêu:	
		Có và nhập số chứng từ thanh toán	
		Không	
14.26	Việc sử dụng, gia công, chế biến	Chọn một trong hai ô sau:	
		Chưa qua sử dụng, gia công, chế biến	
		Đã qua sử dụng, gia công, chế biến	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
14.27	Đối với máy móc, thiết bị	“Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam”: Nhập thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam	
		“Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa”: Nhập tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa	
		“Thực hiện theo hình thức thuế”: Chọn nhập thực hiện theo hình thức thuế:	
		Có	
		Không	
		“Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuế, đi mượn”: Chọn nhập một trong hai ô sau:	
		Có	
		Không	
	Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu thuế (có thể nhập nhiều lần)		
14.28	Thuế xuất khẩu	Nhập số tiền thuế xuất khẩu đề nghị không thu thuế	
14.29	Thuế nhập khẩu	Nhập số tiền thuế nhập khẩu đề nghị không thu thuế	
14.30	Thuế tự vệ	Nhập số tiền thuế tự vệ đề nghị không thu thuế	
14.31	Thuế chống bán phá giá	Nhập số tiền thuế chống bán phá giá đề nghị không thu thuế	
14.32	Thuế chống trợ cấp	Nhập số tiền thuế chống trợ cấp đề nghị không thu thuế	
14.33	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đề nghị không thu thuế	
14.34	Thuế bảo vệ môi trường	Nhập số tiền thuế bảo vệ môi trường đề nghị không thu thuế	
14.35	Thuế giá trị gia tăng	Nhập số tiền thuế giá trị gia tăng đề nghị không thu thuế	
14.36	Tổng cộng	Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế đề nghị không thu của các sắc thuế từ chỉ tiêu 15.28 đến 15.35	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
14.37	Lý do đề nghị không thu thuế	Nhập lý do đề nghị không thu thuế trong đó nêu rõ điều, khoản của văn bản áp dụng	
14.38	Hồ sơ tài liệu kèm theo	Nhập danh sách hồ sơ tài liệu đính kèm	
14.39	Xác nhận của nhân viên đại lý hải quan	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Số Chứng chỉ hành nghề	
14.40	Xác nhận của người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Chức vụ	
15	Mẫu số 15	Công văn đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	
	Thông tin chung		
15.1	Tên cơ quan chủ quản	Nhập tên cơ quan chủ quản	
15.2	Tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan ban hành văn bản	
15.3	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
15.4	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
15.5	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	
	Thông tin đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt		
15.6	Thông tin người nộp thuế đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Nhập tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	
15.7	Thông tin tờ khai hải quan/quyết định ấn định thuế	Nhập số/ngày tờ khai hải quan, tên đơn vị đăng ký tờ khai hải quan hoặc số/ngày quyết định ấn định thuế, tên đơn vị ban hành quyết định ấn định thuế	
15.8	Lý do đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Nhập lý do đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	

STT	Chi tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
15.9	Thuộc trường hợp xóa nợ	Nhập trường hợp xóa nợ	
15.10	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đủ điều kiện xóa nợ	Nhập số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đủ điều kiện xóa nợ	
16	Mẫu số 16	Công văn đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa	
	Thông tin chung		
16.1	Tên cơ quan chủ quản	Nhập tên cơ quan chủ quản	
16.2	Tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan ban hành văn bản	
16.3	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
16.4	Ngày	Hệ thống tự cập nhật ngày phát hành công văn	
16.5	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa	
	Thông tin đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa		
16.6	Thông tin quyết định xóa tiền thuế nợ	Nhập số hiệu và ngày tháng năm quyết định xóa tiền thuế nợ, tên đơn vị ban hành	
16.7	Thông tin tờ khai hải quan/quyết định ấn định thuế	Nhập số/ngày tờ khai hải quan, tên đơn vị đăng ký tờ khai hải quan hoặc số/ngày quyết định ấn định thuế, tên đơn vị ban hành quyết định ấn định thuế	
16.8	Thông tin người nộp thuế được đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa	Nhập tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ	
16.9	Lý do đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa	Lý do đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
16.10	Bảng chi tiết số tiền thuế nợ đã được xóa đề nghị phục hồi	Nhập loại thuế, tiểu mục, số tiền, tổng cộng	
16.11	Hồ sơ đề nghị phục hồi tiền thuế nợ đã được xóa	Nhập chi tiết và liệt kê các hồ sơ	
17	Mẫu số 17	Công văn đề nghị nộp dân tiền thuế nợ	
	Thông tin chung		
17.1	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
17.2	Số công văn	Hệ thống tự cập nhật số công văn	
17.3	Ngày	Hệ thống tự cập nhật ngày phát hành công văn	
17.4	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền giải quyết nộp dân tiền thuế nợ	
	Thông tin đề nghị giải quyết nộp dân tiền thuế nợ		
17.5	Thông tin người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại, số Fax	
17.6	Thông tin số tiền thuế đang nợ quá hạn quá 90 ngày bị cưỡng chế	Nhập số và ngày tháng năm tờ khai có số tiền thuế đang nợ quá hạn quá 90 ngày bị cưỡng chế, nơi đăng ký (cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai), hoặc số hiệu và ngày tháng năm quyết định ấn định thuế (trường hợp nhiều tờ khai thì lập bảng kê đính kèm)	
17.7	Thư bảo lãnh	Nhập rõ số, ngày, tên tổ chức bảo lãnh, số tiền bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh	
17.8	Lý do không có khả năng nộp một lần tiền thuế	Nhập lý do không có khả năng nộp một lần tiền thuế	
17.9	Kế hoạch đăng ký nộp dân tiền thuế nợ, tiền	Nhập cụ thể kế hoạch nộp dân theo từng tháng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	chậm nộp của tiền thuế nợ		
17a	Công văn đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế		
17.1	Số công văn	Hệ thống tự động nhập số công văn	
17.2	Ngày công văn	Hệ thống tự động nhập ngày công văn	
17.3	Cơ quan hải quan nhận đề nghị	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	
17.4	Tên Công ty/cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Nhập tên công ty/cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	
17.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của công ty/chi nhánh công ty	
17.6	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của Công ty (theo địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)/địa chỉ cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
17.7	Địa chỉ liên hệ	Nhập địa chỉ liên hệ của Công ty/cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
17.8	Điện thoại	Nhập số điện thoại liên hệ của Công ty/cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
17.9	Lý do xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	Nhập lý do đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (ghi rõ để giải thể, đóng mã số thuế, mục đích khác).	
17.10	Hồ sơ Công ty gửi kèm	Nhập danh sách hồ sơ đính kèm: (1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (2) Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		(3) Giấy ủy quyền đối với trường hợp Công ty có người được ủy quyền đại diện theo pháp luật (trường hợp xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Chi nhánh Công ty thì hồ sơ phải bao gồm của Công ty và Chi nhánh Công ty)	
17.11	Xác nhận của Công ty/cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Nhập tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Công ty/thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	
18	Mẫu số 18	Công văn yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản	
	Thông tin chung		
18.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
18.2	Số công văn	Hệ thống tự cập nhập số công văn	
18.3	Ngày	Hệ thống tự cập nhật ngày phát hành công văn	
18.4	Nơi nhận	Tên người nộp thuế/Tên tổ chức tín dụng	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản		
	Thông tin của người nộp thuế		
18.5	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
18.6	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
18.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
18.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
18.9	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin nội dung yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản		
18.10	Đề nghị cung cấp các thông tin về tài khoản của người nộp thuế để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản theo quy định	Nhập thông tin yêu cầu là số và ký hiệu các tài khoản mở tại...(Tên tổ chức tín dụng)...; số tiền hiện có (số dư) của các tài khoản tại thời điểm cung cấp thông tin, Các thông tin liên quan khác (nếu có).	
18.11	Cơ quan hải quan quản lý nhận văn bản phúc đáp	Nhập tên, địa chỉ, số điện thoại	
19	Mẫu số 19	Công văn yêu cầu cung cấp thông tin về khoản tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế	
	Thông tin chung		
19.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
19.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	
19.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
19.4	Nơi nhận	Nhập (Tên người nộp thuế/Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập)..., mã số thuế, địa chỉ	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin về khoản tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế		
	Thông tin của người nộp thuế		
19.5	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
19.6	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
19.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
19.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
19.9	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin yêu cầu cung cấp thông tin về khoản tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế		
19.10	Tiền lương và thu nhập	Nhập số tiền lương và thu nhập của người nộp thuế bị hiện cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập. Các thông tin liên quan khác nếu có	
19.11	Cơ quan hải quan quản lý nhận văn bản phúc đáp	Nhập tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ	
20	Mẫu số 20	Công văn đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan	
	Thông tin chung		
20.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
20.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	
20.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
20.4	Nơi nhận	Nhập (tên cơ quan hải quan có thẩm quyền dừng làm thủ tục hải quan, tên người nộp thuế/Tên cơ quan, tổ chức có liên quan)...	
20.5	Thông báo/Quyết định/Văn bản về tiền thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác	Nhập Thông báo/Quyết định/Văn bản về tiền thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác	
	Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan		
	Thông tin của người nộp thuế		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
20.6	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
20.7	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
20.8	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
20.9	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
20.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế (nếu có)	
	Thông tin đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan		
20.11	Số thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác bị cưỡng chế	Nhập số thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác bị cưỡng chế	
20.12	Lý do đề nghị cưỡng chế	Nhập lý do đề nghị cưỡng chế	
20.13	Hồ sơ	Nhập chi tiết và liệt kê đầy đủ hồ sơ (- Thông báo/Quyết định/Văn bản về tiền thuế nợ/nợ tiền phí, lệ phí/nợ khoản thu khác... của...(tên người nộp thuế).... - Tài liệu liên quan khác.)	
20.14	Đầu mối tiếp nhận	Tên cơ quan đề nghị, địa chỉ, số điện thoại	
21	Mẫu số 21	Công văn yêu cầu cung cấp thông tin về tiền, tài sản đang nắm giữ hoặc công nợ phải trả đối với người nộp thuế bị cưỡng chế	
	Thông tin chung		
21.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
21.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	
21.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
21.4	Nơi nhận	Nhập (Tên người nộp thuế/Tên cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập)..., mã số thuế, địa chỉ	
	Thông tin yêu cầu cung cấp thông tin về tiền, tài sản đang nắm giữ hoặc công nợ phải trả đối với người nộp thuế bị cưỡng chế (mẫu mới)		
21.5	Số tiền lương hoặc thu nhập của người nộp thuế	Nhập số tiền lương hoặc thu nhập của người nộp thuế	
21.6	Các thông tin liên quan khác (nếu có).	Nhập các thông tin liên quan khác (nếu có).	
21.7	Tài sản: Yêu cầu cung cấp các thông tin về danh mục các tài sản bên thứ ba đang nắm giữ.	Nhập thông tin về tài sản, yêu cầu cung cấp các thông tin về danh mục các tài sản bên thứ ba đang nắm giữ.	
21.8	Tên tổ chức, cá nhân có khoản nợ đối với người nộp thuế sắp đến hạn phải trả: giá trị, thời hạn.	Nhập tên tổ chức, cá nhân có khoản nợ đối với người nộp thuế sắp đến hạn phải trả: giá trị, thời hạn.	
21.9	Thời hạn cung cấp thông tin	Nhập thời hạn cung cấp thông tin trong vòng... ngày làm việc theo quy định	
21.10	Đầu mối tiếp nhận	Tên cơ quan tiếp nhận, địa chỉ, số điện thoại	
22	Mẫu số 22	Công văn xác minh tài sản	
	Thông tin chung		
22.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
22.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	
22.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
22.4	Nơi nhận	Nhập (Tên người nộp thuế/Tên cơ quan, tổ chức có liên quan)...	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin yêu cầu xác minh tài sản		
22.5	Thông tin người nộp thuế	Tên, mã số thuế, địa chỉ	
22.6	Yêu cầu... (tên người nộp thuế)/(tổ chức, cá nhân)... cung cấp các thông tin về danh mục các tài sản để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản theo quy định	Nhập 1. Loại tài sản, địa chỉ sử dụng/cất trữ hiện nay, tình trạng tài sản (được cầm cố, thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm,...), quyền sở hữu của tài sản (trừ các loại tài sản đã được quy định tại khoản 3, Điều 133 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14). 2. Giá trị tài sản được phản ánh trên sổ sách kế toán của người nộp thuế bị cưỡng chế, kết quả sản xuất kinh doanh của người nộp thuế, hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho, giấy chứng nhận về quyền sở hữu tài sản.	
22.7	Thời hạn phúc đáp	Nhập 05 ngày làm việc	
22.8	Cơ quan nhận văn bản	Cơ quan hải quan quản lý, địa chỉ, số điện thoại	
23	Mẫu số 23	Công văn đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản	
	Thông tin chung		
23.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
23.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	
23.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhập ngày phát hành công văn	
23.4	Nơi nhận	Nhập (UBND cấp xã/ tỉnh nơi có tài sản kê biên)...	
	Thông tin đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
23.5	Tên quyết định hành chính về quản lý thuế	Nhập số ngày ... tháng ... năm ... của	
23.6	Biên bản xác minh tài sản kê biên	Số...ngày giữa...(tên cơ quan thuế)...và ... (tên người nộp thuế bị cưỡng chế).	
23.7	Thông tin người nộp thuế bị cưỡng chế	Nhập tên người nộp thuế bị cưỡng chế)...., địa chỉ..., mã số thuế: để thi hành (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ... ngày ... tháng ... năm ... của	
23.8	Lý do bị cưỡng chế	Nhập lý do bị cưỡng chế	
23.9	Số tiền bị cưỡng chế	Nhập số tiền bị cưỡng chế (chữ và số)	
23.10	Thông tin về tài sản bị cưỡng chế	Nhập thông tin về tài sản bị cưỡng chế, liệt kê	
23.11	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	- (Tên quyết định hành chính về quản lý thuế).... số ngày ... tháng ... năm ... của; - Biên bản xác minh tài sản kê biên số...ngày giữa...(tên cơ quan thuế)...và ... (tên người nộp thuế bị cưỡng chế)... - Hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản của người nộp thuế; - Tài liệu liên quan khác (nếu có).	
23.12	Đầu mối liên hệ	Tên cơ quan hải quan, địa chỉ, số điện thoại	
24	Mẫu số 24	Công văn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
	Thông tin chung		
24.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
24.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
24.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
24.4	Nơi nhận	Nhập tên cơ quan cấp giấy ...)	
	Thông tin đề nghị cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản		
24.5	Thông tin giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số/ngày/đơn vị cấp	
24.6	Thông tin người nộp thuế	Nhập ...(tên người nộp thuế)....., MST:; Địa chỉ...;	
24.7	Lý do đề nghị thu hồi	Nhập lý do đề nghị thu hồi	
24.8	Thời hạn phúc đáp	Nhập 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản	
25	Mẫu số 25	Công văn đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp	
	Thông tin chung		
25.1	Tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	Nhập tên cơ quan cấp trên, tên cơ quan ban hành văn bản	
25.2	Số công văn	Hệ thống tự động cập nhập số công văn	
25.3	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
25.4	Nơi nhận	Nhập (tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp...)	
	Thông tin đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp		
25.5	Văn bản đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp	Nhập số văn bản... ngày ... tháng ... năm ... của...(tên người nộp thuế).....	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
25.6	Tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp	Nhập tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của... (<i>Tên người nộp thuế</i>)....., mã số thuế:, địa chỉ...;	
25.7	Nội dung đề nghị	Nhập nội dung đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp	
25.8	Lý do khôi phục	Nhập lý do khôi phục.	

IV. Chỉ tiêu thông tin khai báo của các chứng từ

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1	Hợp đồng cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí trong đó ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu trong trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa cho hoạt động dầu khí		
1.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
1.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
1.3	Hiệu lực hợp đồng	Thời hạn hiệu lực hợp đồng	
1.4	Tên người mua hàng	Tên, mã số doanh nghiệp (nếu có), địa chỉ người mua hàng	
1.5	Tên người bán hàng	Tên, mã số doanh nghiệp (nếu có), địa chỉ người bán hàng	
1.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
1.7	Giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu	Giá hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu	
1.8	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
1.9	Ghi chú khác	Các ghi chú khác liên quan đến hợp đồng	
1.10	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
1.11	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa	
1.12	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
1.13	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hóa	
1.14	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
1.15	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa	
1.16	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
1.17	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
1.18	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
1.19	Địa điểm giao/nhận hàng	Địa điểm giao/nhận hàng	
1.20	Ghi chú khác	Các ghi chú khác về hàng hóa	

STT	Chi tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
2	Hợp đồng cho thuê tài chính trong trường hợp cho thuê tài chính nhập khẩu hàng hóa cung cấp cho đối tượng được hưởng ưu đãi miễn thuế, trong đó ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu		
2.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
2.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
2.3	Hiệu lực hợp đồng	Thời hạn hiệu lực hợp đồng	
2.4	Tên người cho thuê tài chính	Tên, mã số thuế, địa chỉ người cho thuê tài chính	
2.5	Tên người thuê tài chính	Tên, mã số thuế, địa chỉ người thuê tài chính	
2.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
2.7	Giá hợp đồng cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu	Nhập Giá hợp đồng cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu	
2.8	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
2.9	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
2.10	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
2.11	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
2.12	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
2.13	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
2.14	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa	
2.15	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
2.16	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
2.17	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
2.18	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
2.19	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
3	Chứng từ chuyển nhượng hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế đối với trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế chuyển nhượng cho đối tượng miễn thuế khác, trong đó ghi rõ giá chuyển nhượng hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu		
3.1	Số chứng từ	Số chứng từ	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
3.2	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	
3.3	Người nhận chuyển nhượng	Tên, mã số, địa chỉ người nhận chuyển nhượng	
3.4	Người chuyển nhượng	Tên, mã số, địa chỉ người chuyển nhượng	
3.5	Tổng giá trị chuyển nhượng	Tổng giá trị chuyển nhượng	
3.6	Giá chuyển nhượng không bao gồm thuế nhập khẩu	Giá chuyển nhượng không bao gồm thuế nhập khẩu	
3.7	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
3.8	Thông tin tờ khai nhập khẩu miễn thuế ban đầu	Số/ ngày/ mã loại hình tờ khai nhập khẩu ban đầu	
3.9	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
3.10	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
3.11	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
3.12	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
3.13	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
3.14	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa	
3.15	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
3.16	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
3.17	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
3.18	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
3.19	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
4	Văn bản xác nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với phương tiện vận tải		
4.1	Số xác nhận	Số xác nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ	
4.2	Ngày xác nhận	Ngày xác nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ	
4.3	Tên đơn vị cấp xác nhận	Nhập tên đơn vị cấp xác nhận	
4.4	Nội dung xác nhận	Nhập nội dung xác nhận	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
4.5	Mã số hàng hóa	Mã số hàng hóa	
4.6	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa	
4.7	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
4.8	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
4.9	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
4.10	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
4.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
5	Giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến công tác, làm việc tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên		
5.1	Số giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương	Nhập số giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương	
5.2	Ngày cấp giấy phép hoặc văn bản có giá trị tương đương	Nhập ngày cấp giấy phép hoặc văn bản có giá trị tương đương	
5.3	Cơ quan cấp giấy phép	Nhập tên cơ quan cấp giấy phép	
5.4	Tên người được cấp phép	Nhập tên người được cấp phép	
5.5	Hộ chiếu (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên thị thực rời đối với trường hợp hộ chiếu được cấp thị thực rời)	Nhập số hộ chiếu, thông tin ngày nhập cảnh	
5.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6	Văn bản chứng minh việc chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt thời hạn lao động ở nước ngoài đối với tổ chức, công dân Việt Nam có hoạt động ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên sau khi kết thúc hoạt động trở về nước		
6.1	Số văn bản	Số văn bản	
6.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
6.3	Nội dung văn bản	Nhập nội dung văn bản	
6.4	Tên người được cấp phép	Nhập tên người được cấp phép	
6.5	Hộ chiếu (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên thị thực rời đối với trường hợp hộ chiếu được cấp thị thực rời) hoặc giấy	Nhập số hộ chiếu, thông tin ngày nhập cảnh	
6.6	Nội dung chứng minh	Nhập nội dung chứng minh	
6.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
6.8	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
7	Hộ chiếu (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên thị thực rời đối với trường hợp hộ chiếu được cấp thị thực rời) hoặc giấy tờ thay hộ chiếu còn giá trị (có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu) đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký thường trú tại Việt Nam		
7.1	Số hộ chiếu	Số hộ chiếu	
7.2	Ngày cấp hộ chiếu	ngày cấp hộ chiếu	
7.3	Cơ quan cấp hộ chiếu	Cơ quan cấp hộ chiếu	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.4	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
7.5	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
8	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc miễn thuế đối với tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế		
8.1	Số quyết định	Số quyết định	
8.2	Ngày quyết định	Ngày quyết định	
8.3	Cơ quan ban hành quyết định	Cơ quan ban hành quyết định	
8.4	Tên tài sản di chuyển vượt định mức	Tên tài sản di chuyển vượt định mức	
8.5	Số lượng	Số lượng	
8.6	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
8.7	Trị giá	Trị giá	
8.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
8.9	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
9	Văn bản thỏa thuận biếu tặng trong trường hợp người nhận quà tặng là tổ chức		
9.1	Số văn bản thỏa thuận	Số văn bản thỏa thuận	
9.2	Ngày văn bản thỏa thuận	Ngày văn bản thỏa thuận	
9.3	Người nhận quà	Tên, địa chỉ của người nhận quà	
9.4	Người tặng quà	Tên, địa chỉ của người tặng quà	
9.5	Tên hàng hoá	Nhập Tên hàng hoá	
9.6	Số lượng	Nhập Số lượng	
9.7	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
9.8	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
9.9	Nội dung thỏa thuận	Nhập nội dung thỏa thuận	
9.10	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
9.11	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
10	Văn bản của cơ quan chủ quản cấp trên về việc cho phép tiếp nhận để sử dụng hàng hóa miễn thuế		
10.1	Số văn bản	Số văn bản	
10.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
10.3	Cơ quan ban hành văn bản	Tên cơ quan ban hành văn bản	
10.4	Người tiếp nhận, sử dụng hàng hóa	Nhập tên người tiếp nhận, sử dụng hàng hóa	
10.5	Nội dung văn bản	Nhập nội dung văn bản bao gồm: Tên hàng, số lượng, đơn giá để tính thuế nếu trích từ nguồn Ngân sách nhà nước	
10.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
10.7	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
11	Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc bộ, ngành chủ quản đối với quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện		
11.1	Số văn bản	Số văn bản	
11.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
11.3	Cơ quan ban hành văn bản	Tên cơ quan ban hành văn bản	
11.4	Nội dung văn bản	Nhập nội dung văn bản bao gồm Tên hàng, số lượng	
11.5	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
11.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
12	Thông tin về số định danh cá nhân hoặc Giấy thông hành biên giới (Trường hợp cơ quan hải quan không khai thác được thông tin của người nộp thuế theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, người nộp thuế xuất trình một trong các giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân)		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).		
12.1	Số định danh cá nhân	Nhập số định danh cá nhân	
12.2	Số giấy thông hành biên giới	Số giấy thông hành biên giới	
12.3	Ngày cấp giấy giấy thông hành biên giới	Ngày cấp giấy giấy thông hành biên giới	
12.4	Cơ quan cấp giấy thông hành biên giới	Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy thông hành biên giới	
12.5	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
12.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
13	Văn bản chỉ định giao hàng hóa tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài (Khi làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ đối với hàng hóa quy định, người xuất khẩu tại chỗ phải nộp thêm văn bản này)		
13.1	Số văn bản	Số văn bản	
13.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
13.3	Người chỉ định	Nhập tên, địa chỉ của người chỉ định	
13.4	Người được chỉ định	Nhập tên, mã số thuế, địa chỉ của người được chỉ định	
13.5	Người nhận hàng hóa	Nhập tên, mã số thuế, địa chỉ của người nhận hàng hóa tại Việt Nam	
13.6	Tên hàng hoá	Nhập tên hàng hoá	
13.7	Số lượng	Nhập số lượng	
13.8	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
13.9	Trị giá	Nhập trị giá	
13.10	Số, ngày hợp đồng	Nhập số, ngày hợp đồng	
13.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
13.12	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
14	Văn bản của Ngân hàng Nhà nước cho phép tổ chức được phép nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng phục vụ hoạt động in, đúc tiền		
14.1	Số văn bản	Số văn bản	
14.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
14.3	Cơ quan ban hành	Tên Cơ quan ban hành	
14.4	Tổ chức được phép nhập khẩu	Tên, mã số thuế, địa chỉ của tổ chức được phép nhập khẩu	
14.5	Mã số hàng hóa	Mã số hàng hóa	
14.6	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
14.7	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
14.8	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
14.9	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
14.10	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
14.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
15	Công văn đề nghị miễn thuế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc bộ hoặc cấp tương đương trong đó nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại và trị giá hàng hóa, số tiền đề nghị được miễn thuế		
15.1	Số công văn	Số công văn	
15.2	Ngày công văn	Ngày công văn	
15.3	Tên cơ quan ban hành công văn	Tên cơ quan ban hành công văn	
15.4	Lý do miễn thuế	Nhập nội dung	
15.5	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
15.6	Mã số hàng hóa	Mã số hàng hóa	
15.7	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
15.8	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
15.9	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
15.10	Tiền thuế	Nhập số tiền thuế đề nghị được miễn	
15.11	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
15.12	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
16	Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác		
16.1	Tổ chức, cá nhân xuất, nhập khẩu	Tên, mã số thuế, địa chỉ của tổ chức, số định danh cá nhân xuất, nhập khẩu	
16.2	Văn bản công bố dịch bệnh	Số, ngày, cơ quan ban hành văn bản	
16.3	Tên chương trình, dự án	Tên chương trình, dự án	
16.4	Địa điểm thực hiện chương trình, dự án	Địa điểm thực hiện chương trình, dự án	
16.5	Tên cơ quan hải quan dự kiến làm thủ tục	Tên cơ quan hải quan dự kiến làm thủ tục	
16.6	Thời gian dự kiến xuất, nhập khẩu	Thời gian dự kiến xuất, nhập khẩu	
16.7	Thời gian dự kiến kết thúc việc xuất, nhập khẩu	Thời gian dự kiến kết thúc việc xuất, nhập khẩu	
16.8	Tên hàng hoá, quy cách phẩm chất	Tên hàng hoá, quy cách phẩm chất hàng hóa	
16.9	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
16.10	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
16.11	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
16.12	Số ngày chứng từ liên quan	Số, ngày hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu, vận đơn hoặc chứng từ có liên quan	
16.13	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
16.14	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
17	Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc bộ hoặc cấp tương đương về việc nhập khẩu hàng hóa phục vụ yêu cầu cứu trợ khẩn cấp, trong đó nêu rõ tình hình thiệt hại do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh gây ra trên địa bàn;		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
17.1	Số văn bản	Số văn bản	
17.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
17.3	Cơ quan ban hành văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	
17.4	Nội dung xác nhận	Nội dung xác nhận	
17.5	Mức độ thiệt hại	Mức độ thiệt hại	
17.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
17.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
18	Danh mục hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ cứu trợ khẩn cấp		
18.1	Tổ chức, cá nhân xuất, nhập khẩu	Tên, mã số thuế, địa chỉ của tổ chức, số định danh cá nhân xuất, nhập khẩu	
18.2	Tên chương trình, dự án	Tên chương trình, dự án (nếu có)	
18.3	Địa điểm thực hiện chương trình, dự án	Địa điểm thực hiện chương trình, dự án (nếu có)	
18.4	Mã số hàng hóa	Mã số hàng hóa	
18.5	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
18.6	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
18.7	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
18.8	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
18.9	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
18.10	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
19	Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản động vật hoang dã do cơ quan Kiểm lâm địa phương hoặc cơ quan do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định cấp		
19.1	Số giấy chứng nhận	Số giấy chứng nhận	
19.2	Ngày chứng nhận	Ngày cấp chứng nhận	
19.3	Cơ quan chứng nhận	Tên cơ quan chứng nhận	
19.4	Người được chứng nhận	Họ và tên, mã số thuế hoặc mã định danh, địa chỉ của người được chứng nhận	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
19.5	Nội dung chứng nhận	Nhập nội dung chứng nhận	
19.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác về hàng hóa	
19.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
20	Giấy xác nhận số lượng trần được giết mổ có nguồn gốc từ gây nuôi sinh sản do cơ quan Kiểm lâm địa phương xác nhận mỗi lần làm thủ tục xuất khẩu		
20.1	Số giấy xác nhận	Số giấy xác nhận	
20.2	Ngày xác nhận	Ngày ký xác nhận	
20.3	Cơ quan xác nhận	Cơ quan xác nhận	
20.4	Số lượng trần được giết mổ	Nhập số lượng trần được giết mổ	
20.5	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
20.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
21	Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng		
21.1	Số ngày tờ khai...	Số ngày tờ khai	
21.2	Mã loại hình tờ khai	Mã loại hình tờ khai	
21.3	Số hợp đồng	Số hợp đồng mua bán/chuyển nhượng	
21.4	Ngày hợp đồng	Ngày hợp đồng mua bán/chuyển nhượng	
21.5	Thông tin về hàng hóa	Thông tin về hàng hóa tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng đã hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng	
21.6	Thông tin về việc tiêu hủy	Văn bản hoặc xác nhận của tổ chức, cơ quan có liên quan về việc tiêu hủy	
21.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
22	Văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa		
22.1	Số văn bản	Số văn bản	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
22.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
22.3	Cơ quan xác nhận	Tên cơ quan xác nhận	
22.4	Tổ chức, cá nhân được xác nhận	Tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân tổ chức, cá nhân được xác nhận	
22.5	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa	
22.6	Số lượng	Số lượng	
22.7	Đơn vị tính	Đơn vị tính	
22.8	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
22.9	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
23	Quyết định miễn thuế của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp nhập khẩu hàng hóa quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP		
23.1	Số quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Số quyết định của Thủ tướng Chính phủ	
23.2	Ngày quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ngày quyết định của Thủ tướng Chính phủ	
23.3	Số Điều ước quốc tế/thỏa thuận	Số Điều ước quốc tế/thỏa thuận	
23.4	Ngày Điều ước quốc tế/thỏa thuận	Ngày Điều ước quốc tế/thỏa thuận	
23.5	Tổ chức, cá nhân được miễn thuế	Tổ chức, cá nhân được miễn thuế	
23.6	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa	
23.7	Số lượng	Số lượng	
23.8	Đơn vị tính	Đơn vị tính	
23.9	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
23.10	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
23.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
24	Bảng kê khai thông tin, nội dung miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
24.1	Tên tổ chức, cá nhân	Tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh của tổ chức cá nhân	
24.2	Tên dự án đầu tư/cơ sở	Tên dự án đầu tư/cơ sở	
24.3	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
24.4	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
24.5	Khối lượng chất thải đầu vào (kg)	Khối lượng chất thải đầu vào (kg)	
24.6	Khối lượng sản phẩm sau tái chế, xử lý có trong sản phẩm xuất khẩu đề nghị miễn thuế (kg)	Khối lượng sản phẩm sau tái chế, xử lý có trong sản phẩm xuất khẩu đề nghị miễn thuế (kg)	
24.7	Khối lượng phụ gia, nguyên liệu khác có trong sản phẩm miễn thuế đề nghị miễn thuế (kg)	Khối lượng phụ gia, nguyên liệu khác có trong sản phẩm miễn thuế đề nghị miễn thuế (kg)	
24.8	Khối lượng sản phẩm xuất khẩu (kg)	Khối lượng sản phẩm xuất khẩu (kg)	
24.9	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
24.10	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chi tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
25	Giấy phép môi trường (GPMT) hoặc GPMT thành phần		
25.1	Cơ quan cấp phép	Tên cơ quan cấp phép	
25.2	Số Giấy phép	Số Giấy phép	
25.3	Ngày cấp phép	Ngày cấp phép	
25.4	Tên tổ chức/cá nhân được cấp phép	Tên của tổ chức, cá nhân được cấp phép	
25.5	Địa chỉ	Ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với cá nhân ghi theo hộ khẩu thường trú/căn cước công dân	
25.6	Tên dự án đầu tư/cơ sở thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường	Tên dự án đầu tư/cơ sở thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường	
25.7	Địa điểm hoạt động	Địa điểm hoạt động	
25.8	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư	
25.9	Mã số thuế	Mã số thuế/Mã định danh đối với cá nhân	
25.10	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	Nhập thông tin về loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	
25.11	Thời hạn của giấy phép	Thời hạn của giấy phép	
25.12	Nội dung cấp phép môi trường	Nhập nội dung cấp phép liên quan đến nội dung được phép xử lý chất thải nguy hại	
25.13	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
25.14	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
26	Hợp đồng chứng minh điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa		
26.1	Số hợp đồng	Số hợp đồng	
26.2	Ngày hợp đồng	Ngày hợp đồng	
26.3	Các bên tham gia hợp đồng	Tên, địa chỉ các bên tham gia hợp đồng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
26.4	Tên hàng hóa, chủng loại hàng hóa	Tên hàng hóa, chủng loại hàng hóa	
26.5	Số lượng hàng hóa	Số lượng hàng hóa	
26.6	Nội dung hợp đồng thể hiện điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Nhập thông tin về nội dung điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
26.7	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
26.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
27	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
27.1	Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư	
27.2	Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư	
27.3	Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư	
27.4	Tên dự án đầu tư	Tên dự án đầu tư	
27.5	Nhà đầu tư	Nhà đầu tư	
27.6	Mã số dự án đầu tư	Mã số dự án đầu tư	
27.7	Địa điểm thực hiện dự án đầu tư,	Địa điểm thực hiện dự án đầu tư,	
27.8	Diện tích đất sử dụng	Diện tích đất sử dụng	
27.9	Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư	Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư	
27.10	Vốn đầu tư của dự án đầu tư (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động)	Vốn đầu tư của dự án đầu tư (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
27.11	Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	
27.12	Tiến độ thực hiện dự án đầu tư	Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn/Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư, trường hợp dự án đầu tư chia thành từng giai đoạn thì phải quy định tiến độ thực hiện từng giai đoạn	
27.13	Hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có)	Hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có)	
27.14	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
27.15	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
28	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư		
28.1	Số văn bản	Số văn bản	
28.2	Ngày văn bản	Cấp lần đầu ngày, điều chỉnh lần thứ ..., ngày ...	
28.3	Cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư	Cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư	
28.4	Tên dự án	Tên dự án	
28.5	Mục tiêu dự án	Mục tiêu dự án	
28.6	Quy mô dự án	Quy mô dự án	
28.7	Vốn đầu tư của dự án	Vốn đầu tư của dự án	
28.8	Thời hạn hoạt động của dự án	Thời hạn hoạt động của dự án	
28.9	Địa điểm thực hiện dự án	Địa điểm thực hiện dự án	
28.10	Tiến độ thực hiện dự án	Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn/Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư, trường hợp dự án đầu tư chia thành từng giai đoạn thì phải quy định tiến độ thực hiện từng giai đoạn	
28.11	Công nghệ áp dụng	Công nghệ áp dụng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
28.12	Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng	Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng	
28.13	Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư	Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư	
28.14	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
28.15	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
29	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
29.1	Cơ quan cấp giấy	Cơ quan cấp giấy	
29.2	Tên doanh nghiệp	Tên bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài	
29.3	Mã số doanh nghiệp	Nhập mã số doanh nghiệp	
29.4	Địa chỉ trụ sở chính	Nhập địa chỉ trụ sở chính	
29.5	Số điện thoại	Nhập số điện thoại	
29.6	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ, mệnh giá cổ phần	
29.7	Họ và tên người đại diện theo pháp luật	Nhập họ và tên người đại diện theo pháp luật	
29.8	Số quốc tịch	Nhập số quốc tịch	
29.9	Số giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật	Số căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp/ Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	
29.10	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
29.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
30	Bảng kê khai thông tin, nội dung miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường		
30.1	Tên tổ chức cá nhân	Tên tổ chức cá nhân	
30.2	Tên dự án đầu tư/cơ sở	Tên dự án đầu tư/cơ sở	
30.3	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
30.4	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành/ Báo cáo của nhà đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.	
30.5	Tên hàng hóa	Máy móc, thiết bị phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường	
30.6	Mã HS	Mã HS	
30.7	Đơn vị tính	Đơn vị tính	
30.8	Số lượng	Số lượng	
30.9	Trị giá	Trị giá	
30.10	Mục đích sử dụng	Mục đích sử dụng	
30.11	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
30.12	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
31	Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.		
31.1	Số báo cáo	Số báo cáo	
31.2	Ngày báo cáo	Ngày báo cáo	
31.3	Đơn vị lập báo cáo	Tên đơn vị lập báo cáo	
31.4	Đơn vị phê duyệt báo cáo	Tên đơn vị phê duyệt báo cáo	
31.5	Mục tiêu	Mục tiêu dự án	
31.6	Phạm vi	Phạm vi dự án	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
31.7	Quy mô	Quy mô dự án	
31.8	Tổng mức vốn dự kiến	Tổng mức vốn dự kiến	
31.9	Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	
31.10	Tiến độ thực hiện dự án đầu tư	Tiến độ thực hiện dự án đầu tư	
31.11	Tổ chức quản lý dự án	Tên tổ chức quản lý dự án	
31.12	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa	
31.13	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
31.14	Đơn vị tính	Đơn vị tính	
31.15	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
31.16	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
32	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
32.1	Số Quyết định	Số báo cáo	
32.2	Ngày quyết định	Ngày báo cáo	
32.3	Đơn vị phê duyệt quyết định	Tên đơn vị phê duyệt báo cáo	
32.4	Đơn vị thực hiện dự án	Tên đơn vị thực hiện dự án	
32.5	Tên dự án	Tên dự án cần đánh giá tác động môi trường	
32.6	Địa điểm	Địa điểm thực hiện dự án	
32.7	Mục tiêu	Mục tiêu dự án	
32.8	Phạm vi	Phạm vi dự án	
32.9	Quy mô	Quy mô dự án	
32.10	Hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	Hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	
32.11	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
32.12	Số lượng	Số lượng hàng hóa dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường	
32.13	Đơn vị tính	Đơn vị tính	
32.14	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
32.15	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
33	Hợp đồng mua bán hàng hóa (trong đó có danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường) phục vụ triển khai dự án, cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung và dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.		
33.1	Số hợp đồng	Số hợp đồng	
33.2	Ngày hợp đồng	Ngày hợp đồng	
33.3	Các bên tham gia hợp đồng	Tên, mã số thuế, địa chỉ các bên tham gia hợp đồng	
33.4	Tên hàng hóa, chủng loại hàng hóa	Tên hàng hóa, chủng loại hàng hóa	
33.5	Số lượng hàng hóa	Số lượng hàng hóa	
33.6	Đơn vị tính	Đơn vị tính	
33.7	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
33.8	Nguyên tệ	Nguyên tệ trị giá hàng hóa	
33.9	Nội dung hợp đồng	Nhập thông tin thể hiện danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường	
33.10	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
33.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
34	Giấy chứng nhận hoặc công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã được cấp Giấy chứng nhận theo		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	quy định của pháp luật về công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển		
34.1	Số giấy chứng nhận	Số giấy chứng nhận	
34.2	Ngày chứng nhận	Ngày cấp chứng nhận	
34.3	Cơ quan chứng nhận	Tên cơ quan chứng nhận	
34.4	Doanh nghiệp được chứng nhận	Tên doanh nghiệp, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, số điện thoại	
34.5	Nội dung chứng nhận	Nhập nội dung chứng nhận	
34.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác về hàng hóa	
34.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
35	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế		
35.1	Số giấy chứng nhận	Số giấy chứng nhận	
35.2	Ngày chứng nhận	Ngày cấp chứng nhận	
35.3	Cơ quan chứng nhận	Tên cơ quan chứng nhận	
35.4	Doanh nghiệp được chứng nhận	Tên doanh nghiệp, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, số điện thoại	
35.5	Nội dung chứng nhận	Nhập nội dung chứng nhận	
35.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác về hàng hóa	
35.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
36	Hợp đồng dầu khí		
36.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
36.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
36.3	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
36.4	Tên người mua	Tên, mã số thuế, địa chỉ người mua	
36.5	Tên người bán	Tên, địa chỉ người xuất khẩu bán	
36.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
36.7	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
36.8	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
36.9	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
36.10	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
36.11	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
36.12	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
36.13	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
36.14	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
36.15	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
36.16	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa	
36.17	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
36.18	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
37	Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động đầu khi		
37.1	Số quyết định	Số quyết định	
37.2	Ngày quyết định	Ngày quyết định	
37.3	Tên cơ quan ban hành	Nhập tên cơ quan ban hành quyết định	
37.4	Nội dung quyết định	Nhập nội dung quyết định bao gồm: Tên hàng, số lượng, đơn vị tính, trị giá (nếu có)	
37.5	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
37.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
38	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình công tác năm và ngân sách hàng năm		
38.1	Số văn bản	Số văn bản	
38.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
38.3	Cơ quan ban hành văn bản	Cơ quan ban hành văn bản	
38.4	Nội dung phê duyệt	Nhập nội dung phê duyệt	
38.5	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
38.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
39	Hợp đồng đóng tàu		
39.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
39.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
39.3	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
39.4	Tên người mua	Tên, mã số thuế, địa chỉ người mua	
39.5	Tên người bán	Tên, địa chỉ người xuất khẩu bán	
39.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
39.7	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
39.8	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
39.9	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
39.10	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
39.11	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
39.12	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
39.13	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
39.14	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
39.15	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
39.16	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa	
39.17	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
39.18	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
40	Hợp đồng xuất khẩu tàu biển		
40.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
40.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
40.3	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
40.4	Tên người nhập khẩu	Tên, mã số thuế, địa chỉ người nhập khẩu	
40.5	Tên người xuất khẩu	Tên, địa chỉ người xuất khẩu	
40.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
40.7	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
40.8	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
40.9	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
40.10	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
40.11	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
40.12	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
40.13	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
40.14	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
40.15	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
40.16	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa	
40.17	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
40.18	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
41	Hợp đồng thuê chế tạo máy móc, thiết bị hoặc chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị		
41.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
41.2	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
41.3	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
41.4	Tên người thuê hàng hóa	Tên, địa chỉ người thuê hàng hóa	
41.5	Tên người cho thuê hàng hóa	Tên, địa chỉ người cho thuê hàng hóa	
41.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
41.7	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
41.8	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
41.9	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
41.10	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
41.11	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
41.12	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa	
41.13	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
41.14	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hóa	
41.15	Trị giá thuê	Trị giá thuê hàng hóa	
41.16	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa được cấp phép (nếu có)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
41.17	Ghi chú khác	Các ghi chú khác liên quan đến hợp đồng	
41.18	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
42	Hợp đồng bảo hiểm		
42.1	Số hợp đồng	Số hợp đồng	
42.2	Ngày hợp đồng	Ngày hợp đồng	
42.3	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
42.4	Người mua bảo hiểm	Tên, mã số thuế, địa chỉ người mua bảo hiểm	
42.5	Người bán bảo hiểm	Tên, mã số thuế, địa chỉ người bán bảo hiểm	
42.6	Giá trị hợp đồng bảo hiểm	Giá trị hợp đồng bảo hiểm	
42.7	Hợp đồng bảo hiểm không bao gồm nội dung bồi thường về thuế	nhập không bao gồm nội dung bồi thường về thuế đối với trường hợp hợp đồng bảo hiểm quy định	
42.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
42.9	Ghi chú khác	ghi chú khác	
43	Thông báo trả tiền bồi thường của tổ chức nhận bảo hiểm		
43.1	Số thông báo	số văn bản thông báo của cơ quan bảo hiểm về trả tiền bồi thường	
43.2	Ngày thông báo	Ngày văn bản thông báo của cơ quan bảo hiểm về trả tiền bồi thường	
43.3	Người thông báo	Tên, mã số thuế, địa chỉ của cơ quan bảo hiểm thông báo của cơ quan bảo hiểm về trả tiền bồi thường	
43.4	Số tiền bồi thường	Nhập số tiền bồi thường	
43.5	Tỷ lệ tổn thất	Tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa	
43.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
43.7	Ghi chú khác	ghi chú khác	
44	Xác nhận của tổ chức bảo hiểm về việc hợp đồng không bao gồm nội dung bồi thường về thuế		
44.1	Số xác nhận	số xác nhận của tổ chức bảo hiểm	
44.2	Ngày xác nhận	ngày xác nhận của tổ chức bảo hiểm	
44.3	Người xác nhận	Tên, mã số thuế, địa chỉ của cơ quan bảo hiểm	
44.4	Hợp đồng bảo hiểm không bao gồm nội dung bồi thường về thuế nhập hợp đồng bảo hiểm không bao gồm nội dung bồi thường về thuế	Nhập nội dung xác nhận	
44.5	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
44.6	Ghi chú khác	ghi chú khác	
45	Hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận đền bù của hãng vận tải		
45.1	Số hợp đồng hoặc số biên bản thỏa thuận	Số hợp đồng hoặc số biên bản thỏa thuận	
45.2	Ngày hợp đồng hoặc ngày biên bản thỏa thuận	Ngày hợp đồng hoặc ngày biên bản thỏa thuận	
45.3	Tên người đền bù	Tên, địa chỉ hãng vận tải đền bù do hãng vận tải gây ra tổn thất	
45.4	Tên người được đền bù	Tên, địa chỉ người được đền bù	
45.5	Số tiền đền bù	Số tiền đền bù	
45.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
45.7	Ghi chú khác	ghi chú khác	
46	Văn bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại		
46.1	Tổ chức được xác nhận	Tên, Mã số thuế, địa chỉ của tổ chức được xác nhận	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
46.2	Số văn bản xác nhận	Số văn bản xác nhận	
46.3	Ngày văn bản xác nhận	Ngày xác nhận	
46.4	Cơ quan xác nhận	Cơ quan xác nhận	
46.5	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
46.6	Ghi chú khác	Ghi chú khác ghi trên văn bản xác nhận	
47	Biên bản xác nhận vụ cháy của cơ quan công an có thẩm quyền		
47.1	Số biên bản	Số biên bản	
47.2	Thời gian lập biên bản	Thời gian lập biên bản (ví dụ 14h00)	
47.3	Ngày biên bản	Ngày biên bản	
47.4	Người được xác nhận	Tên, mã số thuế, người được xác nhận	
47.5	Cơ quan công an có thẩm quyền	Tên cơ quan công an có thẩm quyền nơi xảy ra vụ cháy	
47.6	Người chứng kiến (nếu có)	Tên, chức vụ, cơ quan của người chứng kiến	
47.7	Nội dung biên bản	Nội dung biên bản	
47.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
47.9	Ghi chú khác	Ghi chú khác	
48	Giấy chứng nhận giám định của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát hoặc tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa		
48.1	Số Giấy chứng nhận giám định	Số Giấy chứng nhận giám định	
48.2	Ngày chứng nhận giám định	ngày chứng nhận giám định do thương nhân kinh doanh giám định phát hành	
48.3	Tên thương nhân kinh doanh giám định	Tên, mã số thuế, địa chỉ của thương nhân kinh doanh giám định	
48.4	Người được giám định	Tên, mã số thuế, địa chỉ của chủ sở hữu hàng hóa được giám định	
48.5	Tên hàng bị tổn thất	Tên hàng bị tổn thất	
48.6	Số lượng tổn thất	Số lượng hàng hóa bị tổn thất	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
48.7	Tỷ lệ tổn thất	Tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa	
48.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
49	Hóa đơn thương mại	Áp dụng cả với chứng từ có giá trị tương đương hóa đơn thương mại	
	Thông tin chung		
49.1	Mã người phát hành hóa đơn	Mã số của người khai hải quan	
49.2	Tên người phát hành hóa đơn	Tên, địa chỉ người khai hải quan	
49.3	Mã người mua hàng	Mã số của người mua hàng	
49.4	Tên người mua hàng	Tên, địa chỉ người mua hàng	
49.5	Mã phân loại hình thức hóa đơn	1: Hóa đơn thương mại	
49.6		2: Chứng từ thay thế hóa đơn	
49.7		3: Bản kê hóa đơn	
49.8	Số hóa đơn thương mại	Số hóa đơn thương mại hoặc số của Chứng từ thay thế hóa đơn hoặc số của Bản kê hóa đơn	
49.9	Ngày phát hành hoá đơn thương mại	Ngày phát hành hóa đơn thương mại hoặc ngày phát hành của Chứng từ thay thế hóa đơn hoặc ngày phát hành của Bản kê hóa đơn	
49.10	Tổng trị giá hóa đơn	Tổng trị giá của hóa đơn hoặc chứng từ thay thế hóa đơn	
49.11	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
49.12	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
49.13	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối	
49.14	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
49.15	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng theo tập quán thương mại quốc tế	
49.16	Ghi chú khác	Các ghi chú khác liên quan đến hóa đơn thương mại	
	<i>Thông tin chi tiết</i>		
49.17	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa	
49.18	Tên hàng hoá	Tên hàng hóa.	
49.19	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
49.20	Đơn vị tính	Đơn vị tính của số lượng hàng hóa	
49.21	Đơn giá	Đơn giá của hàng hóa	
49.22	Tổng trị giá	Tổng trị giá của dòng hàng	
49.23	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa được cấp phép	
50	Chứng từ thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu		
50.1	Số chứng từ	Nhập Số chứng từ	
50.2	Ngày chứng từ	Nhập Ngày chứng từ	
50.3	Tên ngân hàng tại Việt Nam thực hiện giao dịch	Nhập tên ngân hàng tại Việt Nam thực hiện giao dịch	
50.4	Người nhận thanh toán	Nhập tên người nhận thanh toán	
50.5	Địa chỉ người nhận thanh toán	Nhập địa chỉ người nhận thanh toán	
50.6	Người thanh toán	Nhập tên người thanh toán	
50.7	Địa chỉ người thanh toán	Nhập địa chỉ người thanh toán	
50.8	Số tiền thanh toán	Nhập số tiền thanh toán	
50.9	Đồng tiền thanh toán	Nhập mã nguyên tệ đồng tiền thanh toán	
50.10	Nội dung thanh toán	Nhập chi tiết nội dung thanh toán cho hợp đồng, hóa đơn thương mại	
50.11	Số hợp đồng/invoice thanh toán	Nhập số hợp đồng /invoice thanh toán	
50.12	Ngày hợp đồng/invoice thanh toán	Nhập Ngày hợp đồng /invoice thanh toán	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
50.13	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
50.14	Thông điệp dữ liệu	Nhập Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
51	Hợp đồng xuất khẩu		
	<i>Thông tin chung</i>		
51.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
51.2	Ngày hợp đồng	Nhập ngày ký hợp đồng	
51.3	Hiệu lực hợp đồng	Nhập ngày hiệu lực hợp đồng	
51.4	Tên người bán hàng	Nhập tên người bán hàng	
51.5	Mã số thuế người bán hàng	Nhập mã số thuế người bán hàng	
51.6	Địa chỉ người bán hàng	Nhập địa chỉ người bán hàng	
51.7	Tên người mua hàng	Nhập tên người mua hàng	
51.8	Mã số thuế người mua hàng	Nhập mã số thuế người mua hàng	
51.9	Địa chỉ người mua hàng	Nhập địa chỉ người mua hàng	
51.10	Tổng giá trị hợp đồng	Nhập tổng giá trị của hợp đồng	
51.11	Đồng tiền thanh toán	Nhập mã nguyên tệ thanh toán của hợp đồng	
51.12	Điều kiện thanh toán	Nhập điều kiện thanh toán	
51.13	Phương thức thanh toán	Nhập phương thức thanh toán	
51.14	Điều kiện giao hàng	Nhập điều kiện giao hàng	
51.15	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
51.16	Thông điệp dữ liệu	Nhập địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
	<i>Thông tin chi tiết</i>		
51.17	Mã số hàng hóa	Nhập mã HS của hàng hóa (nếu có)	
51.18	Tên hàng hoá	Nhập tên hàng hóa	
51.19	Số lượng	Nhập số lượng của hàng hóa	
51.20	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính của hàng hóa	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
51.21	Đơn giá	Nhập đơn giá của hàng hóa	
51.22	Trị giá	Nhập trị giá của hàng hóa	
51.23	Nguyên tệ	Nhập mã nguyên tệ của đơn giá/trị giá hàng hóa	
51.24	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
52	Hợp đồng nhập khẩu		
	<i>Thông tin chung</i>		
52.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
52.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	
52.3	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
52.4	Tên người nhập khẩu	Tên, mã số thuế, địa chỉ người nhập khẩu	
52.5	Tên người xuất khẩu	Tên, địa chỉ người xuất khẩu	
52.6	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
52.7	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
52.8	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán	
52.9	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
52.10	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
	<i>Thông tin chi tiết</i>		
52.11	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
52.12	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
52.13	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
52.14	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
52.15	Đơn giá	Đơn giá hàng hóa	
52.16	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
52.17	Nguyên tệ	Nguyên tệ của trị giá hàng hóa được cấp phép (nếu có)	
52.18	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
52.19	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
53	Văn bản thỏa thuận với khách hàng nước ngoài về việc nhận lại hàng hóa		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
53.1	Số văn bản	Số văn bản	
53.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
53.3	Tên khách hàng nước ngoài	Tên khách hàng nước ngoài	
53.4	Địa chỉ khách hàng nước ngoài	Địa chỉ khách hàng nước ngoài	
53.5	Tên người bán trong nước	Tên người bán trong nước	
53.6	Địa chỉ người bán trong nước	Địa chỉ người bán trong nước	
53.7	Số Hợp đồng (nếu có)	Số Hợp đồng (nếu có)	
53.8	Ngày hợp đồng (nếu có)	Ngày hợp đồng (nếu có)	
53.9	Số Hóa đơn thương mại (nếu có)	Số Hóa đơn thương mại (nếu có)	
53.10	Ngày Hóa đơn thương mại (nếu có)	Ngày Hóa đơn thương mại (nếu có)	
53.11	Tờ khai xuất khẩu	Số, ngày tờ khai xuất khẩu	
53.12	Tên mặt hàng trả lại	Tên mặt hàng trả lại	
53.13	Số lượng hàng trả lại	Số lượng hàng trả lại	
53.14	Lý do trả lại hàng	Lý do trả lại hàng	
54	Thông báo của khách hàng nước ngoài về việc từ chối nhận hàng		
54.1	Số văn bản	Số văn bản	
54.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản	
54.3	Tên khách hàng nước ngoài	Tên khách hàng nước ngoài	
54.4	Địa chỉ khách hàng nước ngoài	Địa chỉ khách hàng nước ngoài	
54.5	Tên người bán trong nước	Tên người bán trong nước	
54.6	Địa chỉ người bán trong nước	Địa chỉ người bán trong nước	
54.7	Số Hợp đồng (nếu có)	Số Hợp đồng (nếu có)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
54.8	Ngày hợp đồng (nếu có)	Ngày hợp đồng (nếu có)	
54.9	Số Hóa đơn thương mại (nếu có)	Số Hóa đơn thương mại (nếu có)	
54.10	Ngày Hóa đơn thương mại (nếu có)	Ngày Hóa đơn thương mại (nếu có)	
54.11	Tờ khai xuất khẩu	Số, ngày tờ khai xuất khẩu	
54.12	Tên mặt hàng trả lại	Tên mặt hàng trả lại	
54.13	Số lượng hàng trả lại	Số lượng hàng trả lại	
54.14	Lý do từ chối nhận hàng	Lý do từ chối nhận hàng	
55	Văn bản thông báo của hãng vận tải về việc không có người nhận hàng có nêu rõ lý do, số lượng, chủng loại hàng hóa trả lại đối với trường hợp hàng hóa do khách hàng trả lại		
55.1	Tên người gửi hàng	Tên người gửi hàng	
55.2	Địa chỉ người gửi hàng	Địa chỉ người gửi hàng	
55.3	Tên người nhận hàng,	Tên người nhận hàng,	
55.4	Địa chỉ người nhận hàng,	Địa chỉ người nhận hàng,	
55.5	Số vận đơn gốc	Số vận đơn gốc	
55.6	Tên phương tiện	Tên phương tiện	
55.7	Ngày cập cảng/điểm đến.	Ngày cập cảng/điểm đến.	
55.8	Số lượng hàng hóa	Số lượng hàng hóa	
55.9	Tên hãng hóa	Tên hàng hóa	
55.10	Tình trạng hàng hóa	Nhập tình trạng hàng hóa	
55.11	Lý do	Nêu cụ thể lý do tại sao hàng hóa không thể giao (ví dụ: không có người nhận, người nhận từ chối nhận hàng, địa chỉ không chính xác, hàng hóa bị hư hỏng).	
56	Văn bản thỏa thuận trả lại hàng hóa		
56.1	Số văn bản	Số văn bản thỏa thuận	
56.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản thỏa thuận	
56.3	Người trả hàng	Tên, địa chỉ của người trả lại hàng hóa	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
56.4	Người nhận hàng	Tên, địa chỉ của người nhận lại hàng hóa	
56.5	Lý do	Lý do trả lại hàng hóa	
56.6	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
56.7	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
57	Chứng từ thanh toán của các hãng tàu biển nước ngoài		
57.1	Số chứng từ	Số chứng từ	
57.2	Ngày chứng từ	Ngày chứng từ	
57.3	Người nhận thanh toán	Tên, địa chỉ người nhận thanh toán	
57.4	Người thanh toán	Tên, địa chỉ người thanh toán	
57.5	Số tiền thanh toán	Số tiền thanh toán	
57.6	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
57.7	Nội dung thanh toán	Chi tiết nội dung thanh toán cho hợp đồng, hóa đơn thương mại	
57.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
57.9	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
58	Báo cáo tính thuế nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu		
58.1	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
58.2	Mã số thuế	Nhập mã số thuế	
58.3	Số Hợp đồng nhập khẩu	Nhập số Hợp đồng nhập khẩu	
58.4	Ngày Hợp đồng nhập khẩu	Nhập ngày Hợp đồng nhập khẩu	
58.5	Số Hợp đồng xuất khẩu	Nhập số Hợp đồng xuất khẩu	
58.6	Ngày Hợp đồng xuất khẩu	Nhập ngày Hợp đồng xuất khẩu	
	<i>Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)</i>		
58.7	Số tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
58.8	Ngày tờ khai hải quan	Nhập ngày tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.9	Tên nguyên liệu, vật tư theo tờ khai hải quan	Nhập tên nguyên liệu, vật tư theo tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.10	Số thứ tự dòng hàng	Số thứ tự dòng hàng nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.11	Lượng	Nhập lượng nguyên liệu, vật tư theo tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.12	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính của lượng nguyên liệu, vật tư theo tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.13	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế của nguyên liệu, vật tư theo tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.14	Thuế suất thuế NK	Nhập thuế suất thuế NK của nguyên liệu, vật tư theo tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
58.15	Số tiền thuế NK phải nộp	Nhập số tiền thuế NK phải nộp của nguyên liệu, vật tư theo tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện (NL, VT, LK)	
	<i>Tờ khai xuất khẩu sản phẩm</i>		
58.16	Số tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai xuất khẩu sản phẩm	
58.17	Ngày tờ khai hải quan	Nhập ngày tờ khai xuất khẩu sản phẩm	
58.18	Tên sản phẩm theo tờ khai hải quan	Nhập tên sản phẩm theo tờ khai xuất khẩu sản phẩm	
58.19	Lượng	Nhập lượng sản phẩm theo tờ khai xuất khẩu sản phẩm	
58.20	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính của lượng sản phẩm theo tờ khai xuất khẩu sản phẩm	
58.21	Mã nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập kho	Nhập mã nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập kho	
58.22	Mã sản phẩm xuất khẩu	Nhập mã sản phẩm xuất khẩu	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
58.23	Lượng NL, VT, LK sử dụng cho SPXK	Nhập lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện sử dụng cho sản phẩm xuất khẩu	
58.24	Định mức sử dụng thực tế	Nhập định mức sử dụng thực tế	
58.25	Số tiền thuế nhập khẩu đã nộp	Nhập số tiền thuế nhập khẩu đã nộp	
58.26	Số tiền thuế đề nghị hoàn/không thu	Nhập số tiền thuế đề nghị hoàn/không thu	
58.27	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
59	Tài liệu chứng minh có quyền sở hữu cơ sở sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam		
59.1	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	
59.2	Ngày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập ngày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	
59.3	Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập tên cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	
59.4	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nhập địa chỉ cơ sở sản xuất	
59.5	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
59.6	Thông điệp dữ liệu	Nhập địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
60	Tài liệu chứng minh có quyền sử dụng cơ sở sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam		
60.1	Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	
60.2	Ngày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập ngày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	
60.3	Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập tên cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	dụng đất của cơ sở sản xuất		
60.4	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nhập địa chỉ cơ sở sản xuất	
60.5	Tên người sở hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	Nhập tên người sở hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở sản xuất	
60.6	Số hợp đồng thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	Nhập số hợp đồng thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	
60.7	Ngày hợp đồng thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	Nhập ngày hợp đồng thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	
60.8	Tên người cho thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	Nhập tên người cho thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	
60.9	Mã số thuế của người cho thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	Nhập mã số thuế của người cho thuê, mượn đất của cơ sở sản xuất	
60.10	Thời hạn cho thuê	Nhập thời hạn cho thuê	
60.11	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
60.12	Thông điệp dữ liệu	Nhập địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
61	Tài liệu chứng minh có quyền sở hữu đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa		
	Trường hợp nhập khẩu		
61.1	Số tờ khai nhập khẩu	Nhập số tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đối với trường hợp nhập khẩu	
61.2	Ngày tờ khai nhập khẩu	Nhập ngày tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đối với trường hợp nhập khẩu	
61.3	Tên máy móc, thiết bị	Nhập tên máy móc, thiết bị	
61.4	Số lượng máy móc, thiết bị	Nhập Số lượng máy móc, thiết bị	
61.5	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
61.6	Thông điệp dữ liệu	Nhập địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
	Trường hợp mua trong nước		
61.7	Số hóa đơn, chứng từ mua máy móc, thiết bị	Nhập số hóa đơn, chứng từ mua máy móc, thiết bị	
61.8	Ngày hóa đơn, chứng từ mua máy móc, thiết bị	Nhập ngày hóa đơn, chứng từ mua máy móc, thiết bị	
61.9	Tên người bán hàng	Nhập tên người bán hàng	
61.10	Mã số người bán hàng	Nhập mã số thuế của người bán hàng	
61.11	Tên máy móc, thiết bị	Nhập tên máy móc, thiết bị	
61.12	Số lượng máy móc, thiết bị	Nhập Số lượng máy móc, thiết bị	
61.13	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
61.14	Thông điệp dữ liệu	Nhập địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
62	Tài liệu chứng minh có quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa		
62.1	Số hợp đồng thuê, mượn máy móc	Nhập số hợp đồng thuê, mượn máy móc	
62.2	Ngày hợp đồng thuê, mượn máy móc	Nhập ngày hợp đồng thuê, mượn máy móc	
62.3	Tên người cho thuê, mượn máy móc	Nhập tên người cho thuê, mượn máy móc	
62.4	Mã số người cho thuê, mượn máy móc	Nhập mã số thuế của người cho thuê, mượn máy móc	
62.5	Tên máy móc, thiết bị	Nhập tên máy móc, thiết bị	
62.6	Số lượng máy móc, thiết bị	Nhập Số lượng máy móc, thiết bị	
62.7	Ghi chú khác	Nhập ghi chú khác	
62.8	Thông điệp dữ liệu	Nhập địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
63	Văn bản thông báo của doanh nghiệp bưu chính, dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế về việc không giao được cho người nhận		
63.1	Số thông báo	Số thông báo	
63.2	Ngày thông báo	Ngày thông báo	
63.3	Đơn vị thông báo	Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bưu chính, dịch vụ chuyên phát nhanh	
63.4	Người nhận thông báo	Tên, địa chỉ của người nhận thông báo	
63.5	Lý do	Lý do trả lại	
63.6	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
63.7	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
64	Văn bản xác nhận của doanh nghiệp cung ứng tàu biển về số lượng, trị giá hàng hóa mua của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài kèm bảng kê chứng từ thanh toán của các hãng tàu biển nước ngoài		
64.1	Số văn bản	Số văn bản xác nhận	
64.2	Ngày văn bản	Ngày văn bản xác nhận	
64.3	Tên người xác nhận	Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cung ứng tàu biển	
64.4	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài	
64.5	Số lượng	Số lượng hàng hóa của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài	
64.6	Đơn vị tính	Đơn vị tính của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài	
64.7	Trị giá	Trị giá hàng hóa của doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu đã thực cung ứng cho tàu biển nước ngoài	
64.8	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
64.9	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
65	Quyết định của đơn vị chủ quản về việc giao nhiệm vụ quản lý và thực hiện dự án hoặc quyết định phê duyệt dự án ODA của cơ quan chủ quản dự án trong đó ghi rõ hình thức cung cấp là ODA không hoàn lại		
65.1	Số quyết định	Số quyết định	
65.2	Ngày quyết định	Ngày quyết định	
65.3	Cơ quan ban hành	Tên cơ quan ban hành	
65.4	Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án/thông tin phê duyệt dự án	Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án/thông tin phê duyệt dự án	
65.5	Tổ chức, cá nhân nước ngoài nhận viện trợ	Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài nhận viện trợ	
65.6	Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện	
65.7	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	
65.8	Tổng vốn	Tổng vốn	
65.9	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại)	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại)	
65.10	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
65.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
66	Danh mục chi tiết hàng hóa viện trợ cho nước ngoài do đơn vị thực hiện dự án lập		
66.1	Số danh mục	Số danh mục	
66.2	Ngày cấp danh mục	Ngày danh mục	
66.3	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
66.4	Cơ quan cấp danh mục	Cơ quan cấp danh mục	
66.5	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá viện trợ	
66.6	Số lượng	Số lượng viện trợ	
66.7	Đơn vị tính	Đơn vị tính viện trợ	
66.8	Trị giá	Trị giá viện trợ	
66.9	Nguyên tệ	Ngoại tệ của trị giá hàng hóa	
66.10	Chứng từ liên quan	Số, ngày chứng từ liên quan	

STT	Chi tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
66.11	Ghi chú khác	Các ghi chú khác về hàng hóa	
66.12	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
66.13	Chứng từ đặc thù	Chứng từ đặc thù (nếu có)	
67	Giấy xác nhận nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xuất bản đối với hàng hóa là báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT		
67.1	Số Giấy xác nhận	Số Giấy xác nhận	
67.2	Ngày xác nhận	Ngày xác nhận	
67.3	Cơ quan xác nhận	Cơ quan xác nhận	
67.4	Người được xác nhận	Tên, mã số thuế, địa chỉ của người được xác nhận	
67.5	Tên sản phẩm nhập khẩu	Tên sản phẩm nhập khẩu	
67.6	Số lượng	Số lượng	
67.7	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
67.8	Xuất xứ	Nhập mã nước/ tên nước xuất xứ	
67.9	Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản	Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản	
67.10	Cơ quan hải quan dự kiến nhập khẩu	Cơ quan hải quan dự kiến nhập khẩu	
67.11	Thời hạn hiệu lực của xác nhận	Thời hạn hiệu lực của xác nhận	
67.12	Ghi chú khác	Các ghi chú khác về hàng hóa	
67.13	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
68	Quyết định phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án và văn kiện chương trình, dự án, phi dự án đối với hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ không hoàn lại không		

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam		
68.1	Số Quyết định	Số Quyết định	
68.2	Ngày quyết định	Ngày quyết định	
68.3	Cơ quan ban hành	Tên cơ quan ban hành	
68.4	Tên của chương trình, dự án hoặc phi dự án	Tên của chương trình, dự án hoặc phi dự án	
68.5	Mã ngành dự án, mã số dự án	Mã ngành dự án, mã số dự án	
68.6	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	
68.7	Bên cung cấp viện trợ	Bên cung cấp viện trợ	
68.8	Chủ dự án (tên, MST)	Tên, mã số thuế của chủ dự án	
68.9	Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện	
68.10	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	
68.11	Tổng vốn	Nhập nội dung vốn viện trợ không hoàn lại/Vốn đối ứng (tiền mặt, hiện vật)/Vốn do các bên quản lý thực hiện (của chủ dự án, của bên tài trợ)/Vốn viện trợ (thuộc nguồn thu ngân sách, không thuộc nguồn thu ngân sách)	
68.12	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	
68.13	Ghi chú khác	Ghi chú khác	
68.14	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
69	Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án		
69.1	Số văn kiện	Số văn kiện	
69.2	Ngày văn kiện	Ngày văn kiện	
69.3	Cơ quan ban hành	Tên cơ quan ban hành	
69.4	Tên khoản viện trợ	Tên khoản viện trợ	
69.5	Bên viện trợ	Tên bên viện trợ	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
69.6	Tên, địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ	Tên, địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ	
69.7	Thời gian dự kiến thực hiện viện trợ	Thời gian dự kiến thực hiện viện trợ	
69.8	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	
69.9	Ghi chú khác	Ghi chú khác	
69.10	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
70	Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận cụ thể về vốn ODA không hoàn lại đối với hàng hóa nhập khẩu sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)		
70.1	Số, ngày văn bản trao đổi về việc cam kết và tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại	Số, ngày văn bản trao đổi về việc cam kết và tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại	
70.2	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	
70.3	Nội dung cam kết về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu (nếu có)	Chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu TTDB, BVMT, GTGT, thuế XNK bổ sung...	
70.4	Nội dung cam kết về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (nếu có)	Số lượng, chủng loại, đơn vị cung cấp....	
70.5	Nội dung cam kết về tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa liên quan đến nguồn vốn ODA (nếu có)	Nhập nội dung trên cam kết (nếu có)	
70.6	Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện	
70.7	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	
70.8	Tổng vốn	Tổng vốn	
70.9	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
70.10	Ghi chú khác	Ghi chú khác	
70.11	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
71	Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án hoặc Quyết định đầu tư chương trình và Văn kiện dự án đối với hàng hóa nhập khẩu sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)		
71.1	Số quyết định	Số quyết định	
71.2	Ngày quyết định	Ngày quyết định	
71.3	Tên cơ quan ban hành	Tên cơ quan ban hành	
71.4	Tên dự án	Tên dự án	
71.5	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	
71.6	Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án	Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án	
71.7	Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài (nếu có)	Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài (nếu có)	
71.8	Thời gian thực hiện	Thời gian thực hiện	
71.9	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	
71.10	Mục tiêu, hoạt động và kết quả	Nêu rõ mục tiêu tổng quát và cụ thể	
71.11	Phương thức thực hiện	Phương thức thực hiện	
71.12	Tổng vốn	Tổng vốn	
71.13	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	
71.14	Đối tượng thụ hưởng	Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp	
71.15	Điều kiện ràng buộc	Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài nếu có	
71.16	Ghi chú khác	Ghi chú khác	
71.17	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
72	Văn kiện hoặc điều chỉnh văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan có thẩm quyền		
72.1	Số văn kiện	Số văn kiện	
72.2	Ngày văn kiện	Ngày văn kiện	
72.3	Cơ quan ban hành	Tên cơ quan ban hành	
72.4	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	Tên cơ quan chủ quản, chủ khoản viện trợ	
72.5	Tên khoản viện trợ	Tên khoản viện trợ	
72.6	Bên viện trợ	Tên bên viện trợ	
72.7	Thời gian thực hiện viện trợ	Thời gian thực hiện viện trợ	
72.8	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	
72.9	Nội dung viện trợ	Nội dung viện trợ	
72.10	Hình thức viện trợ	Hình thức viện trợ	
72.11	Đối tượng thụ hưởng	Đối tượng thụ hưởng	
72.12	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	Cơ cấu vốn (vốn không hoàn lại, vốn đối ứng)	
72.13	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
72.14	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
72.15	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
72.16	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
72.17	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
72.18	Nguyên tệ	Nguyên tệ	
72.19	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
72.20	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
72.21	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	
73	Hợp đồng cung cấp hàng hoá cho dự án ODA viện trợ không hoàn lại cho nước ngoài		
73.1	Số hợp đồng	Nhập số hợp đồng	
73.2	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
73.3	Hiệu lực hợp đồng	Ngày hiệu lực hợp đồng	
73.4	Tên dự án	Tên dự án ODA	
73.5	Tên người mua hàng	Tên, mã số thuế, địa chỉ người mua hàng	
73.6	Tên người bán hàng	Tên, mã số thuế, địa chỉ người bán hàng	
73.7	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng giá trị của hợp đồng	
73.8	Đồng tiền thanh toán	Mã nguyên tệ thanh toán	
73.9	Điều kiện thanh toán	Điều kiện thanh toán toán	
73.10	Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán	
73.11	Điều kiện giao hàng	Điều kiện giao hàng	
73.12	Mã số hàng hóa	Mã HS của hàng hóa (nếu có)	
73.13	Tên hàng hoá	Tên hàng hoá	
73.14	Số lượng	Số lượng hàng hóa	
73.15	Đơn vị tính	Đơn vị tính hàng hoá	
73.16	Trị giá	Trị giá hàng hóa	
73.17	Nguyên tệ	Ngoại tệ của trị giá hàng hóa được cấp phép (nếu có)	
73.18	Ghi chú khác	Các ghi chú khác	
73.19	Thông điệp dữ liệu	Địa chỉ tra cứu trong trường hợp được cấp dưới dạng điện tử (ví dụ: địa chỉ website,...)	